

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**BÙI HỒNG THANH**

**PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC**

**HÀ NỘI - 2021**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**BÙI HỒNG THANH**

**PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC**

**Mã số: 9229009**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Lê Tâm Đắc**

**2. TS. Nguyễn Khắc Đức**

**HÀ NỘI - 2021**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**

**Bùi Hồng Thanh**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BVMT	: Bảo vệ môi trường
ÚPVBDKH	: Ứng phó với biến đổi khí hậu
UBTWMTTQVN	: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi trường
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
GHPGVN	: Giáo hội Phật giáo Việt Nam

# MỤC LỤC

	<b>MỞ ĐẦU</b>	1
	<b>NỘI DUNG</b>	6
	<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b>	6
1.1.	Tổng quan tình hình nghiên cứu	6
1.2.	Những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến luận án	22
	<b>CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM</b>	30
2.1.	Cơ sở lý luận tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam	30
2.2.	Cơ sở thực tiễn tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam	45
	<b>CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM</b>	56
3.1.	Chủ trương, phương pháp bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam	56
3.2.	Lực lượng, mô hình bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam	78
	<b>CHƯƠNG 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM</b>	106
4.1.	Một số vấn đề đặt ra đối với thực tiễn tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam	106
4.2.	Dự báo xu hướng tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam	115
4.3.	Một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của Phật giáo Việt Nam đối với hoạt động bảo vệ môi trường	127
	<b>KẾT LUẬN</b>	138
	<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ</b>	140
	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	141
	<b>PHỤ LỤC</b>	159

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của luận án

Hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường đang ngày càng nóng bỏng và mang tính sống còn của loài người trên toàn cầu. Thực tế những thập kỷ gần đây cho thấy, vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự khủng hoảng sinh thái trên phạm vi toàn thế giới đang được hầu hết các quốc gia dành sự quan tâm hàng đầu, bởi sự trả thù của tự nhiên đã trở thành hiện thực. Sự mất cân bằng giữa cuộc sống con người và môi trường đang đẩy các quốc gia vào những thảm họa của thiên nhiên. Chính vì điều này mà không có nước nào có thể đứng ngoài và thờ ơ với vấn đề này.

Ở Việt Nam, tăng trưởng kinh tế những năm vừa qua được thế giới ghi nhận. Nhưng, sự tăng trưởng kinh tế này đã phải trả giá bằng sự cạn kiệt tài nguyên, sự xuống cấp môi trường. Trong giai đoạn tới, một mặt, nước ta không thể tiếp tục vì tăng trưởng mà hi sinh môi trường, mặt khác, nền kinh tế phát triển khá hơn sẽ cho phép bảo vệ môi trường tốt hơn. Vấn đề đặt ra đối với nước ta hiện nay là cần phải hành động để giải quyết bài toán hai mặt của vấn đề học búa này.

Trước tình hình nêu trên, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số văn bản pháp luật cũng như thành lập một số cơ quan chức năng bảo vệ môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường được tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bộ Tài nguyên và Môi trường (BTNMT) cùng các nhà khoa học trong nước và quốc tế đã tổ chức nhiều hội thảo với mong muốn tìm kiếm đáp án cho bài toán môi trường tại Việt Nam. Hệ thống luật pháp liên quan đến lĩnh vực môi trường được thực hiện nghiêm túc hơn, các vấn đề bức xúc về môi trường được sự vào cuộc của hệ thống chính trị. Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp và xây dựng đô thị phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường. Mặc dù vậy, nhiều vụ việc phá hoại môi trường không thể phục hồi ở Việt Nam vì chạy theo lợi nhuận bất chấp nguy hiểm cho sự sống của người dân vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt, do lòng tham

và thiếu trách nhiệm, một số lãnh đạo đã dung túng cho các hoạt động gây tổn hại môi trường. Hơn nữa, các biện pháp chế tài pháp luật về phá hoại môi trường còn khá lỏng lẻo và thiếu tính răn đe.

Trong cuộc chiến bảo vệ môi trường ở nhiều quốc gia trên thế giới, các tổ chức tôn giáo có vai trò rất đáng kể. Phật giáo là một trong những tổ chức tôn giáo có đóng góp rõ rệt nhất trong việc bảo vệ môi trường từ lý thuyết đến thực tiễn. Trong Thông điệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu tại Hội nghị toàn quốc về “*Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*” tổ chức vào tháng 12/2015 tại tỉnh Thừa Thiên-Huế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã kêu gọi mỗi người bằng hành động thiết thực của mình bảo vệ môi trường bền vững, cùng nhau làm cho môi trường xanh hơn, sạch hơn và đẹp hơn. Không dừng lại ở thông điệp, GHPGVN đã cụ thể hóa hoạt động BVMT thông qua chủ trương, cách thức, lực lượng và mô hình, khẳng định tinh thần nhập thế, đồng hành cùng dân tộc qua các giai đoạn lịch sử. Mặc dù còn một số bất cập, nhưng kết quả BVMT của Phật giáo Việt Nam thời gian qua là rất đáng kể, khẳng định Phật giáo nói riêng và các tôn giáo nói chung là một nguồn lực xã hội cần được phát huy trong cuộc chiến chung tay giải quyết vấn nạn môi trường ở nước ta.

Với những lý do nêu trên, tôi chọn chủ đề “*Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay*” làm đề tài luận án tiến sĩ ngành Tôn giáo học.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích của luận án**

Luận án từ góc độ tôn giáo học làm rõ quan điểm của Phật giáo đối với môi trường, BVMT và hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam thời gian qua, từ đó đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm mở rộng sự tham gia của Phật giáo và nâng cao hiệu quả công tác BVMT ở Việt Nam thời gian tới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

Để thực hiện được mục đích nêu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, trình bày hệ thống quan điểm liên quan đến BVMT của Phật giáo trong kinh điển và trong lịch sử.

*Thứ hai*, đi sâu phân tích các phương diện hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam hiện nay.

*Thứ ba*, làm rõ một số vấn đề đặt ra, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của Phật giáo Việt Nam đối với hoạt động BVMT.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam hiện nay.

#### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Về thời gian: Luận án chú trọng tìm hiểu hoạt động BVMT tự nhiên và xã hội của Phật giáo từ năm 2015 (thời điểm *Chương trình phối hợp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu* được ký kết giữa UBTWMTTQ, Bộ TNMT và 40 tổ chức tôn giáo) đến năm 2020.

Về không gian: Luận án nghiên cứu hoạt động BVMT tự nhiên và xã hội của Phật giáo ở Bắc Bộ (Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh), Trung Bộ (Thừa Thiên-Huế), Đông Nam Bộ (TP. Hồ Chí Minh), Tây Nam Bộ (Cần Thơ). Đây là những khu vực mà Phật giáo có lịch sử lâu đời, cũng là những khu vực tập trung các khu công nghiệp, các khu chế xuất, đông dân cư tiềm ẩn sự ô nhiễm môi trường.

### **4. Cơ sở lý luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***4.1. Cơ sở lý luận***

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và công tác tôn giáo.

#### ***4.2. Cách tiếp cận***



*Cách tiếp cận triết học, tôn giáo học:* được luận án áp dụng để nghiên cứu những nội dung liên quan đến môi trường và BVMT được đề cập trong giáo lý, giới luật của Phật giáo.

*Cách tiếp cận xã hội học, nhân học, chính trị học:* được luận án áp dụng để nghiên cứu hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam chủ động thực hiện; các hoạt động BVMT do chính quyền các cấp tổ chức, trong đó có sự tham gia của Phật giáo.

### **4.3. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành tôn giáo học kết hợp với một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

Phương pháp nghiên cứu văn bản học để tìm hiểu quan điểm Phật giáo liên quan đến môi trường và BVMT.

Phương pháp so sánh để tìm hiểu sự tương đồng, khác biệt và sự tác động qua lại giữa hoạt động BVMT của Phật giáo một số quốc gia trên thế giới với Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu lịch sử để tìm hiểu hoạt động BVMT của Phật giáo trong dòng chảy lịch sử, đồng thời nhìn nhận những biến cố lịch sử xã hội để thấy Phật giáo và hoạt động BVMT có mối quan hệ gắn bó lâu dài.

Phương pháp tổng hợp, thống kê nhằm nắm bắt dữ liệu về hoạt động của Phật giáo với vấn đề môi trường, các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp và liên quan đến môi trường ở Việt Nam.

Kết quả của một số cuộc tọa đàm, phỏng vấn sâu, trao đổi trực tiếp với các chuyên gia đầu ngành cũng được luận án lưu tâm sử dụng.

## **5. Đóng góp về khoa học của luận án**

*Một là*, luận án từ góc độ tôn giáo học, nghiên cứu hệ thống và cập nhật quan điểm môi trường, hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam hiện nay.

*Hai là*, luận án vận dụng các lý thuyết nghiên cứu để tìm hiểu chủ trương, cách thức, lực lượng, mô hình BVMT của Phật giáo Việt Nam.

*Ba là*, luận án bước đầu đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của Phật giáo Việt Nam đối với hoạt động BVMT thời gian tới.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận án đóng góp luận cứ khoa học về quan điểm môi trường và hoạt động BVMT của Phật giáo để góp phần giải quyết một số vấn nạn môi trường ở Việt Nam.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu và giảng dạy chuyên ngành tôn giáo học ở nước ta, nhất là ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước; đóng góp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục hoàn thiện chủ trương, chính sách về môi trường, nâng cao hiệu quả công tác BVMT thời gian tới.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài Lời cam đoan, Mục lục, Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình của tác giả có liên quan đến luận án đã công bố, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung luận án gồm 04 chương, 9 tiết và tiểu kết các chương.

## NỘI DUNG

### Chương 1

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

#### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề

##### 1.1.1.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở ngoài nước

- Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến cơ sở lý luận và thực tiễn Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường

Padmasiri de Silva (1998), *Environmental Philosophy and Ethics In Buddhism (Triết lý và đạo đức môi trường trong Phật giáo)*, Macmillan Press Ltd., London [190], giới thiệu về các lý thuyết đạo đức môi trường phương Tây, và chống lại nền tảng này bằng một triết lý môi trường Phật giáo, bao gồm một loạt vấn đề môi trường Phật giáo, đạo đức, kinh tế và quan điểm của Phật giáo đối với giáo dục môi trường. Nghiên cứu này không chỉ tìm ra nguyên nhân cuộc khủng hoảng môi trường đương đại mà còn thấy được đóng góp của Phật giáo bằng các giải pháp tích cực.

Pragati Sahni (2008), *Environmental Ethics in Buddhism (Đạo đức môi trường của Phật giáo)*, Nxb. Routledge Taylor and Francis Group, New York [191]. Tác giả cho rằng, Phật giáo có thể được hiểu như một đạo đức môi trường. Công trình này đưa ra một cách tiếp cận sáng tạo cho chủ đề đạo đức môi trường Phật giáo hài hòa với các giáo lý truyền thống cũng như thích ứng và linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề môi trường hiện nay.

Tế Quân (2010), " Tư tưởng bảo vệ môi trường của Phật giáo " [131], trong: Thích Nhuận Đạt dịch, *Đạo Phật và môi trường*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. Tác giả khẳng định, nguyên nhân môi trường sống của con người trên thế giới hiện nay ngày càng tồi tệ xuất phát từ sự tham lam của con

người. Từ đó, tác giả đưa ra những gợi mở trên cơ sở tư tưởng Phật giáo để giúp con người giải quyết ô nhiễm môi trường, đó là khắc phục dục vọng và tính tham lam, sửa đổi quan niệm hạnh phúc, thay đổi cách sống, nhận thức giữa con người với thiên nhiên, bồi dưỡng trạng thái tâm lý tốt đẹp.

Nguy Đức Đông (2010), "Quan điểm của Phật giáo về môi trường sinh thái" [74] khẳng định, Phật giáo không phải là Sinh thái học. Nhưng kinh sách Phật giáo chứa đựng tư tưởng Sinh thái học phong phú và độc đáo. Tác giả tập trung trình bày nền tảng lý luận, đặc trưng cơ bản, nội dung cụ thể và tính thực tiễn của Sinh thái quan Phật giáo đồng thời tin tưởng vào sợi dây vô hình gắn kết giữa Phật giáo và xã hội đương đại. Phật giáo không chỉ có tư tưởng sinh thái học sâu sắc mà tính thực tiễn về sinh thái cũng không kém phần sinh động. Xét về phía Phật giáo, tính thực tiễn sinh thái là phương pháp giác ngộ thành Phật của hàng đệ tử Phật. Xét từ ý nghĩa xã hội, tính thực tiễn sinh thái tạo điều kiện để Phật giáo khẳng định tinh thần nhập thế trong đời sống đương đại nhiều hơn.

Kawada Yoichi (2010), "Quan điểm của Phật giáo Đại thừa về nhân loại, trái đất và vũ trụ" [100] cho rằng, phong trào Sinh thái học tầng sâu đã mở rộng sự hiện diện bằng việc thông qua đặc điểm của tôn giáo nói chung và phản ánh ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo nói riêng. Trong Phật giáo, nguyên lý Duyên khởi được xem như sợi dây kết nối mọi thứ trong vũ trụ, công nhận sự cộng tồn tất cả sinh vật, thừa nhận con người chỉ thực sự hạnh phúc khi giải quyết hài hòa mối quan hệ với tự nhiên.

Dhammacarini Amoghamati Traud – Dubois (2014), "Eating animals: Implications from Environmental and Buddhist point of view" (*Ăn thịt động vật: Quan điểm môi trường và Phật giáo*) [32]. Trên cơ sở đi sâu phân tích giáo lý Phật giáo Nguyên thủy, tác giả khẳng định không thể phớt lờ sự tác động toàn cầu về sự chọn lựa chế độ ăn uống của con người. Bởi vì, đã đến lúc con người nhận ra chúng ta là một ví dụ cho lối sống biết rằng động vật có thể chịu đau khổ và không xứng đáng khi bị khai thác và giết chết?

Ranjan Malvika (2014), *Environmental Protection in Jainism and Buddhism (Bảo vệ môi trường trong đạo Jaina và đạo Phật)*, Vol 4, Indian Journals [192]. Tác giả khẳng định, những giá trị đạo đức của tôn giáo có thể giải quyết bài toán môi trường. Mỗi tôn giáo đều chứa đựng các giá trị và niềm tin ủng hộ đạo đức bảo tồn điển hình như Ahimsa và Karma trong Jaina giáo và Phật giáo. Không ít các tôn giáo nhấn mạnh đến lối sống giản dị hoặc tiêu dùng cải vật chất khiêm tốn, đưa ra nguyên tắc phân phối và tiêu dùng hợp lý. Do vậy, cần phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo để ứng phó với các cuộc khủng hoảng môi trường.

David E. Cooper, Simon P. James (2017), *Buddhism, Virtue and Environment (Phật giáo, đức hạnh và môi trường)*, Nxb. Routledge Taylor and Francis group, New York [180]. Các tác giả tìm ra mối liên hệ giữa Phật giáo và vấn đề môi trường trong lý thuyết tôn giáo này. Phật giáo, đức hạnh và môi trường không chỉ quan tâm đến học sinh và giáo viên Phật giáo, mà còn những đối tượng khác tham gia với triết học đạo đức. Các tác giả cũng góp phần vào cuộc tranh luận rộng hơn về đạo đức trong giáo lý và thực hành Phật giáo, cũng như mối quan hệ giữa hạnh phúc con người và mối quan tâm về môi trường.

Daniel Corort, James Mark Shields (2018), *The Oxford Handbook of Buddhist Ethics (Sổ tay Oxford về đạo đức Phật tử)*, Nxb. Oxford University, New York [181]. Công trình đề cập tổng quan về đạo đức Phật giáo trong thế kỷ XXI, trong đó tập trung vào 3 khía cạnh: *một là*, nền tảng đạo đức Phật giáo thông qua nghiệp báo và giới luật; *hai là*, đạo đức Phật giáo với đạo đức phương Tây trong về vấn đề môi trường; *ba là*, các vấn đề đương đại xung quanh đạo đức Phật giáo như giới tính, tình dục, quyền động vật.

- *Nhóm công trình liên quan thực tiễn Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường*

Peter Daniels (2014), "Buddhism, Climate Change and New Approaches to Energy for Sustainable Societies" (*Phật giáo, sự thay đổi khí*

*hậu và các phương pháp mới về năng lượng cho xã hội bền vững*) [123]. Tác giả đi sâu phân tích đóng góp Phật giáo đối với việc quy định và hướng dẫn cách bảo tồn năng lượng. Sau khi giới thiệu các phương pháp lựa chọn năng lượng, tác giả đề nghị, khả năng bảo tồn nghiệp quả được xem như là người chỉ dẫn cho sự đánh giá năng lượng. Từ đó, tác giả kết luận, sự thức tỉnh của tín hiệu nghiệp về sự tiêu dùng vật chất và năng lượng là cách tốt nhất để đáp ứng điều kiện thay đổi của thiên nhiên hiện nay.

Devin Bowles (2014), "The Concept of Dependent Arising in Reducing the Likelihood and Effects of Climate – Related Conflict" (*Khái niệm về thuyết Duyên khởi trong việc giảm thiểu khả năng có thể xảy ra và hậu quả của sự biến đổi có liên quan đến khí hậu*) [31]. Tác giả cho rằng, những mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc có thể bị cản trở bởi sự đột biến liên quan đến khí hậu và sự tuân thủ không đúng nguyên lý duyên sinh. Sau khi trưng dẫn một loạt câu hỏi, tác giả đưa ra phương pháp để giảm nguy cơ và tác động của cuộc xung đột liên quan đến khí hậu thông qua các quan điểm Phật giáo.

Samatha Ilangakoon (2014), "Buddhist Religious Ecological Concepts" (*Quan điểm Phật giáo về sinh thái*) [134]. Tác giả khẳng định, sự khủng hoảng sinh thái hiện nay là do sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá với mục tiêu kiếm tiền bằng mọi cách. Phật giáo là tôn giáo thân thiện với môi trường. Những chuẩn mực đạo đức Phật giáo có thể góp phần làm giảm hoạt động của con người gây ra cuộc khủng hoảng này. Con người có hiểu biết và định hướng hành vi theo đạo đức tôn giáo sẽ không bao giờ làm tổn hại môi trường chỉ vì mục đích sinh tồn của mình.

Indu Girish (2014), "Compatibility of Buddhism and Ecology" (*Mối tương hợp giữa Phật giáo và sinh thái*) [99]. Tác giả cho rằng, Phật giáo là một nguồn lực hướng đạo vững vàng, một nguồn tri thức hữu hiệu đối với các giải pháp về môi trường. Để minh chứng cho nhận định của mình, tác giả tập trung phân tích vai trò của các nguyên lý Phật giáo (Tứ diệu đế, Duyên khởi,

Vô ngã,...) trong việc bảo tồn và khôi phục môi trường, từ đó kết luận, đề phục vụ cho sự bảo tồn môi trường trong tương lai, cách tư duy theo con đường của Phật giáo là tối ưu nhất.

Bikiran Prasad Barua (2014), "Buddha's Way to protect Enviroment and to the Minimization" (*Phật giáo với bảo vệ môi trường và giảm thiểu sự nóng lên của trái đất*) [16]. Theo tác giả, cuộc khủng hoảng môi trường toàn cầu hiện nay đến mức không thể quay trở lại điểm xuất phát. Nhưng nếu nhân loại chung tay thì cuộc khủng hoảng này có thể giảm thiểu tới mức thấp nhất. Để giải quyết tình trạng nóng lên toàn cầu và bảo vệ môi trường hiện nay, cần phát huy vai trò của Liên Hợp Quốc và các tổ chức liên quan và những lời dạy quý giá của Đức Phật.

- *Nhóm công trình nghiên cứu xu hướng, bất cập và giải pháp của Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường*

Yamamoto Shuichi (2010), "Đạo đức môi trường trong Phật giáo Đại thừa" [176], cho rằng trong Phật giáo, mạng sống con người và những dạng sinh mệnh khác luôn bình đẳng với nhau. Phật giáo luôn coi những vấn đề liên quan đến môi trường như là vấn đề đạo đức. Và để giải quyết những vấn đề môi trường hiện nay, thì sự thực hành Phật giáo là giải pháp khả thi giúp loại bỏ khổ đau của chúng sinh. Điều này có nghĩa, việc phát triển những tiêu chuẩn đạo đức và phương pháp thực hành được đặt trên nền tảng thực hành Phật giáo không những giải quyết được những vấn đề môi trường mà còn hoàn thành tốt mục đích của Phật giáo. Tác giả còn đưa ra một số khuyến nghị giúp khắc phục vấn nạn môi trường mà phù hợp với Phật giáo.

Anand Singh (2014), "Buddhist Response to Global Warming & Environmental Protection: Ideology, Methodology and Dissemination" (*Hưởng ứng Phật giáo đối với sự nóng lên toàn cầu và bảo vệ môi trường: ý thức hệ, phương pháp luận*) [2]. Tác giả trình bày sự hưởng ứng của Phật giáo đối với phong trào bảo vệ trái đất trước sự nóng lên toàn cầu và bảo vệ môi trường tại Thái Lan, Sri Lanka và các nước phương Tây. Những phong trào

này được phân tích một cách có hệ thống, đồng thời đưa ra giải pháp phù hợp giúp duy trì những chuyển động tôn giáo – xã hội trên khắp cộng đồng Phật giáo ở châu Á, cũng như một vài khu vực ở phương Tây. Theo tác giả, Đại thừa (Mahayana) cũng như Kim Cương thừa (Vajrayana) đóng vai trò chủ chốt trong sự hình thành của đạo đức môi sinh và rằng, mối quan hệ mới giữa con người và thiên nhiên là nền tảng của sự hợp tác.

Yamamoto Shuichi (2010), "Hướng đến văn minh địa cầu luận về nạn phá rừng và văn minh Phật giáo" [177], tập trung trình bày hiện trạng của nạn phá rừng ở một số khu vực trên thế giới hiện nay và khẳng định, đó là nguyên nhân một số nền văn minh cổ đại diệt vong, đồng nghĩa với sự sụp đổ của hệ sinh thái, và khi sự thay đổi môi trường trở nên nghiêm trọng sẽ sản sinh nền văn minh mới và hiện tại là thời đại văn minh khoa học kỹ thuật. Với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật con người được giải phóng sức lao động mang lại lợi ích rất lớn. Tuy nhiên, khoa học kỹ thuật theo đuổi hiệu suất sẽ không tránh khỏi đi ngược lại với quan niệm của Phật giáo về môi trường. Bởi Phật giáo chủ trương sự thay đổi thông qua sự phổ cập tư tưởng và giáo dục Phật giáo, có nghĩa là không thể thay đổi đột ngột mà thay đổi dần dần.

Bikiran Prasad Barua (2014), "Buddha's Way to protect Environment and to the Minimization of Global Warming" (*Đạo Phật với bảo vệ môi trường và giảm thiểu sự nóng lên của trái đất*) [16]. Sau khi nêu nguyên nhân chính việc nóng lên của trái đất, tác giả đưa ra phương pháp tiếp cận trong việc BVMT trên cơ sở bốn chân lý huyền diệu của Phật giáo; đồng thời chỉ ra các phương thức để giải quyết mà vai trò của Liên Hợp Quốc cũng như giáo lý của Đức Phật để bảo vệ môi trường rất quan trọng. Tác giả kết luận, trồng cây gây rừng là việc làm thiết thực nhất cho cuộc khủng hoảng này.

Ngoài các công trình nêu trên, nghiên cứu của các học giả nước ngoài liên quan đến Phật giáo và môi trường còn có thể kể đến như: "*Sự đóng góp của Phật giáo Trung Quốc đối với vấn đề sinh thái*" của Vũ Quân Phương, "*Lý luận Phật giáo và xu hướng hiện đại*" của Thích Tuệ Nghiêm, "*Lý luận*



*Phật giáo Đại thừa và xã hội hiện đại*” của Dương Tăng Văn, “*Nghiên cứu về sự tái thiết của lý luận Đại thừa hiện đại*” của Phó Vĩ Huân (1990), trong Hội thảo khoa học *Giai đoạn đầu của nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc: Lý luận Phật giáo và xã hội hiện đại*, diễn ra tại Đài Loan. Ngoài ra, một số tham luận tại Hội thảo *Giai đoạn ba của lý thuyết nhằm thẳng vào thực tế và cuộc đối thoại của giới Phật giáo thực dụng với hiện đại*, do Tập đoàn Văn hóa Giáo dục Tài chính Đài Loan tổ chức năm 2003, đề cập về giới luật Phật giáo và vấn đề BVMT như: “*Niềm tin vào đất: Thiết lập nguồn gốc Sinh thái học Phật giáo*” của Dương Huệ Nam, “*Xã hội Phật giáo Đài Loan thực hành việc bảo vệ môi trường*” của Thích Truyền Pháp, “*Nguyên tắc của Sinh thái học và sự quan tâm của Phật giáo về môi trường*” của Lâm Triều Thành.

#### **1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở trong nước**

- *Nhóm công trình nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường*

Nguyễn Thế Phúc và Ngô Văn Trân (chủ biên), *Triết học tôn giáo với những vấn đề nhân sinh quan: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2016 [125]. Công trình tập hợp hơn 30 bài viết về triết học tôn giáo và nhân sinh quan tôn giáo với các vấn đề về toàn cầu hoá và giải thoát luận, vai trò của tôn giáo trong xã hội hiện đại qua sự kiến giải của Erich Fromm, Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Thích Thọ Lạc (2016), *Phật giáo trước vấn nạn môi trường*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 6 [105]. Bài viết chia sẻ một số giải pháp dưới khía cạnh nhân sinh quan và đạo đức học Phật giáo, góp phần cùng các nhà khoa học, các nhà quản lý hoạch định một hướng đi lâu dài và bền vững, phát triển kinh tế Việt Nam song song với việc bảo vệ môi trường sống.

Nguyễn Thị Trang (2013), "Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường", trong Hội thảo khoa học *Giá trị, vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng và nâng cao đạo đức lối sống con người Việt Nam hiện nay* [165], do Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ tổ chức tại

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10/2013, khái quát tư tưởng của Phật giáo liên quan đến môi trường, nhấn mạnh đóng góp của Phật giáo trong hình thành ý thức bảo vệ môi trường của người dân Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Phúc Nguyên (2012), *Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 6 [118], khẳng định những hậu quả của việc tàn phá môi trường đang đưa cuộc sống của loài người đến gần bờ vực diệt vong. Các quốc gia, các tổ chức và toàn xã hội, trong đó có Phật giáo, đưa ra những giải pháp để cải thiện vấn đề môi trường. Trải qua hàng ngàn năm gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo đang tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Bằng những cách thức và phương pháp của mình, Phật giáo Việt Nam đang từng ngày đóng góp cho cuộc chiến bảo vệ môi trường.

Quảng Tuệ (2015), *Phật giáo với đạo đức môi trường*, Tạp chí Khuông Việt, số 29, bàn về mối quan hệ giữa đạo đức Phật giáo với đạo đức môi trường [155]. Từ đó, tác giả khẳng định, việc xây dựng ý thức và thực hành hành vi đạo đức môi trường là một trong những biện pháp chân chính để tín đồ Phật giáo đạt tới giác ngộ - giải thoát cho chính bản thân.

Nguyễn Trọng Chuẩn (2016), *Trách nhiệm và vai trò của Phật giáo với bảo vệ môi trường*, Tạp chí Khuông Việt, số 35 [28] cho rằng, Phật giáo không phải là học thuyết chuyên bàn về bảo vệ môi trường nhưng trong kinh sách của tôn giáo này lại chứa đựng không ít tư tưởng có giá trị về mối quan hệ biện chứng giữa thiên nhiên và con người, việc bảo vệ sự sống của muôn loài. Về mặt thực tiễn, Phật giáo là tấm gương về sự gắn bó giữa con người và thiên nhiên, về sự tôn trọng thiên nhiên và các loài sinh vật.

Hoàng Thị Thơ (2017), *Phật giáo với đạo đức lối sống xanh*, Tạp chí Triết học, số 1 [148]. Bài viết đề cập đến vấn đề khủng hoảng môi trường bởi con người và đạo đức lối sống xanh, đóng góp của Phật giáo với đạo đức lối sống xanh. Theo tác giả, từ xa xưa, nhiều tôn giáo có quan niệm tiến bộ về đạo đức lối sống xanh. Với Phật giáo, đó là các chuẩn mực đạo đức nhân văn về môi trường như Duyên khởi, Vô thường, Vô ngã, Nghiệp báo. Tự giác

hướng nội là nền tảng triết học độc đáo của Phật giáo về vũ trụ và con người. Các chuẩn mực đạo đức lối sống xanh của Phật giáo có thể đối phó với khủng hoảng môi trường hiện nay gây ra bởi con người.

Phạm Thanh Hằng, Đỗ Lan Hiền (2019), *Sinh thái học tôn giáo: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội [89]. Công trình tập trung vào ba nội dung chính: Sinh thái học tôn giáo và môi trường; Sinh thái học tôn giáo với khủng hoảng môi trường ở nước ta hiện nay; giải pháp và khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của tôn giáo ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng ở Việt Nam hiện nay. Theo hai tác giả, các lý thuyết tôn giáo từ lâu đặt vấn đề môi trường sinh thái, song hiểu biết và giải pháp của tôn giáo về sinh thái bị xem nhẹ, đặc biệt khi xã hội thế tục lên ngôi, giá trị của tôn giáo bị suy giảm. Tuy nhiên, ba thập niên gần đây, thế giới và Việt Nam quan tâm nhiều hơn đến vấn đề sinh thái của tôn giáo, vai trò của tôn giáo đối với bảo vệ môi trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn.

- *Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam*

Nguyễn Quang Hưng, *Vai trò của tôn giáo trong việc bảo vệ môi trường ở Việt Nam, tại trang <http://btgcp.gov.vn> [97]. Trên cơ sở trình bày việc thuyết giảng của chức sắc tôn giáo về bảo vệ môi trường, bài viết phân tích vai trò của tôn giáo, nhất là Phật giáo, trong việc BVMT ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, tác giả kết luận, các tôn giáo có vai trò to lớn trong việc BVMT. Để phát huy hiệu quả vai trò của tôn giáo trong BVMT cần tới sự nỗ lực từ các tổ chức giáo hội, chức sắc tôn giáo cũng như cơ quan chính quyền, tạo điều kiện về pháp lý và nhân lực cho các tôn giáo.*

Nguyễn Đình Hoà, *Bảo vệ môi trường và đạo Phật ở Việt Nam: Môi trường trong kinh sách và trong thuyết giảng của các vị tăng ni và cư sĩ, <http://vacne.org.vn> [93]. Tác giả chỉ ra 6 vấn đề môi trường mà Phật giáo quan tâm: vấn đề môi trường toàn cầu khu vực, phát triển bền vững, bảo vệ đa*

dạng sinh học, tiết kiệm tài nguyên, phòng chống ô nhiễm môi trường và giáo dục giáo lý đạo Phật về môi trường.

Ngô Văn Trân (2013), *Phật giáo với bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9 [166]. Theo tác giả, với tư cách là một tôn giáo truyền thống của người Việt Nam, Phật giáo đã đóng vai trò tích cực trong việc hình thành nếp sống và ý thức tham gia BVMT hiện nay bằng nhiều cách, thể hiện cụ thể trên ba mặt: *Một là*, lối sống giản dị, tiết kiệm, cân bằng, “thiểu dục tri túc” của Phật tử góp phần làm giảm sức ép vào môi trường và hệ sinh thái tự nhiên. *Hai là*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục Phật tử nhận thức mối liên hệ mật thiết giữa con người với thế giới tự nhiên qua giáo lý Duyên khởi và Vô ngã, từ đó gây dựng niềm tin về một đạo đức ứng xử thiện với tự nhiên, môi trường nhằm tiến tới một thế giới an bình và tốt đẹp. *Ba là*, Phật giáo có truyền thống quan tâm BVMT, nhất là chú trọng kiến tạo những không gian xanh, thanh tịnh ở nơi thờ tự.

Trần Linh Chi, Nguyễn Song Tùng (2013), *Truyền thông môi trường trong tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 12 [23]. Bài viết tập trung phản ánh thành tựu và hạn chế của công tác truyền thông môi trường của chức sắc, nhà tu hành tôn giáo ở Việt Nam cũng như của Ủy ban MTTQ các cấp; sự tham gia BVMT của chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam. Theo hai tác giả, BVMT được các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay quan tâm, đặc biệt là Phật giáo và Công giáo. Nhưng vấn đề BVMT của các tổ chức tôn giáo chỉ có thể đạt hiệu quả tốt khi phát huy được vai trò vô cùng quan trọng của chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo.

Phan Anh Tú (2014), “Ứng xử với môi trường tự nhiên của người Khmer Nam Bộ: nhìn từ Sinh thái học Phật giáo Theravada” [160], trong: Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, do Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) tổ chức tại Kiên Giang. Bài viết phân tích vai

trò quan trọng của Sinh thái học Phật giáo Nguyên thủy đối với người Khmer ở Nam Bộ trong việc BVMT tự nhiên xung quanh ngôi chùa và địa bàn cư trú của cộng đồng tộc người này thông qua những hoạt động cụ thể như bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất đai, bảo vệ cây cối, v.v...

Ngô Quốc Đông (2014), *Tác động tôn giáo tới nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường của tín đồ các tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 10 [73]. Tác giả lý giải tác động luân lý các tôn giáo, trong đó có Phật giáo, tới nhận thức và hành vi BVMT của tín đồ, từ đó nêu một số vấn đề đặt ra đối với mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường cũng như cách nhìn nhận về mối quan hệ đó ở khu vực Tây Nguyên hiện nay.

Thích Đàm Thành (2016), *Phụ nữ Phật giáo với bảo vệ môi trường*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 7 [141]. Tác giả khẳng định, chưa bao giờ vấn đề BVMT lại trở nên cấp thiết như hiện nay. Phật giáo Việt Nam đang nỗ lực không ngừng liên kết với xã hội, phát huy nội lực từ các giới trong chính cộng đồng mình. Trong đó, phụ nữ Phật giáo là thành phần tích cực tham gia vào các phong trào BVMT, xây dựng xã hội hài hòa với tự nhiên là phần đầu đem lại cuộc sống hạnh phúc cho muôn loài.

Thích Đàm Ngoãn (2016), “Vai trò của phụ nữ Phật giáo trong công tác bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng nông thôn mới”, trong: Kỷ yếu hội thảo *Phụ nữ các tôn giáo vùng Đồng bằng sông Hồng chung tay bảo vệ môi trường*, Ninh Bình [119], khẳng định phụ nữ tín đồ Phật giáo có vai trò rất quan trọng trong công tác bảo BVMT góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững và phát triển. Tham luận cũng nêu lên một số khó khăn trong quá trình phụ nữ Phật giáo tham gia BVMT.

Vũ Thị Yến (2016), “Bảo vệ môi trường – từ ý thức đến hành động”, trong: Kỷ yếu hội thảo *Phụ nữ các tôn giáo vùng Đồng bằng sông Hồng chung tay bảo vệ môi trường*, Ninh Bình [178], khẳng định BVMT không chỉ là trách nhiệm của các cấp, các ngành mà còn của toàn thể tầng lớp nhân dân. Những năm qua, Phật tử tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều phong trào tự

quản vệ sinh môi trường. Họ giúp chị em hiểu rằng, việc giữ gìn và BVMT không chỉ dừng ở việc dọn sạch cảnh quan môi trường mà còn quan trọng hơn là phải biến thành ý thức, hành động thường xuyên.

Nguyễn Hoàng Tuấn (2016), *Ăn chay đối với đời sống xã hội hiện nay*, Tạp chí Khuông Việt, số 35 [157], tập trung phân tích lợi ích của việc ăn chay đối với đời sống xã hội, đặc biệt là vấn đề về môi trường được nhiều quốc gia áp dụng. Ở nước ta, phong trào ăn chay đang phát triển nhanh. Việc tuyên truyền tích cực và thường xuyên của các tổ chức Phật giáo sẽ góp phần cho cuộc vận động nói không với thực phẩm đang lan tràn hiện nay.

Hà Thị Xuyên (2016), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Tạp chí Khuông Việt, số 35 [175], tổng kết một số hoạt động BVMT của GHPGVN trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do MTTQ phát động thời gian qua.

Thích Nhất Hạnh (2017), *Hướng đi của đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh*, Nxb. Lao động [87], khẳng định mỗi người có thể đóng góp cho bảo vệ và chăm sóc hành tinh, nhất là phải biết nắm lấy cơ hội thuận tiện để cùng giải quyết vấn đề của nhân loại. Tương lai của nhân loại tùy thuộc vào hành động của mỗi người. Mỗi người phải thay đổi lối sống, bởi quyết định muộn màng sẽ ảnh hưởng đến tương lai của thế hệ mai sau.

Ủy Ban Trung Ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ TNMT và NCA Việt Nam (2019), *Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc: Biểu dương, phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Huế [171]. Đây là tập hợp các tham luận trình bày kết quả tham gia BVMT không chỉ các tôn giáo mà còn MTTQ các tỉnh, thành phố. Nhiều cách làm hay, nhiều mô hình phù hợp mà các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng đã tạo ra hiệu ứng tích cực cho việc mở rộng sự tham gia vào hoạt động BVMT ở nước ta.

- *Nhóm công trình nghiên cứu giải pháp của Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường*

Thích Thiện Minh (2015), "Phật giáo vùng Mê Kông: Vấn đề môi trường và ứng xử với môi trường" [113], tập trung trình bày ba nội dung chính: Đức Phật luôn gần gũi với thiên nhiên, tôn trọng thiên nhiên và đề cao việc bảo vệ môi trường sinh thái; vai trò của Phật giáo đối với tiến trình bảo vệ môi trường sinh thái thông qua việc truyền dạy học pháp, hành pháp, hoằng pháp đối với Phật tử; những định hướng nhằm bảo vệ và tôn tạo sông Mê Kông cho tương lai thông qua việc tuyên truyền ý thức BVMT, chính sách từ phía chính quyền và các công ước quốc tế làm cơ sở tham chiếu.

Trần Hoàng Hào, Phan Thị Hồng Xuân (2015), "Phật giáo với vấn đề môi trường và quản lý môi trường (qua phân tích trường hợp hạ lưu sông Mê Kông – Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam)" [88], đi sâu phân tích hiện trạng môi trường các quốc gia khu vực Đông Nam Á, trong đó có vấn đề sông Mê Kông và khu vực Tây Nam Bộ của Việt Nam dưới góc nhìn Phật giáo. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống và tương lai của thế giới, vì vậy cần phải nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước, các tổ chức đoàn thể, tôn giáo (mà Phật giáo là điển hình), chú ý đến hiệu quả của giáo dục văn hóa, ứng xử văn hóa đối với mỗi vấn đề xã hội của quốc gia và quốc tế. Bài viết kỳ vọng góp phần tăng cường hơn nữa trách nhiệm BVMT trong nhận thức và hành động của mỗi cá nhân vì lợi ích lâu dài của quốc gia và toàn cầu.

Nguyễn Thị Thu Hà, Hồ Thị Thúy Phương (2015), "Thuyết Duyên khởi – Giá trị ứng dụng bảo vệ môi trường ở một số quốc gia Phật giáo Theravada thuộc tiểu vùng sông Mê Kông" [84], khẳng định vấn đề ô nhiễm môi trường có nguyên nhân từ lòng tham và dục vọng khiến con người phải tự gánh chịu những hậu quả do chính mình gây ra. Quan niệm của Phật giáo về môi trường, đặc biệt thuyết Duyên khởi và Tứ vô lượng tâm có giá trị ứng dụng để BVMT ở tiểu vùng sông Mê Kông mà Phật giáo Nam tông đang thực hiện.

Nguyễn Công Lý, Thích Minh Ân (2015), "Phật giáo với việc ứng xử và bảo vệ môi trường" [111]. Bài viết cho rằng, tất cả quốc gia trên thế giới cùng chung tay giải quyết vấn đề môi trường. Đây là trách nhiệm của toàn

nhân loại chứ không của riêng ai. Lợi ích kinh tế phải đặt trên nền tảng đạo đức. BVMT là việc làm thiết thực hướng về cộng đồng thế hệ mai sau. Trên tinh thần đó, Phật giáo có những đóng góp tích cực cho vấn đề này qua việc vận dụng một số quan niệm để bảo vệ dòng sông Mê Kông.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2015), "Vận dụng lời Phật dạy để giữ gìn dòng sông Mê Kông" [86], cho rằng Phật giáo ít nhiều ảnh hưởng đến các vấn đề tồn tại trong xã hội và đời sống thường nhật của người dân. Đạo và đời luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Đạo là lối sống làm đẹp thêm cho Đời. Vì lẽ đó, Phật giáo không thể đứng ngoài vấn đề sông Mê Kông hiện nay. Dòng sông này đang đứng trước những nguy cơ nghiêm trọng như sự biến đổi dòng chảy tự nhiên, sự ô nhiễm môi trường nước... Nhưng để bảo vệ dòng sông cho cuộc sống con người hiện tại và mai sau, các chức sắc Phật giáo phải đại diện cho lòng từ bi và phẩm hạnh phát khởi và lan truyền các thiện thức ý qua mỗi tín đồ Phật giáo.

Nguyễn Thị Mỹ (2015), "Phật giáo ứng dụng cho giải đáp các vấn đề môi trường của thế giới và xây dựng sự phát triển tiến bộ, công bằng xã hội – bền vững, ít cacbon" [114], cho rằng các phương pháp tiếp cận và thực hành của Phật giáo là cơ bản của nguyên tắc 4R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và năng lượng tái tạo) và cơ chế phát triển sạch/ thay thế/ giảm carbon. Những nguyên tắc này đang được sự ủng hộ của Liên Hợp quốc, các tổ chức tài chính quốc tế, cộng đồng các doanh nghiệp có thể thực hiện ngay để làm chậm lại phát thải khí CO<sub>2</sub>. Vì lẽ đó, cần phải có cơ chế để thực hiện chân lý khoa học và thực hành Phật giáo trong hoạt động hằng ngày của xã hội.

Đào Thị Mỹ Dung (Thích Nữ Đồng Hòa) (2015), "Phật giáo vùng Mê Kông với sự hâm nóng toàn cầu về bảo vệ môi trường" [35], bàn về vấn đề Phật giáo đưa con người gần với môi trường tự nhiên và sự sinh tồn, xem yếu tố môi trường là một việc rất cấp bách và khuyên con người không nên dùng môi trường làm đối tượng để lợi dụng. Phật giáo giáo dục con người phải biết BVMT tự nhiên, môi trường sinh thái. Sống nhờ môi trường tự nhiên, vì thế



con người phải biết BVMT tự nhiên. Con người và môi trường tự nhiên phải tạo mối quan hệ tương tác cộng sinh thì mới tồn tại lâu dài và bền vững.

Nguyễn Đình Hòe, Lê Đức Chung, Đặng Đình Long biên soạn, *Truyền thông môi trường cho cộng đồng Phật giáo Việt Nam* [94], Nxb. Tôn giáo, 2012, phân tích quan niệm đạo đức môi trường của Phật giáo và các vấn đề môi trường trong thuyết giảng của tăng sĩ và cư sĩ, từ đó đề xuất các phương pháp truyền thông môi trường thích hợp cho cộng đồng Phật tử nhằm phát huy tối đa sức mạnh của họ tham gia BVMT.

Thích Huệ Thông, “Phật giáo với mục tiêu phát triển bền vững” [147], trong: Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, 2014, cho rằng vấn đề môi trường chỉ được giải quyết triệt để khi tâm từ bi trong mỗi con người trỗi dậy, cùng với nhận thức về mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ của muôn loài, vạn vật. Trước cuộc khủng hoảng môi trường mà nhân loại đối mặt, Phật giáo có những quan điểm sâu sắc và thiết thực đối với sự phát triển bền vững. Từ đó, bài viết nêu ra những giải pháp hữu hiệu đóng góp cho vấn đề nóng bỏng của thời đại từ lời dạy của Đức Phật.

Lương Quý Khương, Nguyễn Thiện Chân, "*Phật giáo và vấn đề bảo vệ môi trường: Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Đà Nẵng*" [103], Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 2/2021. Bài viết trình bày cơ sở xuất phát quan điểm của Phật giáo về môi trường, nghiên cứu trường hợp tại thành phố Đà Nẵng. Về lý thuyết, bài viết dựa trên thuyết Duyên khởi và quan niệm chúng sinh bình đẳng. Về thực tiễn, các tác giả khảo sát một số hoạt động BVMT như bảo vệ sinh vật, sống hài hòa với thiên nhiên, tri túc thiểu dục, ăn chay, trồng cây. Dữ liệu định tính và định lượng để làm rõ thực trạng hoạt động BVMT của GHPGVN thành phố Đà Nẵng. Kết quả cho thấy, thành tựu hoạt động BVMT của GHPGVN thành phố Đà Nẵng gồm: tái tạo, xây dựng môi trường sinh thái, xây dựng nếp sống thân thiện với môi trường, truyền thông nâng cao nhận thức của Tăng ni, Phật tử về BVMT. Bên cạnh

đó, các tác giả đã phân tích mặt hạn chế và đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng hiệu quả BVMT thời gian tới.

Ngoài ra, đề cập đến Phật giáo tham gia BVMT còn có thể kể đến: Lê Văn Tâm, *Đạo Phật đối với vấn đề phát triển lâu bền và bảo vệ môi trường*, <http://daitangkinhvietnam.org>. Thích Khế Chơn, *Giáo dục Phật giáo với bảo vệ môi trường*, <http://quangduc.com>. Thích Nguyên Hiệp, *Đạo đức học Phật giáo và vấn đề môi trường*, <http://thuvienhoasen.org>. Thích Chơn Thiện, *Khái niệm của Phật giáo về môi sinh và đạo đức môi sinh*, <http://thuvienhoasen.org>. Tham luận của 14 tổ chức tôn giáo tại Hội nghị toàn quốc *Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Bộ TNMT, Tổ chức Bắc Âu trợ giúp Việt Nam tổ chức tại thành phố Huế vào tháng 12/2015, v.v...

### **1.1.2. Những vấn đề được nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu**

#### ***1.1.2.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu***

Nhóm công trình thứ nhất đã chỉ ra nhân loại đang phải đối mặt với vấn nạn môi trường nghiêm trọng do sự phát triển quá nóng về mặt kinh tế. Phật giáo là một tôn giáo thân thiện với môi trường, có thể đóng góp tích cực làm giảm khủng hoảng sinh thái bắt nguồn từ hoạt động của con người. Triết lý Phật giáo hướng đến việc giải quyết các vấn đề môi trường bằng cách nỗ lực chạm đến cốt lõi của sự khủng hoảng đạo đức nhân loại và chữa lành căn bệnh này từ trong suy nghĩ của con người.

Nhóm công trình thứ hai chú trọng đề cập tới hoạt động BVMT cụ thể của Phật giáo Việt Nam, chỉ rõ tầm quan trọng của vấn đề BVMT, việc cần phải hoạch định phương thức giáo dục và định hướng sống thiện với tự nhiên, giúp tín đồ Phật giáo và quần chúng nhân dân hình thành thói quen có ý thức tự giác cao với những hệ quả của hành vi bản thân đối với môi trường.

Nhóm công trình thứ ba đưa ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm mở rộng sự tham gia của Phật giáo đối với hoạt động BVMT ở một số địa phương nước ta.

Nhìn chung, các công trình đi trước đã công bố tương đối toàn diện về vai trò quan trọng của Phật giáo trong việc chung tay với xã hội thể tục BVMT trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

### ***1.1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu***

Kế thừa tối đa kết quả nghiên cứu đi trước, trên cơ sở bổ sung tài liệu từ khảo sát thực tế của cá nhân, luận án này sẽ triển khai thêm một số nội dung mới nhằm hướng đến một sản phẩm khoa học hệ thống và cập nhật về thực trạng và vấn đề đặt ra liên quan đến hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam hiện nay. Cụ thể:

Trình bày có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường chứa đựng trong kinh sách và cách thức tu tập Phật giáo.

Đi sâu phân tích chủ trương, cách thức, lực lượng tham gia BVMT của Phật giáo Việt Nam, các mô hình BVMT mà Phật giáo Việt Nam đã thực hiện cũng như tham gia hưởng ứng hoạt động của các tổ chức xã hội.

Trên cơ sở thực tiễn hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam chỉ ra những hạn chế, khó khăn, đồng thời dự báo xu hướng tham gia BVMT của Phật giáo Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của Phật giáo đối với BVMT ở nước ta thời gian tới.

## **1.2. Những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến luận án**

### **1.2.1. Khung lý thuyết nghiên cứu của luận án**

#### **1.2.1.1. Câu hỏi nghiên cứu**

Phật giáo có quan điểm hành động liên quan đến môi trường và BVMT như thế nào? Những quan điểm đó có phù hợp với lý luận và quan điểm chung của nhân loại và đáp ứng bài toán môi trường trong bối cảnh hiện nay?

Phật giáo tham gia BVMT ở nước ta bằng những lực lượng nào? Những nhân tố quy định sự tham gia đó của Phật giáo là gì? Phương thức tham gia BVMT của Phật giáo là gì?

Cơ chế nào cho sự phối kết hợp với các tổ chức chính quyền và MTTQ, làm thế nào để khơi dậy và huy động hết tiềm năng của Phật giáo vào sự nghiệp chung BVMT ở nước ta thời gian tới?

### **1.2.1.2. Giả thuyết nghiên cứu**

Phật giáo vốn không bàn về khủng hoảng môi trường, bởi vì thời Đức Phật còn tại thế, môi trường không bị ô nhiễm như ngày nay. Tuy nhiên, trong kinh sách, cách thức tu tập và hành trì của chức sắc và tín đồ Phật giáo lại chứa đựng không ít tư tưởng và việc làm có giá trị nhân văn sâu sắc, phản ánh quan hệ gắn bó giữa con người và thiên nhiên, thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ sự sống của muôn loài nói riêng, BVMT nói chung.

Phát huy lợi thế của mình, Phật giáo Việt Nam thời gian gần đây có những chương trình và hoạt động thiết thực góp phần quan trọng BVMT tự nhiên và xã hội. Hiệu quả của những chương trình và hoạt động này rất đáng kể, được chính quyền ghi nhận. Tuy nhiên, thực trạng tham gia BVMT của Phật giáo Việt Nam thời gian qua cũng đặt ra một số vấn đề cần lưu tâm trong công tác tôn giáo nói chung, việc hoàn thiện pháp luật về tôn giáo nói riêng.

Thực tế ở nước ta gần đây cho thấy, các tổ chức tôn giáo có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước, nhất là lĩnh vực hoạt động xã hội. Nguồn lực xã hội này của các tổ chức tôn giáo cần được lưu tâm tiếp tục phát huy. Do đó, việc tiếp tục đổi mới chủ trương về tôn giáo, hoàn thiện chính sách về tôn giáo thời gian tới cần lưu ý đến việc cho phép các tổ chức tôn giáo, trong đó có Phật giáo, tham gia nhiều hơn vào các dịch vụ công và hoạt động BVMT.

### **1.2.1.3. Lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu của luận án**

*Lý thuyết thực thể tôn giáo:* Khái niệm thực thể tôn giáo được giới nghiên cứu tôn giáo học phương Tây đề cập đến từ khá lâu. Tuy nhiên, lý

thuyết thực thể tôn giáo mới được một số học giả phương Tây sử dụng phổ biến trong những thập niên gần đây. Năm 1992, khái niệm "thực thể tôn giáo" xuất hiện trong cuốn sách cùng tên do Jean Delumeau chủ biên. Khái niệm này được các học giả Pháp, Đức, Bỉ... tranh luận khá sôi nổi. Năm 2002, Régis Débray đã làm rõ hơn khái niệm thực thể tôn giáo trong tác phẩm *L'Enseignement du Fait Religieux dans L'école Laïque*. Ngay sau đó, ông viết bài *Thực thể tôn giáo: các định nghĩa và vấn đề* để diễn giải rõ hơn thuật ngữ thực thể tôn giáo. Theo đó, một thực thể tôn giáo có ba đặc tính: 1) Là thực thể nhận biết và thừa nhận của tất cả mọi người; 2) Là thực thể không bị xét đoán về bản chất, về trạng thái luân lý và đạo đức cũng như nhận thức luận khi thừa nhận và 3) là thực thể mang tính toàn thể. Ông cũng diễn giải tương đối cụ thể thực thể tôn giáo là một tập hợp khổng lồ các phương diện khác nhau đã tồn tại dưới nhiều dạng thức khác nhau.

Đến năm 2009, qua công trình "*Giảng dạy các thực thể tôn giáo*", (Enseigner les Faits Religieux) của Dominique Borne và Jean Paul Willaim, thực thể tôn giáo được làm rõ ràng hơn. Theo các tác giả, từ những tranh luận có thể giảng dạy lịch sử tôn giáo vào những năm 1990 ở môi trường đại học và giáo dục nói chung thì đến năm 2002, khái niệm thực thể tôn giáo đã bước vào môi trường nhận thức quan phương ở Pháp. Tại cuộc hội thảo *Giảng dạy thực thể tôn giáo* do Vụ Giáo dục Phổ thông, Bộ Giáo dục Pháp đã thông qua báo cáo nhan đề *Giảng dạy về thực thể tôn giáo trong trường học duy thể tục* của Resgis Débray. Năm 2004, Rene Resmond đã viết lời đề tựa cuốn sách *Châu Âu và thực thể tôn giáo* cho rằng, dùng khái niệm thực thể tôn giáo là "có thể chấp nhận được bởi tính khách quan của nó: có nghĩa là tính trung lập của nó cũng như tính bao phủ của nó cho phép xác định thái độ tán thành cá nhân cũng chỉ là một chiều kích xã hội" [182, tr.38]. Hai tác giả nêu trên cho rằng, việc sử dụng khái niệm thực thể tôn giáo sẽ khắc phục được cách hiểu sai lầm của giảng dạy lịch sử tôn giáo bởi dù đề cập đến các tôn giáo, nhưng lại chia cắt chúng như là các truyền thống thực hành tôn giáo riêng trong bối

cảnh lịch sử và địa lý khác nhau cũng như hiểu lịch sử các tôn giáo chỉ là sự du nhập của các tôn giáo lớn.

Các học giả phương Tây xem tôn giáo là một thực thể xã hội tồn tại khách quan với tất cả thuộc tính xã hội vốn có của nó. Theo đó, thực thể tôn giáo bao gồm *niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo và cộng đồng tôn giáo*.

Như vậy, theo lý thuyết thực thể tôn giáo, tôn giáo không chỉ được xem một hình thái ý thức xã hội chịu sự tác động và chi phối của tồn tại xã hội mà còn là một thực thể văn hóa có vai trò thúc đẩy hay cản trở tồn tại xã hội, tiến bộ xã hội và tác động trực tiếp hay gián tiếp đến hành vi, lối sống của con người. Điều này có nghĩa, trước thách thức về môi trường, Phật giáo cũng là một thực thể góp phần quan trọng giải quyết bài toán này. Trong phạm vi của luận án, lý thuyết này nhìn tôn giáo trong tổng thể các quan hệ xã hội, thấy rõ niềm tin cũng như thực hành của tín đồ Phật giáo trong các hoạt động BVMT. Nói cách khác, từ việc nhận thức đối với vấn đề BVMT của Tăng ni, Phật tử qua các buổi thuyết pháp có lồng ghép vấn đề môi trường, từ đó sẽ có kết quả cho hoạt động BVMT.

*Lý thuyết chức năng của tôn giáo:* Lý thuyết này gắn với tên tuổi của Auguste Comte, Emile Durkheim, Bronislaw Malinowski, Talcott Parson, Robert Merton. Các học giả nêu trên cho rằng, mỗi chính thể được cấu thành bởi nhiều bộ phận khác nhau, mỗi bộ phận cấu thành đều có những chức năng nhất định và giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ nhằm đảm bảo sự tồn tại của chính thể là một cấu trúc có tính ổn định tương đối.

E. Durkheim đặt vấn đề cần xem xét tôn giáo trong bối cảnh xã hội khác nhau và đóng góp trong việc duy trì trật tự xã hội. Cần tìm hiểu chức năng của từng hiện tượng văn hóa, phong tục, thể chế, tôn giáo... trong mối quan hệ với nhau và với toàn xã hội, cũng như giải thích từng hiện tượng văn hóa riêng lẻ (trong đó có tôn giáo) đã biến đổi như thế nào để thỏa mãn nhu cầu của con người trong xã hội đương đại.

Vận dụng lý thuyết này trong nghiên cứu cho thấy, tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng có những tác động, ảnh hưởng đến đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, văn hóa của người dân Việt Nam. Trước vấn nạn môi trường đang diễn ra, Phật giáo có chức năng điều chỉnh hành vi của con người nhằm đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên.

*Lý thuyết thích nghi và biến đổi:* Lý thuyết này được áp dụng để nghiên cứu sự thích nghi của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là xu hướng nhập thể của tôn giáo này với những hoạt động cụ thể nhằm thích ứng với sự biến đổi xã hội thế tục, trong đó có hoạt động BVMT.

Các lý thuyết nêu trên được tác giả luận án sử dụng nghiên cứu theo hướng tích hợp, hỗ trợ và bổ sung cho nhau, nhằm tìm hiểu một cách toàn diện vai trò của Phật giáo đối với vấn đề BVMT ở Việt Nam trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

### **1.2.2. Một số khái niệm được sử dụng trong luận án**

*Duyên khởi:* thuyết Duyên khởi trước hết bàn về khởi nguyên của thế giới. Theo Phật giáo, không có Thượng đế sáng tạo ra thế giới và con người. Mọi sự vật, hiện tượng đều do nhân duyên mà sinh ra. Khi nhân duyên hòa hợp thì sự vật, hiện tượng được tạo thành. Khi nhân duyên không hòa hợp thì sự vật, hiện tượng tan rã.

Bên cạnh đó, thuyết Duyên khởi còn giải thích sự tương quan tương liên của tất cả hiện tượng tâm lý và vật lý. Theo đó, mọi hiện tượng đều không có bản thể độc lập (vô ngã), mà chỉ là sự tổng hợp của nhiều yếu tố (nhân duyên), tương quan và tương liên với nhau, luôn biến động (vô thường) từ trạng thái này sang trạng thái khác. Nội dung thuyết Duyên khởi được thu tóm qua bốn mệnh đề: "Cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt".

*Vô thường:* theo quan điểm của Phật giáo, mọi sự vật, hiện tượng trên thế gian đều vận động, biến đổi không ngừng nghỉ. Không vật gì thường hằng

dù chỉ trong phút giây. Mọi sự vật, hiện tượng đều phải qua các giai đoạn sinh, trụ, di, diệt. Con người phải trải qua sinh, lão, bệnh, tử.

*Vô ngã*: Phật giáo quan niệm không có cái ngã (cái ta) tồn tại thật. Con người là sự kết hợp tạm thời của 5 yếu tố (ngũ uẩn/ ngũ âm): sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (các yếu tố vật chất và tinh thần). Khi các yếu tố này biến hoại thì con người cũng biến hoại theo.

*Nhân quả*: theo giáo lý Phật giáo, nhân là suy nghĩ, lời nói, việc làm của con người; quả là kết quả của ý nghĩ, lời nói, việc làm của con người. Mọi hoạt động của con người đều để lại một kết quả nhất định, trong đó nhân có trước, quả có sau; quả phụ thuộc vào nhân, nhân quả tương ứng.

*Luân hồi*: hiểu một cách ngắn gọn theo quan điểm của Phật giáo, luân hồi là vòng sinh tử của con người. Khi con người tạo nghiệp ác sẽ bị lệ thuộc trong vòng sinh tử, luân hồi. Muốn thoát khỏi luân hồi, phải thoát khỏi nghiệp báo, nhân quả.

*Nghiệp báo*: Phật giáo cho rằng, tất cả suy nghĩ, lời nói, việc làm có sự chi phối của ý thức con người sẽ để lại một nghiệp nhất định. Việc thiện ác (có chủ ý) trong hiện tại sẽ tạo ra nghiệp báo tương ứng trong tương lai. Một nghiệp tốt mang lại quả tốt, một nghiệp xấu mang lại quả xấu. Con người ở kiếp này phải chịu nghiệp báo tất cả những gì đã làm trong quá khứ.

*Ngũ uẩn*: theo giáo lý Phật giáo, ngũ uẩn là năm thành tố tạo nên chính thể con người. Nói cách khác, con người là sự tập hợp của năm uẩn/ ngũ uẩn, gồm: sắc uẩn (các giác quan, bốn tay chân và phủ tạng), thọ uẩn (các cảm thụ), tưởng uẩn (những sự tri giác tưởng tượng), hành uẩn (các hành tướng của tâm), thức uẩn (những sự phân biệt hay biết). Cho nên, khi ngũ uẩn hợp thì có ta (ngã), khi ngũ uẩn tan thì không có cái gì là ta hay của ta, không có cái ngã/ ta vĩnh hằng, bất diệt.

*Môi trường*: Điều 1, *Luật Bảo vệ môi trường* định nghĩa: “Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”. Theo khái niệm nêu trên, môi



trường sống của con người tùy theo chức năng mà được phân chia thành hai loại là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Môi trường tự nhiên là thế giới khách quan bao gồm các yếu tố thiên nhiên như ánh sáng mặt trời, núi sông, biển cả, không khí, động vật, thực vật, đất, nước..., tồn tại bên ngoài con người, tác động đến cuộc sống con người và cũng chịu sự tác động của con người. Môi trường tự nhiên là cơ sở nền tảng cho con người và muôn vật hình thành, tồn tại và phát triển.

Môi trường xã hội là tổng thể các mối quan hệ giữa con người với con người. Đó là những luật lệ, quy định về chuẩn mực đạo đức, hành vi, lối sống của con người ở các cấp độ khác nhau. Môi trường xã hội định hướng hoạt động của con người theo một khuôn khổ nhất định, tạo nên sức mạnh tập thể thuận lợi cho sự phát triển, làm cho cuộc sống của con người khác với các sinh vật khác.

Tóm lại, môi trường là những yếu tố vật chất tự nhiên cho đến những yếu tố vật chất nhân tạo, là những công cụ, phương tiện trong cuộc sống của con người.

*Bảo vệ môi trường:* Những hoạt động, việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp giữ cho môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong lành, sạch đẹp, cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần của con người, sinh vật, làm cho chất lượng cuộc sống tốt hơn, duy trì cân bằng sinh thái trên cơ sở đa dạng sinh học và sản xuất sạch.

*Hoạt động bảo vệ môi trường:* Theo Điều 3, *Luật Bảo vệ môi trường:* "Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành".

*Phát triển bền vững:* Khái niệm "phát triển bền vững" xuất hiện trong phong trào BVMT trên thế giới từ thập niên 80 của thế kỷ 20 (Báo cáo "*Tương lai chung của chúng ta*" của Hội đồng Thế giới về Môi trường và

Phát triển/ WCED của Liên Hợp Quốc), ở Việt Nam từ thập niên 90 của thế kỷ 20 (Chỉ thị số 36 của Bộ Chính trị về *tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*). Theo đó, phát triển bền vững được hiểu là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và BVMT. Như vậy, để phát triển bền vững cần giải quyết hàng loạt các vấn đề thuộc ba lĩnh vực là kinh tế, xã hội và môi trường.

## Chương 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

#### THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

##### 2.1. Cơ sở lý luận tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam

##### 2.1.1. Quan niệm về môi trường và bảo vệ môi trường của Phật giáo

Trong giáo lý, lễ nghi, giới luật của nhiều tôn giáo cổ xưa chứa đựng những quan niệm về đạo đức môi trường. Nói cách khác, thông qua các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng, người xưa bày tỏ sự trân trọng với môi trường. Chẳng hạn, rừng đầu nguồn thường được thiêng hóa thành nơi ngự của các vị thần, nhờ vậy được bảo vệ tốt qua nhiều thế hệ. Nhưng sự phát triển của ngành công nghiệp khai thác lâm sản, khoáng sản chỉ thấy nguồn lợi nhuận kékch xù của những khu rừng đầu nguồn. Đi cùng với sự giải thiêng, lâm sản, khoáng sản và nước đầu nguồn bị tàn phá không thương tiếc, kéo theo là môi trường và sinh thái bị biến đổi nhanh chóng, thậm chí nhiều nơi trở nên trụi không còn sự sống.

Đối lập với thái độ công nghiệp hóa và chủ nghĩa tiêu dùng, Phật giáo là một trong các tôn giáo đề cao đạo đức đối với môi trường ngay từ buổi ban đầu. Đối với Phật giáo, công nghiệp hóa và chủ nghĩa tiêu dùng kích thích lợi nhuận và sự thỏa mãn không ngừng nhu cầu hưởng thụ che mờ hết đạo đức tự nhiên vốn có ở con người, do đó mà tạo thành các nhân tai khủng khiếp.

Trong giáo lý Phật không có các thuật ngữ "môi trường", "đạo đức môi trường", "lôi sống xanh", nhưng các giải pháp ứng xử của Phật giáo đối với tự nhiên hoàn toàn phù hợp với quan niệm đạo đức môi trường hiện đại trong bản *Tuyên bố Seoul*. Cụ thể, bốn nguyên tắc trong *Bản tuyên bố Seoul* nhấn mạnh, con người là chủ thể thông minh đối xử có trách nhiệm với môi trường tự nhiên như hệ thống chính thể sống của chính mình. *Nguyên tắc thứ nhất* "Tạo môi trường văn hóa tinh thần": đặc biệt nhấn mạnh phương châm khắc

phục mặt trái phàm tục tham lam của công nghiệp hóa và hiện đại hóa bằng cách cân bằng giữa việc theo đuổi nhu cầu vật chất với sự hoàn thiện đời sống tinh thần của con người. *Nguyên tắc thứ hai* “Thực hiện nhu cầu sử dụng môi trường một cách hợp lý”: nhận thức và hành động tiến bộ theo quan điểm “phát triển bền vững” của đạo đức lối sống xanh. Sự an toàn của môi trường là một trong những tiêu chuẩn hiện đại của cuộc sống lành mạnh và hạnh phúc. *Nguyên tắc thứ ba* “Tiêu chuẩn hóa khoa học và công nghệ sạch”: “sạch” và “thân thiện” đưa thành tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá chất lượng của khoa học công nghệ sạch (xanh) cho một tương lai môi trường và sinh thái bền vững. Tiêu chuẩn này bắt buộc các nhà hoạch định chính sách phải xây dựng thành quy chế và có chế tài kiểm tra, tái kiểm tra, và phạt nặng hoặc truy tố đối với tất cả các tổ chức, các cá nhân. *Nguyên tắc thứ tư* “Cùng chia sẻ trách nhiệm”: khẳng định bảo vệ môi trường và thực hiện đạo đức lối sống xanh là trách nhiệm tự giác của tất cả mọi thành viên, mọi cá nhân, mọi tổ chức để tạo thành mạng lưới tự giác cùng bảo vệ môi trường sinh thái của trái đất một cách hiệu quả nhất. Hiểu một cách đơn giản đó là lối sống từ bi, không sát sinh, ăn chay, tạo nghiệp thiện rất ý nghĩa đối với BVMT. Những quan niệm tích cực này của Phật giáo gợi mở cho việc giải bài toán môi trường toàn cầu hiện nay.

Trong *Kinh A Di Đà* có đoạn mô tả cõi tịnh độ với môi trường lý tưởng con người hằng mong ước:

Nước Cực lạc có bảy trùng lan can, bảy trùng màn lưới, bảy trùng hàng cây..., thế nên nước kia gọi là Cực lạc..., cõi Cực lạc có hồ ao bảy báu, nước tám công đức tràn đầy trong ấy.... Hoa sen màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa sen màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa sen màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa sen màu trắng tỏa ánh sáng trắng, các hoa sen ấy có những hương vị thanh khiết vi diệu..., thường có đủ các giống chim, màu sắc lạ đẹp, như chim bạch hạc, khổng tước, anh vũ, cùng chim xá-ly, ca-lăng-tần-già và chim cộng mệnh. Các giống chim ấy, ngày đêm sáu thời, hót tiếng hoà nhã... cõi nước Phật kia, gió hiu hiu thổi, rung các

cây báu cùng những lưới báu phát ra những tiếng êm dịu nhiệm màu, như trăm nghìn nhạc đồng thời trỗi lên..., thường nghe lưng trời hoà nhạc, mặt đất thuần vàng, ngày đêm sáu buổi, hoa Mạn đà la, rắc xuống như mưa [80, tr.81-83].

Thiên nhiên là một phần không thể thiếu, luôn gắn gũi và gắn liền với những sự kiện quan trọng của Đức Phật được ghi lại qua các bộ kinh về cuộc đời của Ngài. Đó là, từ lúc ra đời trong vườn Lâm Tỳ Ni, hai mẹ con Đức Phật đã được che chở dưới tán cây Sa la; Thái tử Tất Đạt Đa với bảy bước đi đầu tiên có bảy bông sen nở đón chào sự hiện diện của Người; Ngài nhập định 49 ngày và giác ngộ thành Phật là dưới gốc cây Bồ đề bên dòng sông Ni Liên Thiên tuyệt đẹp; bài giảng pháp đầu tiên của Đức Phật tại Vườn Nai đẹp nổi tiếng; tịnh xá đầu tiên dành cho Đức Phật và tăng chúng trong mùa kiết hạ của Phật giáo là Trúc Lâm; Đức Phật nhập Niết Bàn cũng dưới hai cây Sa la, v.v... Cuộc sống gắn gũi với thiên nhiên là cơ hội để Đức Phật thêm yêu quý và tôn trọng môi trường tự nhiên. Trong *Phẩm A La hán, Kinh Pháp cú, Kinh Tiểu bộ 1*, câu 98-99 có đoạn mô tả núi rừng, xem núi rừng là nơi lý tưởng trú ẩn cho các vị tăng sĩ xuất gia hành đạo: "Làng mạc hay núi rừng/ Thung lũng hay đồi cao/ La Hán trú chỗ nào/ Đất ấy thật khả ái" [50, tr.28]. Và Đức Phật cũng khẳng định: "Khả ái hay núi rừng/ Chỗ người phạm không ưa/ La Hán trú chỗ nào/ Đất ấy thật khả ái" [50, tr.28].

Phật giáo luôn nhìn nhận con người và tự nhiên trong quan hệ bình đẳng phổ biến thông qua triết lý Duyên khởi và Vô thường, Vô ngã. Trong đó, mỗi yếu tố của toàn thể sự sống luôn tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau, cùng biến chuyển liên tục (vô thường) trong một chuỗi tương tác lớn, không có yếu tố nào tự tại bất biến và hoàn toàn độc lập. Ở đây có sự gặp nhau gần như trùng khớp với triết lý “Hệ thống chỉnh thể sống” (Whole-Life-System) trong bản *Tuyên bố Seoul* nói trên.

Theo thuyết Duyên khởi, sự sinh thành và phát triển của con người là sự kết hợp của nhiều điều kiện (gọi là nhân và duyên) của tự nhiên, xã hội,

tâm lý, sinh lý... đồng thời hội đủ các yếu tố vật chất (sắc còn gọi là tứ đại: đất, nước, lửa, khí) và yếu tố tinh thần (thọ, tưởng, hành, thức), gọi gộp là “Ngũ uẩn” (panca-khandhas). Do vô minh, con người cứ lầm tưởng có một cái Tôi/ Ngã đích thực, đáng quý nhất, nhưng đúng ra chỉ là Vô ngã. Điều này được ghi rõ trong *Phẩm Bồ đề, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Tiểu bộ* tập 1:

“Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt”. Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này [50, tr.54].

Đó là một tập hợp của nhiều yếu tố luôn vận động và biến đổi, mà trong đó tứ đại là phần tự nhiên làm nên hình hài thể xác, song chúng luôn trong biến đổi trong tương tác. Như vậy, ngay trong bản chất mỗi con người, tự nhiên là một thành phần hữu cơ. Do vậy, sự sống của con người qua vòng luân hồi của các kiếp, không tách rời sự vận động và luân hồi của tự nhiên và vạn vật khác như bốn mùa, muông thú, hoa trái, gió mưa... Nói một cách đơn giản hơn, con người không thể tồn tại được nếu không có môi trường thiên nhiên. Môi trường thiên nhiên là điều kiện cho sự sống của con người. Đây là nền tảng triết lý tạo nên thái độ ứng xử độc đáo và bình đẳng của Phật giáo đối với môi trường.

Trên quan điểm từ bi, bình đẳng, Đức Phật khẳng định, tất cả sinh linh đều run sợ trước nguy hiểm và cái chết, và yêu quý sự sống của mình. Khi người ta hiểu được điều này thì sẽ không giết hại hoặc gây ra sự chết chóc đối với sinh linh khác.

Đức Phật tiếp tục khẳng định những lợi ích mà con người có được từ lòng từ bi: “Ngủ được an lạc, dậy được an lạc, không có ác mộng, được người khác ái mộ, được loài phi nhân yêu kính, được loài trời gia hộ” [49 ;tr.11]. Do

vậy, Đức Phật phản đối tục giết súc vật để hiến tế hay ăn thịt và đưa ra giới luật bất sát đối với mọi sinh linh. Phật còn lấy tiêu chuẩn bất sát để đánh giá sự hoàn thiện của một người thông thái, tức một người đã làm chủ được bản thân trên con đường tới Niết Bàn. Theo đó, con người phải sống dựa vào tự nhiên, nhờ tự nhiên để thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu như ăn, uống, mặc và ở... nhưng không phải để thỏa mãn sự tham lam.

Theo Phật giáo, làm nghiệp thiện sẽ nhận được nghiệp lành. Nhân quả nương vào hành động, lời nói, ý nghĩ (thân, khẩu, ý) của mỗi người mà tạo nên nghiệp. Nghiệp truyền qua nhiều kiếp (luân hồi), nhiều giai đoạn sinh thành, phát triển và biến đổi. Mỗi người từ trong hành động tự tạo nghiệp của chính mình. Quan điểm này rất gần với quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác khi bàn về mối quan hệ giữa tự nhiên và con người. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph. Ăng ghen đã cảnh báo sự trả thù của môi trường tự nhiên đối với con người: “Trong giới tự nhiên, không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả. Hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại” [18, tr.652]. Vì thế, “chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta” [18, tr.654].

Theo Ph. Ăng ghen, tự nhiên là nơi cung cấp vật liệu cho con người để biến thành của cải. Tuy nhiên, nếu chỉ vì lợi ích trước mắt mà phá vỡ tự nhiên, thì con người phải gánh chịu những hậu quả khó lường. Người đồng sáng lập ra chủ nghĩa Mác đưa ra dẫn chứng cụ thể về vấn đề này. Theo đó, những người dân sống ở miền núi Italia khi chặt phá các đám rừng tùng trên sườn phía Nam dãy Alps, họ đã không lường được hậu quả sẽ phá hoại việc chăn nuôi trên núi cao. Khủng khiếp hơn, họ không nghĩ rằng, họ là nguyên nhân dẫn đến các suối nước trên núi bị khô cạn suốt thời gian dài trong năm, và đến mùa mưa thì nước lũ của các khe suối đó đổ về khiến đồng bằng chìm trong biển nước. Hậu quả của những hành động trên nhắc nhở “chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một

dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên” [18, tr.655]. Những minh chứng thời đại C. Mác - Ph. Ăngghen một mặt khẳng định quan niệm của Đức Phật về môi trường hơn hai ngàn năm trước là có cơ sở.

Phật giáo còn chỉ ra nguyên nhân dẫn con người có những hành động hủy diệt môi trường tự nhiên, đó là lòng tham, một trong Tam độc (tham, sân, si). Những thành tựu của khoa học kỹ thuật một mặt giúp con người hiện đại tìm hiểu và khám phá nhiều bí mật của vũ trụ, nhưng mặt khác làm cho con người nghĩ rằng đã chế ngự được tự nhiên, coi thiên nhiên là đối tượng cho tham vọng của mình. Vì lẽ đó, con người đã khai thác thiên nhiên một cách quá mức, vô tình đẩy cuộc sống của mình đến bờ vực của sự suy thoái. Cho nên, trong *Kinh Tương ưng III*, Đức Phật tỏ rõ thái độ: "Này các tỳ kheo, Ta không tranh chấp với đời, chỉ có đời tranh chấp với Ta. Nay các tỳ kheo, người nói pháp không tranh chấp với một ai ở đời" [44, tr.165]. Từ đó, Đức Phật dạy Phật tử thay vì chỉ biết tận hưởng dục lạc phải biết “thiểu dục, tri túc” (muốn ít, biết đủ). nếp sống như vậy thì con người mới bảo vệ thiên nhiên và sống một cuộc đời bình yên. Trong *Kinh Trung bộ, tập I*, Đức Phật đã dạy các đệ tử:

Thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của muỗi, gió, sức nóng mặt trời và các loại bò sát... Thọ dụng món ăn khát thực chỉ để thân này được sống lâu, và để bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ cho phạm hạnh... Thọ dụng sàng tọa chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng mặt trời, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh... Thọ dụng các dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn [39, tr.98].

Đó là sống hiểu biết và quý trọng những gì đang có, không nên vì lòng tham mà làm tổn hại đến muôn loài trong tự nhiên, phá vỡ trật tự của tự nhiên. Đây là quan niệm hoàn toàn phù hợp với đạo đức môi trường ngày nay



- một cách sống đầy hiểu biết, không có chỗ cho lòng tham vị kỷ, không vì lợi ích riêng mà gây tổn hại đến môi trường thiên nhiên và muôn loài.

Ngoài ra, các giới luật của Phật giáo đều giúp con người dừng tạo nghiệp ác và dưỡng nghiệp thiện. Muốn thoát khổ, chấm dứt được vòng luân hồi, đạt tới giải thoát thì trước hết phải tạo nghiệp thiện, và tiến tới không còn tạo nghiệp. Khi nói đến sự cách biệt giữa nghiệp thiện và nghiệp ác, Đức Phật đã dạy đệ tử trong *Kinh Tăng chi* như sau:

Rằng xa thật là xa khoảng cách giữa mặt đất và vòm trời. Rằng xa thật là xa khoảng cách giữa bờ bên này đến bờ bên kia. Rằng xa thật là xa, khoảng cách giữa mặt trời mọc với chỗ mặt trời lặn, nhưng còn cách xa, cách xa hơn nữa là khoảng cách giữa pháp bất thiện và pháp kẻ ác [47, tr.410].

Một trong những giới luật quan trọng của Phật giáo là không sát hại sinh linh, cũng như không khuyến khích sát hại sinh linh rất phù hợp với tinh thần đạo đức lối sống xanh. Giới bất sát là giới thứ nhất trong ngũ giới và thập thiện. Lối ăn chay của nhà Phật có nguồn gốc từ đó và đúng tinh thần đạo đức lối sống xanh hôm nay.

Một số lợi ích của không ăn thịt đối với cuộc sống tu hành qua lời dạy của Đức Phật phù hợp với đạo đức môi trường hôm nay được ghi lại trong *Kinh Pháp cú* và *Kinh Lăng già* như sau:

- i) Không được ăn thịt, và phải yêu thương tất cả sinh linh;
- ii) Ăn thịt sẽ có hại cho tiến trình tu thiền;
- iii) Ăn thịt sẽ không tốt cho kiếp sau; ăn chay thì kiếp sau sẽ được nghiệp lành;
- iv) Nếu tất cả mọi người không ăn thịt thì sẽ không có con vật nào bị giết làm thức ăn, và sẽ không có chợ để mua bán thịt [148, tr.163-165].

Cũng như vậy, giới luật Phật giáo không có bất kỳ giới điều nào đặc biệt và cụ thể cho việc BVMT. Nhưng ý nghĩa, mục đích và phương thức sinh hoạt theo giới luật Phật giáo là một trong những giải pháp hữu hiệu cho vấn

đề môi trường ngày nay. Chắc chắn có những điều luật sâu sắc về môi trường cho đến ngày nay chưa đánh giá hết ý nghĩa nhân đạo của Phật giáo. Chẳng hạn, điều 49 có nói nếu giết súc vật, dù là thú dữ hay không cũng phạm giới; nếu biết rằng sẽ có hại cho các loài khác mà vẫn đổ chất độc ra khu vực là phạm giới. Hoặc giới luật dành cho hàng Bồ tát quy định rằng đốt rừng mà gây hại đối với các loài vật đang sinh sống ở đó cũng là phạm giới và tạo nghiệp ác. Hay các điều luật 33, 35 và 125 có nói nếu vô ý đào đất mà làm đứt rễ cây, làm cho cây không lớn được thì không phạm giới, hay uống nước mà vô tình nuốt phải sinh vật nhỏ trong nước cũng không phạm giới; ngược lại biết mà vẫn làm là phạm nghiệp ác, vì những việc làm đó đi ngược với tinh thần từ bi, hỷ xả, vị tha, cứu độ chúng sinh của Phật giáo. Như vậy, có thể thấy, lối ứng xử thân thiện với môi trường thành giá trị đạo đức tính thiện của con người đạt tiêu chuẩn giác ngộ được Phật giáo sớm chuẩn hóa.

Vua A Dục/ Asoka (thế kỷ thứ III TCN), vốn gốc Bà La Môn giáo nhưng đã cải đạo thành Phật tử, nghiêm chỉnh thực hiện ăn chay khi nhận thấy mặt trái của việc ăn thịt sẽ khuyến khích nghề giết gia súc và triệt hạ thú vật, gây mất cân bằng giữa con người và các loài, do vậy phạm vào giới bất sát. Nhà vua đã ra chiếu chỉ, dựng thành các cột kinh kêu gọi người dân Ấn Độ ăn chay và giữ giới bất sát của Phật giáo; kêu gọi dân chúng trồng cây, đào giếng, làm đường, làm lán nghỉ dọc đường, trạm chăm sóc sức khỏe cho người già và trẻ em để trên khắp miền quê Ấn Độ đâu đâu cũng có cuộc sống thanh bình [195, tr.180-185].

Bên cạnh ăn chay, phóng sinh cũng là một nét sinh hoạt độc đáo của Phật giáo. Nếu quan niệm phóng sinh là dùng tiền mua các loại động vật bị bắt thả chúng về với thiên nhiên có nghĩa chưa hiểu hết ý nghĩa của sinh hoạt này. Công đức giới phóng sinh giúp con người thực hiện những tâm nguyện khác nhau của bản thân, tạo dựng cho con người nếp sống nhân ái cũng như thói quen ăn uống lành mạnh thông qua việc hạn chế giết hại động vật. Hành động phóng sinh giúp bảo vệ môi trường sinh thái. Xưa kia, Đức Phật thường

tu tập ở những khu vực côn trùng, cỏ cây sinh sôi rất nhiều. Vì ngăn ngừa việc sát sinh, đệ tử Phật lấy nước phải dùng túi lọc để lọc qua. Hành động này giúp các sinh vật nhỏ hạn chế bị va chạm, sau đó đem chúng vào trong đồ đựng riêng biệt trước khi trả chúng về sông suối, ao hồ. Trong thời nhà Đường, nhà sư Nghĩa Tịnh (635-713) sau khi sang Ấn Độ và quay về Trung Hoa giới thiệu: "Quán trùng lự thủy xuất gia chi yếu nghi, kiến nguy tồn hộ nãi bi trung chi chứng cấp. Ký tri hữu trùng, luật văn linh tác phóng sinh khí giả" (Thấy côn trùng mà lọc nước là nghi thức quan trọng của người xuất gia, thấy nguy hiểm mà quan tâm bảo hộ là sự cứu giúp cấp bách của lòng từ bi. Biết có côn trùng, vẫn trong luật buộc phải làm đồ phóng sinh) [112, tr.157].

Ý nghĩa của phóng sinh có thể bao quát trong tám chữ "ái tích sinh mệnh, viễn li uy hiếp" (nâng niu sinh mệnh, tránh xa uy hiếp). Sinh mệnh là quý báu hơn cả, ai cũng mong cuộc sống hạnh phúc bình an. Một khi sinh mệnh bị uy hiếp, người ta không còn tiếc bất cứ thứ gì để bảo vệ nó. Con người như thế, động vật khác cũng như vậy. Với ý nghĩa cao đẹp đó, tục phóng sinh ít nhiều được chấp nhận ở những vùng đất mà Phật giáo hiện diện và hạn chế không nhỏ tập tục giết mổ động vật, đặc biệt ở một số quốc gia dùng động vật để hiến tế thần linh. Cho đến ngày nay, ở một số nơi trên thế giới, phóng sinh trở thành một thói quen gắn với cuộc sống của thường ngày chỉ vì những điều mong muốn hết sức giản dị như sức khỏe, bình an mà thôi.

Nói chung, ở thời Phật giáo nguyên thủy, quan niệm về môi trường và bảo vệ môi trường còn rất đơn giản, song đã chứa đựng những nội hàm cốt lõi của đạo đức môi trường ngày nay. Có thể nói, Phật giáo đã giúp hình thành những thái độ đối với thiên nhiên, vì tôn giáo này có lòng tôn trọng đối với thiên nhiên, nên có thể tạo ra những năng lực biến cải những tập tục đạo đức để bảo vệ những hệ sinh thái đang bị uy cơ tàn phá, những chủng loại bị đe dọa và các nguồn tài nguyên cạn dần [148; tr.60].

**2.1.2. Quan điểm, chính sách về môi trường và bảo vệ môi trường của Đảng, Nhà nước Việt Nam**

Ở Việt Nam, vấn đề phát triển kinh tế đồng thời với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường được Đảng ta nêu ra từ thời kỳ trước đổi mới. Đến Đại hội VI, chủ trương đó tiếp tục được nhấn mạnh, tạo tiền đề quan trọng để đổi mới tư duy của toàn xã hội về phát triển đất nước theo hướng ổn định, bền vững. Đại hội VII tiếp tục quan tâm và xác định các ngành mũi nhọn để kết hợp phát triển kinh tế và BVMT, đặc biệt chủ trương phổ cập các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đại hội VIII, Đảng xác định: “Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống người dân, phát triển văn hóa giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường” [53, tr.85]. Tiếp theo, ngày 25/6/1998, Bộ Chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị số 36/CT-TW về *tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đây là chỉ thị về BVMT lần đầu tiên được Đảng ta ban hành, cũng là lần đầu tiên khái niệm "phát triển bền vững" được chính thức sử dụng trong văn kiện Đại hội, đánh dấu bước phát triển trong tư duy của Đảng về phát triển đất nước [54, tr.14].

Đại hội IX tiếp tục nhấn mạnh quan điểm BVMT gắn với phát triển bền vững. Ngoài nội dung tăng trưởng kinh tế đi đôi với BVMT còn có thêm nội dung mới, không chỉ BVMT mà còn cải thiện môi trường, gắn chặt môi trường với chính sách phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh, coi việc cải thiện môi trường là tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển. Mặc dù Đại hội IX đánh giá mức độ gia tăng ô nhiễm được hạn chế sau 6 năm ban hành và thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, tuy nhiên, môi trường nước ta vẫn bị xuống cấp nhanh, một số nơi được đánh giá là nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về *bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* được ban hành. Nghị quyết chỉ rõ quan điểm, mục tiêu và giải pháp cần thực hiện để BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Văn kiện Đại hội X khẳng định, BVMT phải được tiến hành song song với cải thiện môi trường,

coi trọng sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia. Đây là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững.

Trước thực trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, Đảng ta coi nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu và BVMT là vấn đề cấp bách. Trên tinh thần đó, Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được ban hành. Đồng thời, Đảng yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền đánh giá cụ thể việc thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị. Bởi việc xác định rõ những thành công, tồn tại và nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân là cơ sở để tìm ra những giải pháp cụ thể thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Nghị quyết số 41 và Chỉ thị số 29.

Đến Đại hội XI, công tác BVMT được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Trong văn kiện Đại hội XI, BVMT không chỉ tiếp tục khẳng định là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại mà còn liên tục được nhắc đi nhắc lại. Không chỉ vậy, nội dung BVMT được nâng lên một tầm cao mới, gắn chặt với quá trình CNH, HĐH: "Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình dự án đầu tư". Ở đây, điểm mới của Đại hội XI so với Đại hội X là đưa thêm nội dung "chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch" [60, tr.221-222].

Tiếp đến, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường khẳng định, BVMT là vấn đề mang tính toàn cầu, vừa là mục tiêu, vừa là nội dung cơ bản của sự phát triển bền vững, đầu tư cho BVMT là đầu tư cho phát triển bền vững. Trên cơ sở đánh giá thực trạng môi trường và công tác BVMT thời gian qua, Nghị quyết xác định rõ quan điểm, mục tiêu tổng quát trong công tác BVMT thời gian tới.

Đại hội XII khẳng định những thành tựu sau 30 năm tiến hành đổi mới đất nước và thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, trong đó có hạn chế "phát triển thiếu bền vững cả về văn hóa, xã hội và môi trường". Đại hội XII cũng chỉ rõ: "Quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhiều mặt còn hạn chế, pháp luật, chính sách thiếu đồng bộ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa nghiêm". Tình trạng ô nhiễm môi trường chậm được cải thiện, ở nhiều nơi còn nghiêm trọng, nhất là tại một số làng nghề, lưu vực sông, trong khi đó việc xử lý vi phạm môi trường chưa nghiêm. Ý thức BVMT của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng ta đề ra mục tiêu tổng quát phát triển đất nước, đồng thời nhấn mạnh: "Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường" [63, tr.271] và xác định mục tiêu cụ thể về môi trường.

Gần đây nhất, Nghị quyết số 36-NQ/TW về *chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* chỉ rõ mục tiêu: "Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển...ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tránh tình trạng sạt lở và biển xâm thực" [61, tr.84]. Quan điểm này khẳng định vai trò quan trọng của biển đối với sự phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền đất nước.

Bên cạnh đó, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa các nghị quyết thành pháp luật, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác BVMT: "Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường, nghiêm chỉnh thi hành luật bảo vệ môi trường" [59, tr.2]. Trong Nghị quyết số 41-NQ/TW, Đảng tiếp tục chỉ đạo: "Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường, trước mắt sửa đổi, bổ sung luật bảo vệ môi trường" [59, tr.5]; đồng thời khẳng định: "Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội có trách nhiệm tổ chức quán triệt và thực hiện nghị quyết, đưa công tác bảo vệ

môi trường vào nội dung hoạt động của các đoàn thể” [59, tr.6]. Đảng lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức, phát huy MTTQ trong công tác BVMT. Cấp ủy lãnh đạo MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tham gia tích cực vào quá trình hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BVMT. Những ý kiến góp ý, phản biện của MTTQ góp phần quan trọng đến quá trình hoạch định chính sách ở Trung ương và địa phương, nâng cao năng lực hoạch định nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác BVMT. Lãnh đạo MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động BVMT và giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đảng về BVMT.

Tính đến năm 2019, Quốc hội đã ba lần ban hành *Luật Bảo vệ môi trường* (năm 1993, năm 2005 và năm 2014). Điều đó cho thấy, Đảng ta rất kịp thời trong việc lãnh đạo Nhà nước ban hành luật và khắc phục hạn chế, bất cập của *Luật Bảo vệ môi trường*, phù hợp với tiến trình phát triển của đất nước. So với *Luật Bảo vệ môi trường 1993* thì *Luật Bảo vệ môi trường năm 2005* và năm 2014 đã tích hợp các tri thức khoa học, quan điểm của Đảng, tinh thần của các văn kiện quốc tế về môi trường được ứng dụng cụ thể vào tình hình nước ta. Cụ thể, Điều 104: Công khai thông tin dữ liệu về môi trường. Trong chiến lược quốc gia về BVMT, có nhiều chương trình thu hút sự tham gia của nhân dân như: chương trình đưa các nội dung BVMT vào hệ thống giáo dục quốc dân; chương trình toàn dân tham gia BVMT; chương trình tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về BVMT. Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được cụ thể hóa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở nghị quyết của Đảng về công tác BVMT, Nhà nước đã có một bước tiến lớn trong quá trình hoàn thiện pháp luật về BVMT đáp ứng yêu cầu trước nguy cơ lớn của môi trường bị tàn phá mau chóng. Điểm đáng lưu ý, trong *Luật Bảo vệ môi trường 2014* đã có những quy định chung về nguyên tắc, chính sách hoạt động BVMT được khuyến khích tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, cụ thể:

"Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường...
10. Nhà nước ghi nhận, tôn vinh cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Điều 6. Những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích

1. Truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.
12. Đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện hợp tác công tư về bảo vệ môi trường" [132, tr.4].

*Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 21/PL-UBTVQH ngày 18/6/2004 nêu rõ tại Điều 2 và Điều 14: chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải đảm bảo an toàn, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn, BVMT. Tiếp đó, Nghị quyết liên tịch số 01/NQLT-MTTQ-BTNMT ngày 28/10/2004 về việc phối hợp thực hiện Chiến lược BVMT quốc gia giữa UBMTTQVN và BTNMT với mục tiêu đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia BVMT.

Không dừng ở đó, Quyết định 158/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ *Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu* ngày 2/12/2008 một lần nữa khẳng định trách nhiệm của các tổ chức xã hội, phi chính phủ và doanh nghiệp trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu tại Điều 2, Điểm 1 d:



Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là lĩnh vực thông tin, giáo dục và truyền thông; hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng, phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; thực hiện hoặc tham gia thực hiện các đề án, dự án trong chương trình và kế hoạch hành động của các bộ, ngành, địa phương [152, tr.12].

Trên tinh thần nhấn mạnh chức sắc, tín đồ các tôn giáo hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng của BVMT, *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016* đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến BVMT tại Điều 10 và Điều 13:

“Điều 10. Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng

... Việc tổ chức hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

Điều 13. Tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ

... Văn bản thông báo nêu rõ tên lễ hội tín ngưỡng, nội dung, quy mô, thời gian, địa điểm tổ chức, dự kiến thành viên ban tổ chức và các điều kiện cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong lễ hội” [133, tr.15-18].

Không dừng lại ở việc nhấn mạnh trách nhiệm của chức sắc, tín đồ các tôn giáo trong hoạt động BVMT, Đảng và Nhà nước đã thừa nhận đóng góp của các tôn giáo trong các hoạt động xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ghi rõ: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước” [66, tr.171]. Đây là sự khẳng định vai trò của sự cụ thể hóa cho thuật ngữ “nguồn lực” khi nhận định về những đóng góp của các tôn giáo trong Chỉ thị số 18-CT/TW (2018) của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới có điểm mới khi xác định “tôn giáo là một nguồn lực xã hội”.

Như vậy, tôn giáo không chỉ là hình thái ý thức xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng mà còn là một thực thể xã hội, thực thể văn hóa, thực thể kinh tế. Tôn giáo là một nguồn lực xã hội to lớn với số lượng chức sắc, chức việc cùng đông đảo tín đồ đã và đang có những đóng góp cho hoạt động BVMT nói riêng và sự phát triển xã hội nói chung. Trong xã hội đương đại, tôn giáo đang hướng về xã hội thực tại, tích cực nhập thể vào mọi mặt của đời sống xã hội như y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo, bảo vệ môi trường, v.v...

Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về BVMT trong thời kỳ đổi mới và đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước không chỉ phản ánh nhận thức ngày càng sâu sắc, đầy đủ và đúng đắn về môi trường và BVMT, mà các giải pháp cụ thể về BVMT và cải thiện môi trường trong giai đoạn vừa qua còn trở thành cơ sở lý luận cho việc hoạch định và thực hiện chính sách BVMT ở nước ta các giai đoạn tiếp theo. Đáng lưu ý là, các văn bản của Đảng, Nhà nước về BVMT đều xác định quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm và đóng góp của toàn dân, trong đó có các tôn giáo, trong công tác BVMT. Đây là những hành lang pháp lý quan trọng để các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ để thực hiện hiệu quả hơn, chặt chẽ hơn; thấy rõ điểm tương đồng trong quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước với quan niệm về BVMT được thể hiện trong giáo lý, giới luật của Phật giáo.

## **2.2. Cơ sở thực tiễn tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam**

### **2.2.1. Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường trước 2014**

Ở Việt Nam, Phật giáo ghi dấu ấn đậm nét không chỉ trong đời sống tôn giáo mà còn trong đời sống xã hội. Vì lẽ đó không thể phủ nhận mối quan hệ qua lại giữa Phật giáo với chính quyền. Các vị cao tăng đã nhận thức sâu sắc về sự tác động rất lớn của Nhà nước Việt Nam đối với Phật giáo: “Trong một quốc gia, Phật giáo và chính quyền không thể không có quan hệ lẫn nhau. Bảo rằng Phật giáo có thể tồn tại độc lập với chính quyền là một điều thiếu thực tế. Nếu được sự ủng hộ của chính quyền việc hoằng pháp sẽ thuận tiện gấp bội lần” [139, tr.298]. Vì vậy, trong quá trình vận động thống nhất Phật giáo cũng

như sau khi thành lập GHPGVN, các tăng sĩ tìm kiếm sự đồng thuận trong quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Việc trở thành thành viên của MTTQ là sự tiếp nối truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam, tiếp nối truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam và tư tưởng lục hòa của Phật giáo. Sự kiện này một mặt khẳng định vị trí của Phật giáo trong đời sống chính trị của đất nước, mặt khác thể hiện sự đồng thuận, chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với Giáo hội và qua đó tìm được sự ủng hộ của Đảng và Nhà nước cho sự phát triển của mình. Điều này có nghĩa, mọi quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ tác động đến hoạt động của Phật giáo Việt Nam. Nói cách khác, muốn tìm hiểu hoạt động của Phật giáo Việt Nam về lĩnh vực nào đó ở giai đoạn nào đó cần tham chiếu quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta từng giai đoạn. Bởi mỗi quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta được ban hành đều gắn với tình hình thực tiễn đất nước từng giai đoạn.

Giai đoạn 1981-1990, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn chủ yếu do bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế. Đó là sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu, thành trì của các nước chủ nghĩa xã hội. Trong nước, chúng ta bắt đầu tiến hành sự nghiệp đổi mới. Trước bối cảnh như vậy, GHPGVN xây dựng đường hướng hành đạo "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội". Điều này thể hiện niềm tin của Giáo hội vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Nhà nước ta đối với con đường phát triển tương lai [68, tr.121]. Giai đoạn này, do nước ta bắt đầu tiến hành đổi mới, phát triển kinh tế, nên vấn đề môi trường chưa ô nhiễm nặng nề. Hơn nữa, sau khi thống nhất 9 tổ chức, hệ phái thành một tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong quan hệ với Nhà nước, nên giai đoạn này, GHPGVN chưa có chủ trương BVMT một cách chính thức. Nhưng mỗi Tăng ni, Phật tử vẫn góp phần BVMT thông qua các việc ăn chay, phóng sinh,... Nhìn chung, hoạt động BVMT của PGVN giai đoạn này mang tính cá nhân và tự phát.

Năm 1990, Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị về *tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* được xem là bước ngoặt trong sự đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo. Tiếp đó, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* (2004), tại Điều 33, quy định việc Nhà nước khuyến khích các hoạt động từ thiện xã hội của các tổ chức tôn giáo. Điều này đánh dấu những thay đổi về luật pháp đối với tổ chức tôn giáo. Nhà nước công nhận vai trò của các tổ chức tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng đối với xã hội; cũng thấy các tổ chức tôn giáo là lực lượng đáng kể có thể huy động để giải quyết các vấn đề xã hội. Nhận thức này tạo điều kiện cho các tôn giáo tham gia sâu rộng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó "cần phải nói tới vai trò của Phật giáo trong bảo vệ môi trường" [97; tr.7].

Từ thập niên cuối của thế kỷ XX đến những năm đầu của thế kỷ XXI, nước ta tập trung xây dựng và phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên, nên không tránh khỏi làm cạn kiệt nguồn tài nguyên. Đảng ta chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng xã hội và BVMT. Trước chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho vấn đề cấp thiết này, GHPGVN đã tổ chức và tham gia một số hoạt động BVMT do chính quyền phát động nhằm chung tay giải quyết vấn đề mà nhân loại đang dành sự quan tâm đặc biệt. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" là cuộc vận động lớn, mang tính toàn dân, toàn diện do UBTU'MTTQ Việt Nam phát động từ tháng 5/1995 nhằm đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân toàn dân, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới của Đảng. Cuộc vận động đã nhận được sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, trong đó có chức sắc các tôn giáo. Hưởng ứng cuộc vận động này, phong trào "Xây dựng chùa cảnh tinh tiến gương mẫu" do UBTWMTTQ Việt Nam và Hội đồng Trị sự GHPGVN phát động được Tăng ni, Phật tử khắp các tỉnh thành trong cả nước tổ chức thực hiện.

Phong trào “Xây dựng chùa cảnh tinh tiến gương mẫu” được triển khai thực hiện với 5 tiêu chí cụ thể, phù hợp với giáo lý, giáo luật của Phật giáo, trong đó tập trung vận động Phật tử đoàn kết, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bài trừ mê tín dị đoan, tích cực tham gia các tổ chức xã hội và hoạt động xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước do Đảng, chính quyền, MTTQ các cấp phát động như phong trào từ thiện nhân đạo, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa tại cộng đồng dân cư... Ở Nam Định, từ kinh nghiệm tổ chức điểm ở huyện Ý Yên năm 1999, phong trào đã nhanh chóng phát triển đều khắp trên địa bàn 10/10 huyện, thành phố trên toàn tỉnh và được đông đảo Tăng ni, Phật tử hưởng ứng. Hằng tháng, trong các buổi lễ, trụ trì và Tăng ni các chùa đã gắn các bài thuyết pháp với việc tuyên truyền, vận động Phật tử nhiệt tình hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, sống tốt đời đẹp đạo, thực hiện tốt 5 tiêu chuẩn của phong trào “Xây dựng chùa cảnh tinh tiến gương mẫu”. GHPGVN các tỉnh, thành phố đã phối hợp với MTTQ các cấp tổ chức hàng ngàn cuộc tọa đàm về thực hiện phong trào. Để nâng cao chất lượng, đảm bảo tính thiết thực hiệu quả, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố đã lồng ghép phong trào “Xây dựng chùa cảnh tinh tiến gương mẫu” với các phong trào “Xây dựng khu dân cư 5 không”, “Phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội”, “Tâm sáng hướng thiện”, “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc” và gắn với các mô hình “Tự quản, tự phòng, tự bảo vệ”, phong trào xây dựng nông thôn mới để Phật tử và mọi tầng lớp nhân dân cùng tham gia hưởng ứng, tích cực ủng hộ.

Phong trào “Xây dựng chùa cảnh tinh tiến gương mẫu” trở thành điểm sáng của cả nước, tạo thành nét đặc sắc trong Phật giáo. Riêng tỉnh Nam Định có 394 chùa đạt danh hiệu “Chùa tinh tiến”, trong đó có 50 chùa đạt danh hiệu “Chùa tinh tiến” 10 năm liên tục, 430 lượt chùa được UBND, MTTQ các cấp khen thưởng, gần 300 khu dân cư có đồng bào theo đạo Phật được công nhận

là “Làng văn hóa”, “Khu dân cư tiên tiến”, “Khu dân cư 5 không”, “Khu dân cư không có tệ nạn xã hội”, v.v...

Kết quả đạt được trong phong trào “Xây dựng chùa cảnh tinh tiến gương mẫu” của GHPGVN đã thực hiện tốt phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, vận động Phật tử xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. Kết quả này minh chứng cho sự thích ứng của Phật giáo Việt Nam với sự biến đổi của xã hội thế tục. Tuy nhiên, hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam giai đoạn này vẫn còn thiếu chuyên nghiệp, thiếu bền vững và thiếu bài bản.

Bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, vấn đề môi trường ở nước ta diễn ra ngày một nghiêm trọng và tác động xấu tới đời sống của người dân. Gần đây nhất, cuối năm 2020, miền Trung đã phải hứng chịu 13 cơn bão nhiệt đới, "lũ chồng lũ, bão chồng bão" gây ra tình trạng lũ lụt và sạt lở đất tởn tợ nhất trong một thế kỷ trở lại đây. Một phần, đó là hậu quả của một thời gian dài nước ta chú trọng phát triển kinh tế mà chưa quan tâm đúng mức tới BVMT. Trong bối cảnh đó, quan điểm, chính sách liên quan đến BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu được Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành liên quan được ban hành. Trong điều kiện mới, Phật giáo Việt Nam phải tự biến đổi để tồn tại. Trong đó, nhập thế là cơ hội để Phật giáo gia tăng các hoạt động hướng đến xã hội, ý thức trách nhiệm của mình với vấn đề BVMT là một trong những nội dung quan trọng. Nhiều mô hình BVMT của GHPGVN được triển khai thực hiện (mô hình chùa Pháp Bảo, TP. Hồ Chí Minh; mô hình trung tâm hỗ trợ cộng đồng chùa Hải Đức, TP. Huế) là cơ sở để GHPGVN lựa chọn tiếp tục xây dựng thành những mô hình điểm nhân rộng trong cộng đồng Phật giáo cả nước.

### **2.2.2. Phật giáo ở một số nước trên thế giới tham gia bảo vệ môi trường**

Từ thập niên 70 của thế kỷ XX, vấn đề môi trường càng lúc càng trở nên nghiêm trọng, nhiều cá nhân và tổ chức khắp nơi trên thế giới đã lên tiếng

kêu gọi, tìm kiếm và đưa ra giải pháp nhằm ngăn chặn những hoạt động gây tổn hại cho môi trường. Nhiều nhân vật Phật giáo đã có những tiếng nói và đưa ra những giải pháp tích cực cho vấn đề này như Đạt Lai Lạt Ma, Thích Nhất Hạnh,... Cùng với các cá nhân, Phật giáo ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Sri Lanka, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc đã chủ động tham gia BVMT. Chẳng hạn, Phật giáo Trung Quốc chú trọng ăn chay, phóng sinh, không sát sinh. Ăn chay đang được khuyến khích, đặc biệt trong cuộc sống hiện đại người dân Trung Quốc ý thức nâng cao sức khỏe. Cùng với ăn chay, phóng sinh là một nghi lễ rất được người dân Trung Quốc tôn trọng. Họ rất thích đến chùa vào những ngày lễ phóng sinh. Vì thế, rất nhiều ngôi chùa ở Trung Quốc được thiết kế nơi phóng sinh riêng biệt, gọi là "ao phóng sinh", thường ở trước hay xung quanh chùa, đáp ứng nhu cầu tâm linh của Phật tử và người dân. Trong ao phóng sinh có non bộ, cái đình nhỏ và hoa cỏ... tạo cho sinh vật có nơi sinh tồn. Phật giáo Trung Hoa còn có những pháp hội phóng sinh riêng biệt, gọi là "hội phóng sinh". Chính vì coi trọng phóng sinh, nên trong lịch sử, Thiên Thai tông ảnh hưởng không nhỏ đối với Phật giáo Trung Quốc. Thậm chí, một số triều đại phong kiến Trung Quốc công khai hậu thuẫn cho hình thức sinh hoạt Phật giáo này. Cụ thể, vào triều đại nhà Đường, phóng sinh là hoạt động của Nhà nước. Đường Túc Tông, niên hiệu Càn Long thứ hai (759), từng hạ chiếu yêu cầu xây dựng ao phóng sinh ở Nam Sơn, Kiếm Nam, Kinh Nam, Triết Giang. Tống Chân Tông, Thiên Hi nguyên niên (1017) ra sắc lệnh thiên hạ sửa chữa ao phóng sinh. Tuy nhiên, một số Phật tử và người dân Trung Quốc hiện nay không hiểu bản chất cao đẹp của phong tục này mà tham gia theo kiểu phong trào gây ảnh hưởng tới sự cân bằng sinh thái [69, tr.159].

Phật giáo Đài Loan thời gian gần đây có nhiều hoạt động tham gia BVMT. Học viện Pháp Cổ Sơn là hình mẫu tiêu biểu nhất cho hoạt động BVMT của Phật giáo Đài Loan. Phật tử ở đây lấy ý tưởng "Nâng cao phẩm chất của con người, kiến tạo Tịnh Độ nhân gian", lấy tinh thần "Xem xét vấn

đề lớn, bắt tay từ việc nhỏ" áp dụng vào BVMT. Pháp Cổ Sơn quan niệm, BVMT trên hai phương diện: BVMT vật chất và BVMT tâm linh.

Bảo vệ môi trường vật chất là đem việc BVMT quán triệt vào từng phương diện của cuộc sống vật chất, đem hành vi hằng ngày của con người biến thành hành vi BVMT, bao gồm BVMT lễ nghi, BVMT sinh hoạt, BVMT thiên nhiên, BVMT thân thể, BVMT xã hội. BVMT tâm linh là xuất phát từ tâm linh của con người, xây dựng ý thức BVMT, tự giác chuyển ý thức đó thành hành động. BVMT tâm linh là bên trong còn BVMT vật chất là bên ngoài, cùng nhau xúc tiến.

Bên cạnh đó, nhiều phương thức BVMT khác nhau được thực hiện ở Pháp Cổ Sơn. Về BVMT sinh hoạt, họ không dùng đồ đựng thức ăn một lần, không dùng chất hóa học rửa bát, phân loại rác thải, nhận nuôi động vật lang thang, kế hoạch hóa cho chó mèo. Về BVMT thân thể, họ lấy "dưỡng sinh, hộ sinh và hậu sinh" làm nguyên tắc ăn uống, đề xướng "ăn uống không ô nhiễm". Về BVMT lễ nghi, họ không đốt vàng mã, cúng lễ bằng hoa quả. Về BVMT xã hội, họ thường tổ chức "Ngày cộng đồng Pháp Cổ Sơn quan tâm bảo vệ môi trường", động viên toàn xã hội tham gia chiến dịch làm sạch bờ biển, làm sạch núi, trồng cây, tiết kiệm nước, ủ các loại rác làm phân bón. Những hoạt động BVMT ở Pháp Cổ Sơn không chỉ có ý nghĩa cho bản thân Tăng ni, Phật tử mà còn chỉ ra cách thức BVMT, mở ra cánh cửa để Phật giáo Đài Loan gần gũi hơn với đời sống hiện thực [69, tr.165].

Với khoảng 95% dân số theo Phật giáo, trong bối cảnh hiện nay, các nhà sư Thái Lan không chỉ tích cực rao giảng Phật pháp mà còn tham gia các hoạt động xã hội, trong đó BVMT là một nội dung quan trọng. Phật giáo Thái Lan đi đầu trong đấu tranh với chính phủ và doanh nghiệp phá hoại môi trường. Khởi nguồn cho phong trào Phật giáo BVMT bằng việc các nhà sư Thái Lan nhận ra ngành công nghiệp khai thác gỗ bừa bãi khiến con người phải hứng chịu những trận lũ lụt, hạn hán và nạn đói [142, tr.3].



Năm 1961, Ủy ban Phát triển Xã hội và Kinh tế Thái Lan công bố Chương trình phát triển kinh tế quốc gia đã chịu sự phản ứng của một số nhà sư. Chính phủ Thái Lan ra lệnh cấm các nhà sư tuyên truyền về "Santtuthi" như một giá trị của cuộc sống, vì họ lo sợ sẽ cản trở đến kế hoạch công nghiệp hóa của quốc gia. Tuy nhiên, một vài nhà sư phản đối kế hoạch vừa ban bố. Bởi vì theo họ, chương trình phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ Thái Lan không hướng đến sự phát triển bền vững. Ý thức về nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng của người dân dẫn đến cuộc biểu tình rầm rộ vào những năm 1970 - 1980 với tên gọi "Những nhà sư cấp tiến". "Những nhà sư cấp tiến" thấy được tác động của chủ nghĩa tiêu dùng đang lên và sự lệ thuộc của cộng đồng nông nghiệp vào các nhóm thị trường. Những chính sách mới của Chính phủ Thái Lan dành cho người dân nông thôn được dự đoán là có lợi cho họ. Vào năm 1974, tại Chiang Mai, Quỹ Giáo dục và Phát triển Khu vực Nông thôn được tổ chức phi chính phủ của Phra Dhammadilok thành lập với mục đích nghiên cứu cách thức phát triển bền vững mà không làm hại đến rừng và các nguồn tài nguyên kinh tế. Biến cố đầu tiên xảy ra vào năm 1985 khi các nhà sư biểu tình phản đối Chính phủ Thái Lan dự định xây dựng một đường dây cáp treo ở đồi Suthep và công viên quốc gia Pui ở Chiang Mai. Suthep, nơi có chùa Pra That để nhiều xá lợi và di vật của Đức Phật, là một trung tâm hành hương quan trọng của Phật giáo Thái Lan. Do đó, việc xây dựng hệ thống cáp treo không chỉ phá hủy môi trường sinh thái mà còn ảnh hưởng đến vùng địa linh này. Phong trào Phật giáo Thái Lan BVMT thực sự được khích lệ to lớn khi chính phủ quyết định hoãn dự án của Nam Choen ở tỉnh Kanchanaburi vào năm 1988.

Tháng 5/1993, một hội nghị được tổ chức để phục hồi sự sống cho sông Nan. Hội nghị nêu bật thực trạng vấn đề ô nhiễm và nóng lên toàn cầu. Chính ở khu vực tổ chức buổi lễ một khu bảo tồn các loài cá được thành lập. Hiệu ứng từ hội nghị tạo tiền đề cho phong trào BVMT của Phật giáo Thái Lan phát triển mạnh. Đến năm 1999, hơn 39 khu rừng cộng đồng cùng hàng trăm

khu bảo tồn các loài cá được thành lập bởi tổ chức phi chính phủ của Phrakhu Pitak, có tên gọi "Quỹ Tương ái tỉnh Nan". Phrakhu đã phản đối kế hoạch trồng cây khuynh diệp cho mục đích phát triển kinh tế tỉnh Nan của Chính phủ Thái Lan. Cuộc biểu tình của Phrakhu buộc chính phủ phải gác kế hoạch này lại. Chính ông là người khởi động dự án "Tình yêu sông Nan". Để hạn chế chặt phá rừng quanh ngôi làng nơi mình sinh sống, Phra Somkit tìm ra một phương pháp mới. Năm 1990, ông tiếp nhận nghi thức bindbat dùng để tái tạo rừng. Ban đầu, đây là nghi thức bố thí cho người nghèo để tạo phúc. Ông vận động dân làng đóng góp đất đai. Trên những mảnh đất này, ông cho canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và gia cầm mà không dùng bất cứ loại phân hóa học hay thuốc trừ sâu nào. Ông muốn người dân thấy lợi ích của nông nghiệp truyền thống không ảnh hưởng đến bất kỳ nguồn tài nguyên thiên nhiên nào. Những phong trào BVMT của Phật giáo Thái Lan cho thấy sự tiến bộ xã hội to lớn. "Các nhà sư sinh thái" dùng bất bạo động để đấu tranh với chính phủ là điểm đặc biệt của các phong trào BVMT của Phật giáo Thái Lan [161, tr.8].

Ở Hoa Kỳ, phong trào BVMT theo quan điểm Phật giáo hình thành từ những năm 1950 khi Gary Snyder vận dụng giáo lý nhà Phật với các hoạt động sinh thái [161, tr.15]. Tiếp đó, Trung tâm Thiền Green Gulch mở cửa làm vườn và canh tác nông nghiệp theo quy trình hữu cơ vào những năm 1970 [161, tr.15]. Hội Ái hữu Hòa bình Phật giáo được thành lập năm 1978 để nghiên cứu môi trường. Thập niên 80 thế kỷ XX, các học giả và nhà sư lo ngại về cuộc khủng hoảng hoảng sinh thái. Joanna Macy tổng hợp giáo lý, giáo luật nhà Phật về đạo đức môi trường. John Seed cùng với Joanna Macy thành lập "Hội đồng vì muôn loài sinh vật", trong đó trưng bày những nghi thức, chương trình nghe nhìn thể hiện sự kết nối giữa trái đất và các hình thái sự sống. Ở Hoa Kỳ, Joanna Macy là một trong những nhà tư tưởng uy tín về bảo vệ môi trường dựa theo giáo lý Phật giáo.

Joanna là tác giả "Dự án Bảo vệ hạt nhân", vốn phát triển mạnh trong giai đoạn 1991-1994. Bà đề xuất thành lập một hội đồng nhằm phục hồi chất thải hạt nhân và phóng xạ, sử dụng những nơi đó để thiên định và nhận thức. Hoạt động của tổ chức này tạo ra tiếng vang khi Văn phòng Quản lý Môi trường thuộc Bộ Năng lượng Mỹ buộc phải lưu tâm đến những kiến nghị của họ. Những ngọn lửa có độc tính cao từ các lò phản ứng hạt nhân giúp nhân loại hiểu được mức độ nguy hiểm và có trách nhiệm với thế hệ tương lai của mình. Tháng 4/1994, tại khu vực thử hạt nhân thuộc Bang Nevada, khoảng 50 Phật tử tổ chức lễ ăn mừng Đại lễ Phật đản với mục đích ngăn cản các vụ thử hạt nhân ở khu vực này. Mặc dù kế hoạch các vụ thử hạt nhân và chất thải vẫn diễn ra, nhưng nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng khi giúp mọi người suy nghĩ nghiêm túc việc tìm kiếm nguồn năng lượng mới thay thế mà không tổn hại đến môi trường [161, tr.17].

Như vậy, có thể thấy, phong trào BVMT của Phật giáo các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới không thống nhất, mà gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể, ở những địa bàn cụ thể. Tuy nhiên, điểm chung của những phong trào này đều hướng đến việc BVMT và chống biến đổi khí hậu, một trong những vấn nạn toàn cầu hiện nay. Mặc dù vậy, những phong trào BVMT diễn ra ở các quốc gia trên thế giới là cơ sở quan trọng, cổ vũ cho Phật giáo Việt Nam tham gia các hoạt động BVMT.

### **Tiểu kết Chương 2:**

Trải qua bao thăng trầm, Phật giáo đã đi vào đời sống tinh thần của nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới. Lý tưởng của Phật giáo là giúp con người thoát khổ, giáo dục tình yêu thương giữa con người với con người, giữa con người với muôn vật. Cùng với nhiều tôn giáo lớn khác, Phật giáo có những quan niệm tiến bộ về đạo đức môi trường, như các thuyết Duyên khởi, Vô thường, Vô ngã, Nghiệp báo, Nhân quả... Mặc dù, những tư tưởng về môi trường thời Phật giáo nguyên thủy còn đơn giản, song đã chứa đựng những nội hàm cốt lõi của đạo đức môi trường hiện đại. Những tư tưởng đó thực sự

có ý nghĩa hơn khi vấn đề BVMT đang được các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới hết sức quan tâm và đặt ưu tiên hàng đầu trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mình. Việt Nam đang tiến hành hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường, cùng với việc nỗ lực tham gia các công ước quốc tế, cũng như tích cực nội luật hoá các cam kết quốc tế nhằm BVMT hiệu quả hơn trước yêu cầu của phát triển bền vững. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng tạo điều kiện để Phật giáo tham gia vào các hoạt động xã hội, đặc biệt là hoạt động BVMT vốn rất gần gũi trong đạo đức tôn giáo này.

Trong nhiều giai đoạn lịch sử của nước ta đã ghi nhận nhiều hoạt động BVMT của Phật giáo, nhất là trong thời kỳ đất nước tiến hành công cuộc đổi mới. Sự kiện trở thành thành viên của MTTQVN là sự tiếp nối truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam, tiếp nối truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam và tư tưởng lục hòa của nhà Phật. Sự kiện này một mặt khẳng định vị trí của Phật giáo trong đời sống chính trị của đất nước, mặt khác thể hiện việc chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với Giáo hội và qua đó tìm được sự ủng hộ của chính quyền cho sự phát triển của mình. Bên cạnh đó, tiếng vang từ một số phong trào BVMT của Phật giáo một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới là nguồn cổ vũ quan trọng cho hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

### 3.1. Chủ trương, phương pháp bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam

#### 3.1.1. Chủ trương của Phật giáo Việt Nam về bảo vệ môi trường

Với lý tưởng “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác” và đường hướng hành đạo “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, qua bốn thập kỷ hình thành và phát triển, GHPGVN luôn ý thức trách nhiệm là một tổ chức thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, luôn sát cánh, đồng hành với MTTQVN, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng ni và Phật tử luôn thực hành lời Đức Phật dạy, tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, trong đó có BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông điệp của GHPGVN về BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu nêu rõ: “Đức Phật, bậc đạo sư đại giác ngộ đã đem đến cho nhân loại thông điệp về hòa bình, sự hòa hợp, an lạc tâm hồn giữa con người, vũ trụ xung quanh chúng ta, môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Lý duyên khởi của Phật giáo khẳng định mối tương quan giữa các hiện tượng tự nhiên, nhân sinh và vũ trụ. Ý thức được điều này, con người sẽ cẩn trọng trong hành động của mình khi tác động đến thiên nhiên... Chúng tôi kêu gọi mỗi người bằng hành động thiết thực, cam kết bảo vệ môi trường bền vững, đó cũng sự bảo vệ chính mình”.

GHPGVN đã qua 8 kỳ đại hội, sau mỗi nhiệm kỳ, bộ máy tổ chức Giáo hội càng được kiện toàn, hoàn thiện, đáp ứng ngày một tốt hơn những yêu cầu của Giáo hội, xã hội và đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu Phật giáo lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2017-2022) khẳng định: “Đại hội kêu gọi Tăng ni, Phật tử Việt Nam tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, hưởng ứng chương trình hành động bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và văn hóa tham gia giao thông” [76; tr.3]. Không lâu sau đó, Ban Thường trực HĐTS có Công văn số 248/CV-HDTS gửi Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh thành về việc hưởng

ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và phong trào của BTNMT về “chống rác thải nhựa”. Công văn viết: “Hãy thay đổi hành vi, thói quen sử dụng túi ni-lông, sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần ngay hôm nay và ngay bây giờ vì một Việt Nam xanh, vì Trái đất xanh” [77]. Gần đây nhất, Hội đồng Trị sự đã ban hành Nghị quyết Hội nghị kỳ IV (khóa VIII) Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngày 31/12/2019 đưa ra quyết nghị, trong đó tiếp tục khẳng định: “Kêu gọi Tăng ni, Phật tử tích cực hưởng ứng tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, chống rác thải nhựa, văn hóa giao thông, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc tại các cơ sở thờ tự, tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hiến máu nhân đạo, hiến mô tạng, v.v...” [78; tr.2].

Đặc biệt, Điều 8 trong *Tuyên bố Hà Nam 2019* nhân dịp Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc lần thứ XVI ghi rõ: Cách tiếp cận Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm và phát triển bền vững với 4 nội dung: *Truyền bá* câu chuyện cuộc đời Đức Phật với tư cách là người dành phần lớn cuộc đời mình sống hài hòa với thiên nhiên như nhu cầu không thể thiếu, hơn là sự gắn kết với thiên nhiên để tận dụng vì lòng tham, từ đó, đề cao việc bảo vệ thiên nhiên và hạn chế việc khai thác một cách vô ý thức các nguồn tài nguyên thiên nhiên; *Vận dụng* tinh thần Phật giáo, nhấn mạnh đạo lý duyên khởi - vạn vật nương tựa lẫn nhau sinh tồn để đảm bảo cân bằng hệ sinh thái tự nhiên và sự hòa hợp giữa con người với thế giới tự nhiên; *Khuyến khích* việc chuyển đổi năng lượng, thay thế những năng lượng phát thải lớn gây ô nhiễm hoặc làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên bằng những năng lượng sạch và an toàn; *Hợp tác* với các nhà doanh nghiệp để phát triển nguồn thực phẩm thay thế an toàn mà không lệ thuộc vào chất đạm động vật [146; tr.5].

Nội dung của những cam kết mạnh mẽ nêu trên đã nói lên đầy đủ triết lý Phật giáo cũng như thể hiện hoạt động chung tay cùng thế giới của cộng đồng Phật giáo trong giải quyết khủng hoảng xã hội do biến đổi khí hậu toàn cầu. *Tuyên bố Hà Nam 2019* gây tiếng vang lớn, chạm trúng vấn đề mà hàng

triệu triệu người trên thế giới và ở Việt Nam, bao gồm cả Phật tử lẫn không Phật tử, không thể thờ ơ.

Như vậy, BVMT được xác định là một nội dung quan trọng trong hoạt động xã hội của GHPGVN. Nghị quyết Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII đánh dấu bước chuyển về chất trong tư duy đối với vấn đề BVMT của GHPGVN. Vấn đề BVMT không dừng lại ở khẩu hiệu, thông điệp mang tính cổ vũ, động viên, khích lệ, không có tính ràng buộc pháp lý như trước đây mà chính thức được đưa vào Nghị quyết đại hội. Lần đầu tiên, một văn bản mang tính pháp lý về vấn đề môi trường được thông qua tại Đại hội. Đây là cơ sở để GHPGVN cụ thể hóa về văn bản và thực tế trong các giai đoạn tiếp theo đối với vấn đề BVMT. Điều này có nghĩa, GHPGVN đã xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm BVMT theo tinh thần được nêu trong các văn bản liên quan đến BVMT của Đảng, Nhà nước.

### **3.1.2. Phương pháp tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam**

#### ***3.1.2.1. Phương pháp tham gia bảo vệ môi trường tự nhiên***

*Phật giáo Việt Nam, cùng với các tổ chức tôn giáo khác, ký kết Chương trình phối hợp giữa UBTWMTTQVN, Bộ TNMT về BVMT và UPVBĐKH*

Hơn 2.000 năm đồng hành cùng dân tộc, trải qua mỗi thời kỳ, Phật giáo Việt Nam là một thành viên tích cực trong các hoạt động xã hội, trong đó có các hoạt động BVMT. GHPGVN hiện nay có khoảng 55.000 Tăng ni, quản lý khoảng 18.000 tự viện trên toàn quốc. Đây là lực lượng đáng kể trong công tác BVMT và UPVBĐKH.

Nhằm hưởng ứng chiến lược và chương trình hành động quốc gia về BVMT và UPVBĐKH, phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia BVMT và UPVBĐKH, đồng thời tăng cường đoàn kết giữa các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hưởng ứng Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 21 về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc, tại Hội nghị toàn quốc về “*Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường*

và ứng phó với biến đổi khí hậu” tổ chức từ ngày 01/12 đến 3/12/2015 tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, GHPGVN đã có thông điệp về BVMT và UPVBĐKH trong đó “kêu gọi mỗi người bằng hành động thiết thực của mình, cam kết với chính mình hãy bảo vệ môi trường bền vững và đó cũng là sự bảo vệ chính mình. Hãy cùng nhau làm cho môi trường xung quanh chúng ta xanh hơn, sạch hơn và đẹp hơn”. Tại hội nghị này, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN cùng với người đứng đầu của 40 tổ chức tôn giáo thuộc 14 tôn giáo đã ký kết Chương trình phối hợp giữa Ban Thường trực UBTWMTTQVN, Bộ TNMT với các tôn giáo về BVMT và UPVBĐKH. Lần đầu tiên một chương trình phối hợp về BVMT giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo và được thực hiện trên quy mô cả nước.

Thực hiện chương trình phối hợp đã ký kết, nhân dịp Đại lễ Phật đản năm 2016, Pháp chủ Thích Phổ Tuệ đã ban hành thông điệp với nội dung trọng tâm là BVMT và UPVBĐKH: “Với tinh thần nhập thế, nhân Mùa Phật đản PL.2560 - DL. 2016, tôi đặc biệt mong muốn toàn thể Tăng ni, Phật tử Việt Nam với tâm nguyện và trách nhiệm tri ân của những con người con Phật, mỗi người bằng những hành động thiết thực nhất hãy bảo vệ môi trường bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu đang đe dọa đời sống của chính chúng ta... Hãy cùng nhau làm cho môi trường xung quanh chúng ta xanh hơn, sạch hơn, và đẹp hơn!”. Diển văn Phật đản năm 2016 của Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN đã kêu gọi Giáo hội các cấp và Tăng ni, Phật tử bằng những kế hoạch và hành động cụ thể, tích cực tham gia thực hiện Chương trình phối hợp đã ký kết giữa Ban Thường trực UBTWMTTQVN, Bộ TNMT với 40 tổ chức tôn giáo ở Việt Nam về việc tham gia BVMT và UPVBĐKH góp phần xây dựng thế giới hòa bình và tịnh lạc cho hành tinh.

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam đưa nội dung BVMT và UPVBĐKH vào chương trình hoạt động Phật sự; xây dựng chương trình cụ thể phù hợp điều kiện thực tế địa phương nhằm huy động đông đảo Tăng ni, Phật tử tham gia BVMT.*



Phát huy giá trị tốt đẹp của Phật giáo vào trong BVMT bằng các hành động thiết thực và cụ thể nhằm hưởng ứng chính sách, pháp luật và các chương trình hành động của Nhà nước về BVMT. Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII đã kêu gọi Tăng ni, Phật tử tích cực tham gia phong trào thi đua, hưởng ứng chương trình hành động BVMT và UPVBĐKH. Chỉ trong một thời gian ngắn, 63/63 Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh thành đã tham gia ký kết Chương trình phối hợp BVMT và UPVBĐKH với Ủy ban MTTQVN, Sở TNMT và các tổ chức tôn giáo khác ở cấp tỉnh. Một số Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành phố đã xây dựng những hoạt động cụ thể, thiết thực trong việc tham gia BVMT và UPVBĐKH. Cụ thể, Ban Trị sự Phật giáo TP. Hà Nội đã phối hợp với Công an TP. Hà Nội tổ chức Hội thảo về chủ đề BVMT và UPVBĐKH nhằm tuyên truyền rộng rãi tới cộng đồng Phật tử và nhân dân về tầm quan trọng, các giải pháp để BVMT và UPVBĐKH. Ban Trị sự Phật giáo TP. Hồ Chí Minh và Quỹ Đạo Phật ngày nay (chùa Giác Ngộ) đã tổ chức triển lãm văn hóa về BVMT và UPVBĐKH. Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Điện Biên trồng được 5.000 cây hoa ban tại các đồi trọc Tông Khao, huyện Điện Biên, và trồng 1.080 cây ngọc lan, cây bồ đề, cây bạch đàn tại tự viện một số tỉnh phía Bắc: chùa Bái Đính (Ninh Bình), chùa Phật Tích (Bắc Ninh), chùa Phật Tích (Cao Bằng), chùa Phù Liễn (Thái Nguyên). Đặc biệt, tự viện Quan Âm (TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đã trồng trên 3 hecta mẫu rừng tại Núi Dung, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đại đa số Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố đã tích cực tham gia BVMT và UPVBĐKH tại địa phương.

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam kêu gọi Tăng ni, Phật tử trồng cây xanh xung quanh tự viện, tham gia bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp, hạn chế sử dụng các sản phẩm sinh hoạt thiếu thân thiện với môi trường.*

Qua đó, GHPGVN các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm cho Tăng ni, Phật tử và người dân ở cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT, không sử dụng thuốc hóa học trong trồng trọt, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, tôn trọng và bảo vệ đa dạng sinh học và sinh mệnh của muôn loài, nhằm giữ gìn sự cân bằng của hệ môi trường

sinh thái. Nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT, phân loại rác thải ở từng hộ gia đình, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, không xả rác thải bừa bãi ra môi trường, không đốt vàng mã ở nơi thờ tự, hạn chế sử dụng túi nilon, sử dụng các loại túi thân thiện với môi trường trong sinh hoạt hằng ngày.

Gần nhất, hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và phong trào của Bộ TNMT về “Chống rác thải nhựa“, loại bỏ ô nhiễm do rác thải nhựa gây ra, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe con người, Trung ương GHPGVN có công văn đề nghị Phật giáo các tỉnh thành tổ chức tuyên truyền cho Tăng ni, Phật tử và nhân dân tại địa phương. Đồng thời, GHPGVN kêu gọi thay đổi thói quen sử dụng túi nilon bằng túi giấy, túi vải sử dụng nhiều lần hoặc túi nilon tự phân hủy; thay thế các sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần như: ống hút, chai nước, hộp cơm, bát đĩa, cốc thìa bằng việc sử dụng cốc thủy tinh, cốc sứ, hoặc bình thủy tinh khi hội họp, tiếp khách. Đặc biệt, Trung ương GHPGVN đề nghị Phật giáo các tỉnh thành không sử dụng chất liệu nhựa trong các lễ hội hoa đăng, tránh gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường nước. Có thể kể đến, chùa Quan Âm (quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh) kiên quyết "nói không với túi nilon", tặng 600 thùng đựng rác cho các hộ gia đình tại phường 2, quận Phú Nhuận để hưởng ứng kêu gọi mọi người cùng thay đổi thói quen phân loại rác tại nhà. Đồng thời, chùa còn tham gia trồng cây xanh, phóng sinh và thả 7 đóa sen khổng lồ trên kênh Nhiêu Lộc với chủ đề "Sen xanh vì một thế giới sạch và xanh" cũng như kêu gọi Ni giới và Phật tử sử dụng túi tự hủy, không sử dụng túi nilon để góp phần BVMT nâng cao chất lượng cuộc sống. Chùa đã vinh dự nhận được giải thưởng do Bộ TNMT và UBTWMTTQVN trao tặng năm 2017.

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp tham gia BVMT trong hoạt động lễ hội, du lịch.*

Đối với các lễ hội lớn của Phật giáo, Giáo hội khuyến khích Phật tử và nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về không lãng phí, ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên. Điều này thể hiện trong việc trang nghiêm về phần lễ và vui vẻ về phần hội, toát lên giá trị nhân văn truyền

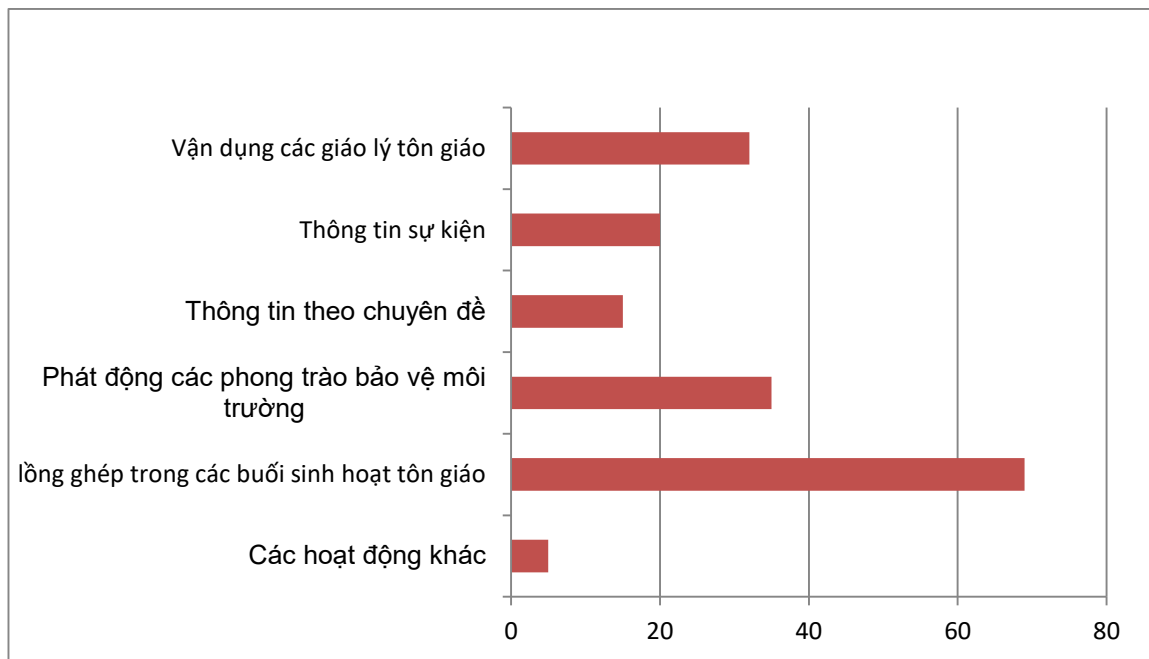
thống tốt đẹp, là cơ sở cho mối quan hệ gắn bó giữa Phật tử và nhân dân. Trong dịp Tết Mậu Tuất (2018), Hội đồng Trị sự GHPGVN đã có công văn số 03/CV-HĐTS ngày 12/2/2018 về việc tăng cường nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc tại các cơ sở thờ tự Phật giáo nhằm hướng dẫn Tăng ni trụ trì các tự viện, nhất là các tự viện là di tích lịch sử - văn hóa, thực hiện một số việc cụ thể trong thời gian tổ chức lễ hội. Cụ thể, để tổ chức lễ hội văn minh, tiết kiệm, không phô trương hình thức, cần tuyên truyền, vận động Phật tử và nhân dân phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo. Công văn cũng đề nghị Tăng ni nêu cao tinh thần Bồ tát đạo, hướng dẫn Phật tử và nhân dân loại bỏ mê tín, đốt mã tại cơ sở thờ tự Phật giáo và các hình thức khác trái với thuần phong mỹ tục, văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo Việt Nam. Trong các bài giảng chú trọng việc gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống, thuần phong mỹ tục trong các lễ hội; lan tỏa giá trị từ bi, bao dung, tôn trọng sự khác biệt của các cộng đồng tín ngưỡng, tôn giáo khác.

Nội dung công văn của GHPGVN nêu trên nhận được sự đồng thuận và ủng hộ rất lớn từ Tăng ni, Phật tử và nhân dân, nhất là chính quyền các cấp. Kết quả bước đầu của công tác vận động chức sắc, Phật tử tham gia BVMT và UPVBĐKH ghi nhận sự chuyển biến trong Tăng ni, Phật tử, nhất là người đứng đầu các tự viện. Các Phật tử đã xây dựng phong trào “trồng cây phúc đức”, “trồng cây trí đức” hằng năm vào các dịp lễ hội Phật giáo, lễ tiết dân tộc thay cho tục lệ “hái lộc”, “bẻ lộc”, kêu gọi xây dựng một lối sống thân thiện với môi trường ngay trong cộng đồng dân cư như “sạch và đẹp từ bàn thờ, trong nhà, ra ngoài sân, đến đường đi và cùng khắp đất nước” [166, tr.17]. Chùa Liên Hoa (Quận 11, TP. Hồ Chí Minh) trong suốt 20 năm "nói không" với việc đốt mã và vận động không thắp hương trong tự viện, dành những khoản tiền này để giúp đỡ dân nghèo với số tiền tiết kiệm đến nay gần 18 tỷ đồng. Thượng tọa Thích Duy Trấn, trụ trì chùa Liên Hoa, cùng tăng chúng đi đầu vận động Phật tử và nhân dân các khu phố xung quanh tự viện thực hiện BVMT thông qua chương trình "30 phút vì cộng đồng" dọn vệ sinh, quét rác trên các tuyến đường trong khu vực lân cận chùa vào mỗi sáng chủ nhật hằng

tuần. Ngoài ra, một số ngôi chùa khác ở TP. Hồ Chí Minh như chùa Giác Nguyên (Quận 4), chùa Thiên Tôn (Quận 5) thường xuyên tuyên truyền, vận động Phật tử và nhân dân loại bỏ tập tục đốt mã trong lễ tang cũng như lễ hội tín ngưỡng nhằm tiết kiệm chi phí, góp phần BVMT và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp sử dụng những thành quả của cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm đa dạng các hình thức phổ biến thông tin môi trường.*

Trong những năm qua, GHPGVN đã hướng dẫn, hỗ trợ Phật tử và nhân dân nhiều hoạt động cộng đồng thiết thực. Việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền của Phật giáo giúp mọi người nhận thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường từ đó hình thành cách ứng xử thân thiện với môi trường nhằm giữ gìn văn minh đô thị và tôn trọng sự sống. Nhiều hình thức tuyên truyền đã được triển khai cho Phật tử và nhân dân tại các cơ sở thờ tự trong cả nước.



**Biểu đồ: Phương thức phổ biến thông tin môi trường cho Phật tử tại các cơ sở thờ tự**

*Nguồn: Báo cáo hiện trạng truyền thông môi trường trong Phật giáo và Thiên chúa giáo của Tổng cục môi trường [154]*

*Đơn vị: %*

Các hình thức được chức sắc, nhà tu hành Phật giáo sử dụng để truyền thông về môi trường bao gồm nói chuyện chuyên đề, sản xuất băng đĩa, sản phẩm nghe nhìn, cung cấp sách báo, tài liệu; truyền thông gắn với giảng pháp; truyền thông trong các ngày lễ tôn giáo. Trong đó, hình thức phổ biến thông tin môi trường tới Phật tử và nhân dân chủ yếu là lồng ghép và vận dụng giáo lý, giáo luật và cung cấp kiến thức thông qua các phong trào tập thể chiếm khoảng 70% so với các hình thức phổ biến thông tin môi trường khác.

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp tổ chức các hoạt động nhằm cải thiện, bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản.*

Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được Đảng và Nhà nước quan tâm từ rất sớm; hàng năm từ Trung ương đến địa phương tiến hành nhiều hoạt động thả cá, tái tạo nguồn lợi thủy sản. Tuy nhiên, hoạt động này còn một số hạn chế như việc thả một số loài thủy sản ngoại lai xâm hại, thả chưa đúng địa điểm và thời điểm.

Ngày 04/01/2017, tại Hà Nội, Tổng cục Thủy sản đã phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN tổ chức lễ ký kết bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên trong lĩnh vực phóng sinh, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Mục tiêu của bản ghi nhớ hợp tác giữa Tổng cục Thủy sản và Hội đồng Trị sự GHPGVN là nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các Tăng ni, Phật tử và người dân về bảo vệ nguồn lợi thủy sản thông qua hoạt động thả giống phóng sinh góp phần BVMT, bảo vệ đa dạng sinh học; ngăn chặn, giảm thiểu những loài thủy sản ngoại lai xâm hại ra môi trường; chủ động cung cấp và vận động Tăng ni, Phật tử và nhân dân phóng sinh những giống thủy sản hữu ích. Về hoạt động phóng sinh, Thượng tọa Thích Đức Thiện, Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN chia sẻ: “Hoạt động phóng sinh được các Tăng ni, Phật tử thực hiện từ rất lâu tại nhiều vùng miền và có ý nghĩa tâm linh lớn. Trung ương GHPGVN những năm qua cũng có nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục Phật tử và phối hợp với các đơn vị thực hiện việc phóng sinh. Bản ký kết này có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với các Phật tử mà còn cần phải

tuyên truyền nhân rộng ra cộng đồng nhân dân; sự phối hợp giữa các đơn vị cùng các địa phương để hoạt động phóng sinh này có ý nghĩa thực tế hơn, không phải là phong trào mang tính hình thức”.

Để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của Tăng ni, Phật tử và nhân dân về việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản thông qua hoạt động thả giống phóng sinh, góp phần vào việc BVMT, bảo vệ đa dạng sinh học, Tổng cục Thủy sản sẽ phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN tổ chức thả giống phóng sinh bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Trước mắt, hai bên sẽ phối hợp với các địa phương tổ chức thả giống phóng sinh trong các dịp rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy, ngày 23/12 âm lịch, ngày truyền thống ngành thủy sản Việt Nam 1/4 dương lịch hằng năm. Ngoài ra, hai bên sẽ tổ chức các hội thảo tập huấn để trao đổi về phóng sinh tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, BVMT. Hoạt động này truyền tải các tín điều Phật giáo đến với người dân trong cuộc sống.

Góp phần khôi phục nguồn lợi thủy sản, gia tăng mật độ quần thể của các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, đặc biệt là phục hồi các loài thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, ngày 31/8/2017, Hội đồng Trị sự GHPGVN đã phối hợp với Tổng cục Thủy sản tổ chức Lễ thả 30 vạn tôm sú giống phóng sinh, tái tạo nguồn lợi thủy sản tại cảng cá biển Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên- Huế. Đồng thời, nhiều tổ chức cá nhân cũng thả các loại tôm, cá giống xuống các dòng sông để tái tạo và BVMT thiên nhiên. Ở Hà Nội, Tăng ni, Phật tử đã tổ chức nhiều đợt thả hàng ngàn tấn cá, con giống các loại xuống sông Hồng, Hồ Tây, v.v... Ở TP. Hồ Chí Minh, chùa Long Hoa (Quận 8) định kỳ hằng tháng tổ chức thả phóng sinh hàng trăm kg cá xuống kênh ở bến Bình Đông. Ngoài ra, nhiều động vật quý hiếm được đưa trở về với thiên nhiên tại các khu rừng.

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp vận động Phật tử dân tộc thiểu số không chặt đốt phá rừng, hoặc khai thác gỗ trái phép; tham gia trồng cây gây rừng, tạo lá phổi xanh cho khu vực.*

Nạn chặt phá rừng đầu nguồn là vấn đề hàng đầu cần được giải quyết triệt để ở nước ta hiện nay. Diện tích rừng tự nhiên đang ngày càng suy giảm nhanh với tốc độ chóng mặt. Thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp cho thấy, từ năm 2012 đến năm 2017, diện tích rừng tự nhiên nước ta đã bị mất do chặt phá trái pháp luật chiếm 11%, 89% còn lại do chuyên mục đích sử dụng rừng tại những dự án được duyệt. Năm 2019, 1.179 vụ phá rừng bị phát hiện, tăng 16% so với năm 2018, vận chuyển động vật hoang dã tăng 21%. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng phá rừng do người dân chưa nhận thức đúng đắn về quy hoạch đất rừng hợp lý, người dân sống ở khu vực xung quanh vẫn có thói quen lên rừng chặt cây làm nhà, bán gỗ, đốn củi một cách thiếu ý thức; quy hoạch rừng để xây dựng thủy điện, làm nhà máy, làm trang trại; đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tập tục đốt rừng làm nương rẫy, nhà cửa để phục vụ di canh di cư; do sự tham gia, câu kết của cán bộ kiểm lâm với lâm tặc chặt phá cây rừng. Có thể thấy, tình trạng này chiếm phần lớn tỷ lệ cây rừng bị chặt phá ở nước ta hiện nay.

Kết quả khảo sát của đề tài *Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên* của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, năm 2014 cho thấy, những chỉ báo quan trọng về tác động Phật giáo tới hành vi BVMT của tín đồ tôn giáo này.

**Bảng 1: Tần suất tín đồ Phật giáo tham gia hoạt động bảo vệ môi trường**

<b>Đơn vị tổ chức hoạt động</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Chính quyền địa phương các cấp	396	259	65,4
Các đoàn thể chính trị xã hội	396	188	47,5
Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc	396	64	16,2
Các đoàn thể Phật giáo	396	200	50,5
Các tổ chức khác	396	15	3,8

*Nguồn: Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam [73; tr.65]*

Kết quả cho thấy, hầu hết tín đồ Phật giáo ở Tây Nguyên được hỏi đều từng tham gia hoạt động BVMT. Trong đó, hoạt động BVMT của các đoàn thể chính trị xã hội chiếm vị trí chủ đạo. Phật giáo tuy tác động không nhỏ đến nhận thức tín đồ, nhưng việc tổ chức BVMT chưa được nhiều. Do đó, lượng tín đồ Phật giáo tham gia BVMT chưa cao. Tuy nhiên, tần suất tín đồ Phật giáo tham gia BVMT cao hơn 13 lần các tổ chức khác ngoài các đoàn thể từ phía chính quyền. Điều này đặt ra vấn đề, đối với một vùng đất có nhiều biến đổi mạnh mẽ về môi trường, chiến lược phát triển bền vững không thể bỏ qua vai trò của các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng trong việc nâng cao ý thức môi trường cho người dân.

### ***3.1.2.2. Phương pháp tham gia bảo vệ môi trường xã hội***

*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp nâng cao đạo đức, nhận thức cho Phật tử và nhân dân góp phần loại bỏ dân các phong tục, tập quán lạc hậu.*

Trong những năm qua, rất nhiều Tăng ni, Phật tử tích cực hưởng ứng các phong trào bảo vệ an ninh trật tự, bài trừ tệ nạn xã hội, thực hiện nếp sống văn minh trong việc hiếu, việc hỉ tại cộng đồng dân cư do UBMTTQVN các cấp phát động. GHPGVN nhiều tỉnh thành phía Bắc đã vận động Phật tử noi gương Đức Phật sau khi qua đời nên hỏa táng. Việc tổ chức cưới xin của Phật tử và nhân dân được Giáo hội khuyến khích không phô bày tốn kém, không ăn uống linh đình, mà quan trọng là tận tâm, tận lòng ý thức sâu sắc việc tu nhân tích đức cho con cháu sau này. Theo lời dạy của Đức Phật, hai người cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, giữ đúng đạo lý vợ chồng và bổn phận làm cha mẹ. Trong *Kinh Sáu phương*, Đức Phật dạy rõ ràng và nếu thực hiện theo những lời dạy ấy thì vợ chồng nhất định sẽ “bách niên giai lão” và hạnh phúc “trăm năm bạc đầu”. Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện, giữ gìn và thân thiện với môi trường luôn được Tăng ni, Phật tử thực hiện kịp thời và chia sẻ với những người gặp khó khăn tại cộng đồng dân cư khi thiên tai, bão lũ do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.



*Giáo hội Phật giáo Việt Nam lồng ghép phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về BVMT và UPVBĐKH trong trường hạ, buổi học chính khóa và sinh hoạt ngoại khóa của Tăng ni tại các trường Phật học, khóa tu của Phật tử.*

Các tự viện thường xuyên tổ chức các khóa tu cho thanh thiếu niên các Gia đình Phật tử với nhiều nội dung phong phú, trong đó vấn đề BVMT được thuyết giảng như một nội dung quan trọng. Các khóa tu giáo dục cho giới trẻ biết giữ gìn đạo đức truyền thống, thực hành nếp sống lành mạnh. Khóa tu mùa hè dành cho thanh thiếu niên định hướng giá trị sống cho thế hệ trẻ, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội được tổ chức đầu tiên tại chùa Hoàng Pháp (huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh) vào năm 2005. Trên thực tế, các chùa tổ chức các buổi học kinh cho Phật tử trung niên, nhưng Phật tử trẻ tuổi ít được chú ý. Sự thành công của các khóa tu mùa hè tại chùa Hoàng Pháp đã tạo hiệu ứng cho các chùa khác trên cả nước tổ chức các khóa tu tương tự. Theo thống kê chưa đầy đủ, số lượng khóa tu mùa hè tại các địa phương trên cả nước theo bảng dưới đây:

**Bảng 2: Độ tuổi và số lượng khóa sinh tại các địa điểm khác trên cả nước**

<b>Stt</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Độ tuổi</b>	<b>Số lượng</b>
<b>A</b>	<b>Khu vực phía Bắc</b>		
1	Chùa Hòa Phúc (Quốc Oai, Hà Nội)	15-30	900
2	Chùa Bằng A (Hà Nội)	13-25	300
3	Chùa Phật Tích (Bắc Ninh)	13-25	200
4	Chùa Ba Vàng (Quảng Ninh)		400
5	Chùa Khánh Sơn (Thái Bình)		150
6	Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên	>11	1500
<b>B</b>	<b>Miền Trung - Tây Nguyên</b>		
7	Chùa Huyền Không (Huế)	15-23	100

8	Chùa Hoa Khai (Đăk'Rap – Đăk Nông)	10-20	700
<b>C</b>	<b>Miền Nam</b>		
9	Chùa Thiên Phước (Mỹ Tho)		300
10	Chùa Vĩnh Hưng (Long An)	12-20	300
11	Chùa Vạn Phước (Vũng Tàu)	14-25	300
12	Chùa Hoàng Pháp (TP. Hồ Chí Minh)	18-25	3000
	<b>Tổng</b>		<b>5.050</b>

*Nguồn: Tham luận Hội thảo Tôn giáo và đạo đức xã hội hiện đại [150, tr.476].*

Các khóa tu này được tổ chức khắp mọi miền đất nước, nhưng nội dung khóa tu mỗi chùa được thiết kế khác nhau. Căn cứ vào mục đích, độ tuổi mà mỗi chùa xây dựng chương trình phù hợp với đối tượng tham gia. Ở chùa Pháp Vân (quận Hoàng Mai, Hà Nội), một trong ba mô hình điểm cấp quốc gia, sau 04 năm tổ chức nhiều hoạt động với nhiều hình thức, nội dung phong phú và ý nghĩa, không chỉ góp phần BVMT tự nhiên mà còn góp phần cải thiện chất lượng môi trường xã hội thông qua các hoạt động nâng cao đạo đức cho cộng đồng. Mỗi khóa tu tại chùa Pháp Vân có từ 300 tới hàng nghìn Phật tử và sinh viên các trường đại học trên địa bàn Hà Nội tham gia. Thông qua các khóa tu, các nghi lễ lớn được tăng sĩ kết hợp lồng ghép tuyên truyền, vận động Tăng ni, Phật tử và nhân dân tham gia các hoạt động BVMT; tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm giữ gìn sự cân bằng hệ môi trường sinh thái; không sử dụng thuốc hóa học trong trồng trọt, chất cấm trong chăn nuôi, biết tôn trọng và bảo vệ sinh mệnh của muôn loài; sử dụng các loại túi thân thiện với môi trường trong sinh hoạt hằng ngày; không đốt mã tại nơi thờ tự cũng như cúng lễ tại gia đình; sử dụng tiết kiệm điện nước ở cơ quan cũng như ở nhà riêng; hạn chế phương tiện giao thông cá nhân khi không cần thiết. Đối với rác thải trong gia đình, hạn chế sử dụng túi nilon, nên phân loại rác thải, gom chai nhựa bán phế liệu để tái sử dụng. Ở cơ quan, nên tiết kiệm

giấy, đọc kỹ văn bản trước khi in, tận dụng giấy một mặt. Ở nơi công cộng, không vứt rác bừa bãi, thu dọn rác thải và vứt đúng nơi quy định khi đi dã ngoại; không bẻ cành, chặt phá cây xanh nơi công cộng; không vứt rác thải, xác chết động vật xuống hè phố, sông ngòi, ao hồ, bờ biển.

Mặc dù các khóa tu diễn ra tại khuôn viên của chùa, nhưng không vì thế mà đặt quá nặng nội dung tuyên truyền tư tưởng và giáo lý Phật giáo. Một trong những thay đổi quan trọng trong cách tiếp cận thanh thiếu niên ở các khóa tu mùa hè hiện nay là sự linh hoạt trong xây dựng và thực hiện chương trình khóa tu. Ngược dòng lịch sử, trong các ngôi làng truyền thống của người Việt, nhà sư không chỉ chăm lo về đời sống tôn giáo, mà còn đảm nhận vai trò hòa giải mâu thuẫn trong gia đình, dòng họ và xóm làng, đưa ra những lời khuyên liên quan đến nhiều mặt đời sống của Phật tử và nhân dân trong vùng. Hiện nay, các khóa tu mùa hè diễn ra không phải do các nhà sư đảm nhận hoàn toàn. Việc mời các chuyên gia, người nổi tiếng nói chuyện theo chủ đề cho các bạn trẻ là bước đột phá trong nội dung của khóa tu. Những câu chuyện từ các chuyên gia, người nổi tiếng đã truyền cảm hứng cho khát vọng vươn đến thành công của các khóa sinh, tăng thêm sức hút và giảm bớt độ đơn điệu của khóa tu.

Chính vì vậy, niềm tin của xã hội, các gia đình và các bạn trẻ vào chất lượng và hiệu quả của các khóa tu mùa hè ngày càng tăng. Tỷ lệ các bạn trẻ quay trở lại khóa tu vào những mùa hè năm sau khá cao, khoảng 60-70%. Tỷ lệ người đăng ký mới khóa tu chiếm khoảng 30-40%. Điều này khẳng định chất lượng và sự tin tưởng của khóa sinh và gia đình họ đối với các khóa tu mùa hè do nhà chùa tổ chức. Theo TS. Bùi Hữu Dược – nguyên Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ: "Thông qua các khóa tu mùa hè, các bạn trẻ được hướng dẫn nhiều tri thức hữu ích cho cuộc sống, giúp họ trưởng thành nhanh hơn. Hầu hết các em sau khi kết thúc khóa tu có sự thay đổi ít nhiều trong ứng xử với cha mẹ, anh chị em trong gia đình, trong các hành vi của mình với môi trường sống xung quanh. Việc tổ chức thành công các khóa

tu mùa hè đã góp phần khẳng định vai trò của Phật giáo Việt Nam trong các hoạt động xã hội mà bảo vệ môi trường là một nội dung quan trọng".

Pháp tu thiền của Hòa thượng Thích Thanh Từ thu hút được sự quan tâm không chỉ giới Phật tử mà còn nhiều tầng lớp nhân dân, thuộc nhiều thành phần xã hội, nhiều lứa tuổi khác nhau. Việc tạm xa cuộc sống văn minh hiện đại để hòa mình với thiên nhiên không chỉ khiến người tu tập thấy thanh thản, mà còn góp phần giảm tải những tác động đến môi trường do cuộc sống ồn ào, vội vã mang lại, giảm thiểu việc sử dụng những sản phẩm của sự phát triển khoa học công nghệ hiện đại. Tất cả mang lại một môi trường trong sạch cho mỗi người. Những người đến với pháp tu này còn được khuyến khích sống chậm, tập thiền trong sinh hoạt hằng ngày, đến gần hơn với thiên nhiên bằng cách dành thời gian để chăm sóc, bảo vệ cây cối, chim muông, thực hành ăn chay như một biện pháp hữu hiệu để bảo vệ sức khỏe và môi trường.

Ở nước ta, nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng. Cho đến nay, Việt Nam căn bản vẫn là một nước nông nghiệp. Trong đó, chăn nuôi đòi hỏi đất đai đầu vào nhiều hơn so với trồng trọt. Chăn nuôi cần phải có đất trồng thức ăn, đất làm chuồng trại cho gia súc. Vì thế, rất nhiều khu rừng bị đốt để mở rộng diện tích cho nông trại phục vụ chăn nuôi. 18% khí nhà kính là do đốt rừng mở thêm nông trại, 20% nông trại trên thế giới bị thoái hóa, không thể trồng trọt được nữa. Diện tích rừng bị thu hẹp dẫn đến hệ quả nghiêm trọng như lũ lụt, hạn hán, nhiều động vật quý hiếm bị tuyệt chủng. Nhận thức được ảnh hưởng tiêu cực của việc chăn nuôi cũng như giết mổ gia súc, gia cầm đối với môi trường, nhiều Phật tử khi đến chùa được nghe giảng pháp về ăn chay theo giáo lý nhà Phật. Đặc biệt, chùa Pháp Vân (Hà Nội) đã tổ chức “Ngày Ăn chay an lạc” vào chủ nhật tuần đầu hằng tháng, trong đó nhấn mạnh đến giải pháp “ăn chay, sống xanh, bảo vệ môi trường”, hạn chế ăn thịt động vật. “Ngày Ăn chay an lạc” được tổ chức không chỉ thường kỳ mà còn lồng ghép vào các khóa tu với thông điệp “Ăn chay hướng tới thế giới an lạc”. Ăn chay mang ý nghĩa nhân văn, nhân bản. Phật tử đến với “Ngày Ăn chay an lạc” để

giao lưu, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau và nhân rộng những điều tốt đẹp trong cuộc sống, góp phần xây dựng một xã hội thuận thiện đưa con người và thế giới tới hòa bình, hạnh phúc. Hiện nay, các tổ chức quốc tế và cộng đồng BVMT trên thế giới đang kêu gọi mọi người ăn chay như một biện pháp thiết thực và hữu hiệu để BVMT.

Chủ trương ăn chay trong cộng đồng Phật giáo do chùa Pháp Vân khởi xướng không chỉ đem lại những lợi ích thiết thực cho người phát tâm thực hiện, tạo chuyển biến trong suy nghĩ của mọi người về môi trường và BVMT, mà còn trở thành cách thức hiệu quả và khả thi mà một người có thể làm ngay để BVMT và chống biến đổi khí hậu, bảo đảm tương lai tốt đẹp cho thế hệ mai sau. Khảo sát điền dã của chúng tôi ở một số ngôi chùa trên địa bàn Hà Nội như Diên Phúc, Phúc Lâm, Linh Quang, Xuân Trạch, Cổ Dương cho thấy, Phật tử khi đến chùa luôn lấy giới luật làm đầu. Họ rèn luyện tâm từ bi, không sát hại và ăn thịt động vật, không săn bắn hay mua bán sản phẩm chế biến từ những loài động vật quý hiếm. Để phát huy vai trò của Phật giáo trong việc BVMT, các chùa còn quy định cho những Gia đình Phật tử về ăn chay hai ngày một tháng (ngày rằm và mừng một), hay thất nhật trường chay (ăn chay 7 ngày một tháng), thập nhật trường chay (ăn chay 10 ngày một tháng).

Một hoạt động khá mới là sự kết hợp của Tăng ni với Phật tử mở nhiều cửa hàng chay nhằm khuyến khích người dân ăn chay xen vào thói quen ăn mặn hằng ngày. Bởi nhiều nghiên cứu chứng minh lợi ích của việc ăn chay cho sức khỏe con người, đặc biệt trong bối cảnh nhiều thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ. Một số ngôi chùa còn kinh doanh và khuyến khích Phật tử kinh doanh các sản phẩm chay như ruốc nắm chay, các thức ăn chay được chế biến từ các loại hạt, các sản phẩm thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất và tiêu dùng như túi giấy. Bên cạnh đó, nhiều chùa còn phát cơm chay, cháo chay từ thiện tại các bệnh viện vào chủ nhật hằng tuần nhằm thực hiện tinh thần tương thân, tương ái, gián tiếp vận động người dân ăn chay bảo vệ sức khỏe.

Với phương pháp và các hình thức tham gia BVMT phù hợp, Phật giáo Việt Nam đã mang lại những hiệu ứng tích cực phù hợp với những đòi hỏi của cuộc sống đương đại. Tuy nhiên, bản thân tín ngưỡng Phật giáo cũng không ngừng biến chuyển khi không tránh khỏi bị chi phối bởi cơ chế thị trường và chủ nghĩa tiêu dùng, nên còn một số điều cần phải xem xét để điều chỉnh lại hành vi tín ngưỡng Phật giáo hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường.

*Thứ nhất*, vào Tết Nguyên đán, rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy hay những dịp cầu nguyện cho bản thân hay gia đình, Phật tử và người dân thường hay phóng sinh. Đây là một việc làm thể hiện lòng từ bi của Phật tử và người dân quy ngưỡng Phật giáo. Tuy vậy, việc phóng sinh không đúng cách có thể gây những tác động không tốt đối với môi trường sống. Học giả Williams đã nhận thấy mặt trái của phóng sinh, đó là một số nhà chùa và tín đồ Phật giáo bỏ tiền ra mua chim, cá, ốc, cua..., để phóng sinh nhằm tích nghiệp thiện cho bản thân. Nhưng, trong cơ chế thị trường, việc làm đó đã khuyến khích một số người tìm cách bắt các con vật đó để bán kiếm tiền. Khi đã bị đánh bắt, không phải con vật nào cũng có thể sống khoẻ mạnh cho tới khi được thả. Thực tế là nhiều con vật bị thương, bị chết trước khi được phóng sinh [196, tr.155]. Như vậy, việc phóng sinh cần được quán triệt thực chất sao cho thực sự có ý nghĩa, để nghi thức này không đi ngược lại đạo đức môi trường nói chung và tinh thần bất sát của Phật giáo nói riêng.

Biết rằng thả chim là một việc thiện, nhưng hành động đó đã tiếp tay cho những kẻ chuyên đi săn bắt các loại chim vào những dịp lễ, và vô tình tiếp tay cho những người đi săn bắt gây thêm nghiệp xấu. Thực tế ở một số ngôi chùa hiện nay cho thấy, vào những ngày lễ, cá được thả phía trước, phía sau có người vớt, rồi lại mang bán cho hàng cá trước cổng chùa, rồi người khác lại mua thả, rồi lại vớt. Tương tự, người bán chim phóng sinh cắt cụt cánh chim, làm cho chim yếu rồi đem bán cho khách đi chùa làm lễ phóng

sinh. Chim sau khi được phóng sinh, con nào còn sức thì chao cánh một chút rồi trở về chốn cũ, con nào kiệt sức thì chết ngay.

Khoảng một thập kỷ trước, trong khi khu vực Tây Nam Bộ phát sốt với mối lo rùa tai đỏ xâm hại các loài động vật bản địa thì tại TP. Hồ Chí Minh, nhiều người thờ ơ với mối nguy này. Trong khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấm nhập khẩu rùa tai đỏ vì sinh vật ngoại lai này vừa gây hại cho môi trường sinh thái vừa có nguy cơ truyền bệnh cho con người, thì ở TP. Hồ Chí Minh, giống rùa nguy hiểm này vẫn được mua bán tràn lan. Ở một số ngôi chùa trên địa bàn Thành phố, rùa tai đỏ được bày bán la liệt, Phật tử và người dân đi lễ chùa mặc sức mua phóng sinh với số lượng không giới hạn. Hình ảnh những con rùa tai đỏ được thả xuống đồng nghĩa với hình ảnh môi trường tự nhiên bị xâm hại không xa trong tương lai.

Trở lại vấn đề, Phật giáo khuyến phóng sinh và cấm sát sinh là nói về những loài bản địa, loài không gây nguy hại cho các loài khác. Đối với một loài gây nguy hại, thậm chí đe dọa hủy diệt các loài bản địa, thì việc tiêu diệt chúng không trái với giáo lý Phật giáo. Vì vậy, để tránh thảm kịch ốc bươu vàng như trước đây, cơ quan chức năng và GHPGVN các cấp cần phối hợp giúp Phật tử và người dân nhận thức được hộ sinh, phóng sinh hợp lý, lựa chọn thời điểm, địa điểm, loài vật phóng sinh thích hợp mới thực sự ý nghĩa.

*Thứ hai*, đồ mã cho các nghi lễ cúng tế được sử dụng quá nhiều bởi tín đồ Phật giáo. Điều đáng báo động, tục đốt mã lan tràn khắp mọi nhà, mọi nơi. Đồ mã đa dạng bày bán ở nhiều đô thị lớn cho thấy mức độ cung cầu lại hàng hóa đặc biệt ấy và mức độ mê tín phát triển như thế nào. Phật tử và người dân dâng cúng rồi đốt đi nhiều đồ mã đắt tiền trong những dịp sóc vọng, lễ tiết, giỗ chạp. Thờ cúng tổ tiên, trả ơn công đức những người có công sinh thành, tôn vinh những người có công với cộng đồng là nét đẹp văn hóa “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta. Đến nay, chưa có điều kiện thống kê cụ thể và chính xác mức độ thiệt hại do đốt mã gây nên, nhưng hàng chục ngàn tấn giấy được đốt đi mỗi năm đồng nghĩa với việc biến hàng trăm tỉ đồng thành tro

bụi. Vấn đề đặt ra có nên đốt mã tớn đến bạc tỷ trong lúc không ít Phật tử và người dân còn chống chọi trước bao hiểm họa do thiên tai và dịch bệnh. Không dừng lại đó, cùng với hàng trăm tỉ đồng đốt thành tro bụi thì chính chúng ta đang phải hứng chịu những hậu quả xấu về môi trường sống.

Chưa kể đến, quy trình sản xuất đồ mã, từ nguồn nguyên liệu (vải rách, bã mía, vỏ cây, rơm rạ), nấu loại bỏ tạp chất (chất tẩy), nghiền bột, làm trắng (chất tạo màu, chất kết dính, chất phụ gia), cho đến khi ra thành đồ mã với giá thành siêu rẻ thì không chắc chắn rằng những nguyên liệu đó có đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Nhưng sự hao tổn tài nguyên gỗ cây, khói khí sau khi hóa đồ mã lại tạo ra các khí thải nguy hại gây tác động tiêu cực trực tiếp và nguy hiểm với môi trường là rõ ràng.

Tuy nhiên, lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh đồ mã đã làm cho nhiều cá nhân, doanh nghiệp bất chấp các quy định của pháp luật. Nghị định số 31/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/06/2001 quy định xử phạt hành chính nghiêm khắc đối với người sản xuất đồ mã trái phép và đốt hàng mã nơi công cộng. Tuy nhiên, gần hai thập kỷ qua, việc sản xuất và sử dụng đồ mã vẫn luôn thịnh hành thậm chí mẫu mã còn rất đa dạng phong phú. Điều này một phần do luật pháp còn khe hở, chưa đủ sức răn đe và một phần từ tâm lý phương Đông đề cao cái tình hơn cái lý trong tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, cần khẳng định nguồn gốc của tục đốt mã không xuất phát từ Phật giáo. Ngược dòng lịch sử, vào đời nhà Hán, nhà vua muốn thực hành lời dạy của Khổng Tử “sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn”, tức là thờ người chết như thờ người sống. Nên nhà vua khi băng hà phải bỏ tiền bạc thật vào áo quan, từ đó sinh ra nạn đào mộ trộm cắp châu báu. Sau này, vua quan khi chết không chôn theo tiền thật nữa mà lấy giấy làm giả tiền. Đời Đường Huyền Tông (738) ra sắc dụ cho phép dùng giấy thay cho tiền thật, việc sử dụng đồ mã hình thành từ đó và dần lan sang Việt Nam.

Tết Nguyên Đán 2018, Hội đồng Trị sự GHPGVN ban hành công văn đề nghị Phật tử và nhân dân loại bỏ tục đốt mã tại các cơ sở thờ tự Phật giáo



[81]. Theo tinh thần của Công văn số 31/CV-HĐTS về việc tăng cường nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc tại các cơ sở thờ tự Phật giáo do Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN ký, nhằm tạo điều kiện cho các tự viện phát huy truyền thống văn hóa dân tộc trong các lễ hội, đề nghị Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành hướng dẫn Tăng ni trụ trì các tự viện, nhất là các tự viện là di tích lịch sử - văn hóa, thực hiện một số việc trong thời gian tổ chức lễ hội. Trong đó, đề tổ chức lễ hội văn minh, tiết kiệm, cần tuyên truyền, vận động phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo; hướng dẫn Phật tử và nhân dân loại bỏ mê tín dị đoan, không đốt đồ mã tại các cơ sở thờ tự Phật giáo và các hình thức khác trái với thuần phong mỹ tục, văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo Việt Nam. Công văn này cũng yêu cầu, nội dung các bài giảng đạo chú trọng gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống, thuần phong mỹ tục trong các lễ hội; lan tỏa giá trị từ bi, bao dung, tôn trọng sự khác biệt của các cộng đồng tín ngưỡng, tôn giáo.

Thực tế những mùa lễ hội gần đây cho thấy, ô nhiễm môi trường trở thành vấn đề bức xúc tại nhiều cơ sở thờ tự như khu di tích Chùa Hương (Hà Nội), khu di tích Yên Tử (Quảng Ninh), đền Bà Chúa Kho (Bắc Ninh)..., trong đó có nguyên nhân Phật tử và người dân đốt quá nhiều đồ mã. Vì vậy, chủ trương nêu trên của GHPGVN nhận được nhiều ý kiến đồng tình ủng hộ.

*Thứ ba, nguyên vật liệu thay thế trong xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự chưa được khuyến khích sử dụng.* Chùa là cơ sở tu tập và thờ tự của Phật giáo. Nhiều ngôi chùa Phật giáo Bắc tông ở Việt Nam ngoài thờ Phật còn thờ thần thánh của các loại hình tôn giáo khác (Nho giáo, Đạo giáo, Bà La môn giáo), tín ngưỡng khác (thờ Tổ tiên, thờ Thành hoàng, thờ Mẫu). Tục ngữ có câu “đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”. Đa số các ngôi chùa thuộc về cộng đồng làng xã. Do đó, việc xây chùa bao giờ cũng là một việc trọng đại đối với cộng đồng nên được xem xét kỹ lưỡng bởi quan niệm phong thủy. Việc chọn đất xây chùa thường bị chi phối bởi quan niệm phong thủy. Kinh phí xây

dựng chùa chủ yếu từ tiền công đức của mọi tầng lớp Phật tử và người dân trong xã hội. Những người công đức luôn tin mình sẽ được hưởng phúc từ việc làm đó. Đây là điều kiện để Phật giáo dễ dàng huy động kinh phí khi cải tạo, sửa chữa, xây mới cơ sở thờ tự.

Thời kỳ trước Đổi mới, vì các lý do khách quan và chủ quan, nhiều cơ sở thờ tự của Phật giáo bị phá hủy, xuống cấp nghiêm trọng. Hiện nay, nhiều địa phương muốn khôi phục lại các cơ sở thờ tự với cảnh quan, khuôn viên vốn có. Mặc dù điều này gây cho chính quyền địa phương không ít khó khăn về thủ tục pháp lý, giải quyết tranh chấp dân sự, đền bù tài sản... nhưng nhìn chung, đó là một nhu cầu chính đáng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tâm linh cũng như cải thiện môi trường.

Thời gian qua, tự viện ở nước ta được sửa chữa, xây mới ngày càng nhiều, càng to lớn, càng hoành tráng, càng xa xỉ với mức chi phí vô cùng lớn. Điển hình, chùa Bái Đính (tỉnh Ninh Bình) được xây dựng với nhiều kỷ lục: tượng Phật bằng đồng, dát vàng lớn nhất khu vực Đông Nam Á với trọng lượng gần 100 tấn; tượng Phật Di Lặc được đúc bằng đồng lớn nhất khu vực Đông Nam Á với trọng lượng 100 tấn; tượng Phật làm bằng ngọc với trọng lượng 4 tấn; 500 tượng La Hán với chiều cao 2m được tạc bằng đá quý; chuông đồng nặng 36 tấn lớn nhất Việt Nam. Vẫn biết rằng, trong quá trình hoành pháp, nơi thờ tự, đồ thờ tự và đồ cúng tế là những thứ không thể thiếu được. Song, việc xây dựng nơi thờ tự lớn, đúc tượng Phật to thay vì chặt cây lâu năm, phải phá rừng tự nhiên, phải dùng tài nguyên quý hiếm để tạc tác mà khuyến khích sử dụng các nguyên vật liệu thay thế. Làm được điều này gián tiếp góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cân bằng hệ sinh thái, không trái với giới cấm sát sinh của Phật giáo.

Những hạn chế này là đề xuất để GHPGVN cần khắc phục những cách nhìn hạn hẹp trong giáo điều và nghi lễ thực hành cho phù hợp với xu thế thời đại mà không tổn hại đến môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội. Tuy nhiên, cần khẳng định lại, đó không phải lỗi hoàn toàn của Phật giáo mà do

mặt trái cơ chế thị trường của doanh nghiệp, người dân tham gia lễ hội hay người hành nghề tôn giáo. Những người này, hoặc do thiếu hiểu biết hoặc cố tình lợi dụng tôn giáo vì những động cơ khác nhau. Ở điểm này, chúng ta cần phân biệt giáo lý tôn giáo với người hành nghề tôn giáo [33; tr.3].

### **3.2. Lực lượng, mô hình bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam**

#### **3.2.1. Lực lượng tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam**

Hơn năm năm triển khai thực hiện, Chương trình phối hợp đạt được những kết quả bước đầu đáng kể trên nhiều phương diện. Với cách thức triển khai chương trình đồng bộ, bài bản, có nhiều sáng tạo, phù hợp với giáo lý, giáo luật của tôn giáo, đặc điểm tình hình các địa phương và yêu cầu thực tiễn đặt ra. Kết quả này ngoài chủ trương đúng đắn còn phải kể đến việc Phật giáo đã huy động sự chung tay giữa nhiều lực lượng trong hoạt động BVMT. Đó là Giáo hội, Phật tử và đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng phối hợp thực hiện. GHPGVN với tư cách chủ thể đã đưa ra chủ trương, tổ chức tuyên truyền giáo dục tới Phật tử và quần chúng nhân dân nhằm chung tay BVMT. Bên cạnh đó, căn cứ vào đặc điểm, năng lực của từng khách thể để phát huy vai trò và chức năng của từng đối tượng tham gia BVMT.

Một trong những thành phần tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ môi trường do chính quyền các cấp phát động là nữ Phật tử. Ở các tỉnh thành phía Bắc, số ni chiếm khoảng 1/3 số lượng ni giới tại hơn 80% tự viện cả nước. Theo thống kê của GHPGVN năm 2014, ni giới cả nước có 14.817 vị, tu tập ở 5.921 cơ sở tự viện, riêng các tỉnh thành phía Bắc có 5.020 vị và 4.000 cơ sở tự viện [64, tr.2]. Những con số này cho thấy, phụ nữ đang có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng hai trong bốn thành phần quan trọng của Giáo hội Phật giáo, đó là nữ tu sĩ xuất gia và nữ cư sĩ tại gia. Đồng thời, ni giới bổ sung nhân lực trong bối cảnh thiếu người quản lý tự viện cũng giúp cho việc duy trì ổn định và phát triển sinh hoạt Phật giáo hiện nay tốt hơn. Những năm qua, đội ngũ ni giới ở miền Bắc có những đóng góp quan trọng

trong giáo dục, đào tạo Tăng ni, Phật tử, tham gia quản trị Giáo hội. Có thể nói, phụ nữ Phật giáo là một nửa tạo thành cộng đồng Phật giáo Việt Nam.

Tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, Trung ương Giáo hội kêu gọi Tăng ni, Phật tử tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, hưởng ứng chương trình hành động BVMT và UPVBĐKH. Nhiều nữ tu sĩ, nữ Phật tử trở thành các tình nguyện viên tích cực tham gia các hoạt động BVMT ở cộng đồng dân cư. Các hoạt động xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch” góp phần xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, “Ngày phụ nữ sáng tạo”... cổ vũ cho những ý tưởng sáng tạo, những sản phẩm an toàn thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, khuyến khích thay đổi tập quán, thói quen lạc hậu như vận động không đốt mã, phô bày tốn kém trong hiếu hỉ, cổ vũ sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm an toàn cho sức khỏe... là những hoạt động thiết thực tại cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của phụ nữ Phật giáo với công tác BVMT. Không dừng lại ở những hành động cụ thể, ni giới đang từng ngày xây dựng cho mình, góp phần tuyên truyền cho cộng đồng Phật giáo và xã hội một nền tảng đạo đức sinh thái theo giáo lý Phật giáo. Đó là tinh thần từ bi và diệt trừ Tam độc (tham, sân, si) luôn hiện diện trong tâm tưởng mỗi người. Trong nhiều bài thuyết pháp, các ni đã lồng ghép, dẫn dụ các nội dung liên quan đến BVMT, khuyến khích và biểu dương những tấm gương điển hình. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến các nữ Phật tử. Ở ngoài xã hội, các nữ Phật tử tích cực trồng cây, giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, chung tay góp sức cùng đồng bào các vùng gặp nạn do thiên tai, lũ lụt. Trong gia đình, các nữ Phật tử đã truyền tải tinh thần từ bi, tránh xa Tam độc cho con cháu. Những việc làm của phụ nữ Phật giáo góp phần hình thành nền tảng đạo đức tôn trọng môi sinh, lối sống hài hòa thân thiện với môi trường của các thành viên trong gia đình. Chương trình phối hợp giữa UBTWMTTQVN, BTNMT và các tổ chức tôn giáo về BVMT và UPBĐKH có sự góp sức không nhỏ của phụ nữ Phật giáo.

Ngoài ra, Phật giáo đã huy động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm tham gia BVMT cùng Nhà nước và xã hội. Các doanh nghiệp, nhà hảo tâm đã đóng góp nhiều công sức, đặc biệt là hỗ trợ tài chính cho các hoạt động BVMT của GHPGVN. Như chúng ta biết, công tác BVMT đạt hiệu quả cao thì nguồn lực tài chính có vai trò rất quan trọng. Vì vậy, việc đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho công tác BVMT rõ ràng là cấp thiết. Tăng chi ngân sách cho BVMT, tập trung giải quyết vấn đề môi trường bức xúc, tồn đọng kéo dài. Mặc dù thành công trong phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam được thế giới công nhận là một nước phát triển, nhưng tăng trưởng kinh tế còn thấp và chưa ổn định. Ngân sách quốc gia ưu tiên chi cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng nên đầu tư cho BVMT còn hạn chế. Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á thường chi khoảng hơn 1% GDP cho BVMT. Ở các nước phát triển, số tiền này thường chiếm khoảng 3-4% GDP, còn ở Việt Nam chưa đến 1% GDP. Đầu tư cho BVMT như vậy so với thực trạng còn ở mức thấp, chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu, còn thiếu các cơ chế huy động nguồn lực trong xã hội đầu tư cho BVMT. Các nguồn thu từ môi trường chưa được sử dụng đầu tư trở lại cho BVMT. Hơn 30 năm đổi mới, đời sống của người dân căn bản được cải thiện, song vẫn còn khá nhiều gia đình gặp khó khăn trong cuộc sống. Bởi vậy, việc huy động ngân sách lớn cho công tác BVMT thực sự là vấn đề không đơn giản.

Về phía GHPGVN, nguồn lực tài chính dành cho hoạt động BVMT còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai kế hoạch ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Mặt khác, do đời sống kinh tế khó khăn của đồng bào các dân tộc thiểu số, nên các nguồn lực tài chính huy động từ xã hội hóa ở đây cho hoạt động của GHPGVN không hề đơn giản. Theo số liệu của MTTQ TP. Hà Nội (bảng dưới), Phật giáo khẳng định thế mạnh của mình so với các tổ chức tôn giáo khác trong việc huy động nguồn lực thực hiện hoạt động xã hội nói chung và hoạt động BVMT trên địa bàn thủ đô nói riêng.

**Bảng 3: Tổng hợp các nguồn kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường của các tôn giáo từ 21/6/2016 đến 2018**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tôn giáo	Ngân sách từ ngành TNMT	Từ kinh phí hoạt động thường xuyên của MT	Từ nguồn vận động xã hội
1	Phật giáo	30	275	3770
2	Công giáo	5	130	750
3	Đạo Tin lành		82	
4	Đạo Cao Đài		68	
5	Đạo Islam		15	
6	Tôn giáo Baha'i		17	
7	Phật đường Nam tông Minh Sư đạo		7	
8	Giáo hội các thánh hữu ngày sau của Chúa Giê-su Kitô Việt Nam		48	

*Nguồn: UBMTTQVN TP. Hà Nội*

Nguồn lực tài chính là một trong những yếu tố quan trọng giúp nhanh chóng tiếp cận mục tiêu. Nhiều địa phương trong cả nước chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ cụ thể cho việc thực hiện Chương trình phối hợp phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia BVMT và UPVBĐKH. Trong khi việc bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện Chương trình này còn quá ít và chưa kịp thời. Việc Phật giáo có thể huy động nguồn kinh phí qua vận động xã hội cho thấy những bước đầu thuận lợi hơn các tổ chức tôn giáo khác để tôn giáo này chủ động thực hiện kế hoạch trong thời gian tới. Thực tế cho thấy, do phụ thuộc nhiều vào sự ủng hộ của các doanh nghiệp được kêu gọi bởi các vị trụ trì có uy tín dẫn đến hoạt động BVMT của GHPGVN thiếu tính

chủ động. Tuy nhiên, sự tham gia của các doanh nghiệp thường đi đôi với điều kiện kèm theo nên gây không ít khó khăn cho hoạt động BVMT của GHPGVN. Có thể dẫn chứng, hàng loạt quần thể du lịch tâm linh đồ sộ đua nhau mọc lên khoảng hai thập kỷ gần đây tại nhiều địa phương trên cả nước, điển hình như: khu du lịch tâm linh Bái Đính - Tràng An (Ninh Bình); khu du lịch tâm linh Tam Chúc - Ba Sao (Hà Nam), khu tâm linh tổng hợp đảo Cái Tráp (Hải Phòng), khu du lịch tâm linh hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), khu du lịch Sa Pa (Lào Cai), v.v... Tất cả siêu dự án này đều được cấp phép thời hạn khai thác từ 50 năm đến 70 năm. Điều này đúng với quy định tại Khoản 3, Điều 126, *Luật đất đai* năm 2013:

Điều 126. Đất sử dụng có thời hạn

3. ... Đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà cần thời hạn dài hơn thì thời hạn giao đất, cho thuê đất không quá 70 năm.

Một mặt, việc tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thu hồi vốn chậm đối với các dự án ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với thời gian tối đa 70 năm đồng nghĩa với việc khai thác môi trường thiên nhiên mà không gắn với bảo vệ trong 70 năm tới sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hệ sinh thái ở những khu vực này. Mặt khác, mục tiêu ban đầu xây dựng công trình văn hóa tâm linh, song dự án nào của doanh nghiệp cũng đi kèm với khách sạn, nhà hàng, sân golf, biệt thự nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thậm chí cả casino nữa. Ngay cả khi các hạng mục của dự án chưa hoàn thành, doanh nghiệp đã quảng cáo thu hút khách du lịch đến thu tiền khách tham quan. Ví dụ, năm 2004, Tập đoàn Xuân Trường khởi công xây dựng khu du lịch Tràng An - Bái Đính (Ninh Bình) trên diện tích 1.800ha với 20 hạng mục. Tuy nhiên, đến cuối năm 2018, chùa Bái Đính mới chỉ hoàn thiện được khoảng 10 hạng mục. Tới nay, tất cả dự án này đều chưa được tổ chức kiểm toán xác định rõ tổng mức đầu tư, từ đó phân định rõ quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ

trong quản lý. Trên thực tế, với cương vị nhà đầu tư, việc tối đa hóa hiệu quả dự án là cần thiết. Cho nên, việc xây dựng thêm các dịch vụ hỗ trợ có thể hiểu được. Tuy nhiên, những người dân đến tham quan, ăn uống, nghỉ ngơi không thể không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực. Do đó, những hoạt động đầu tư ấy có lợi ích cho xã hội hay mang lại gánh nặng cho xã hội là vấn đề cần xem xét cẩn trọng, tránh tình trạng doanh nghiệp lợi dụng biến tướng đi ý nghĩa thực sự của một quần thể du lịch tâm linh như luận chứng ban đầu.

### **3.2.2. Một số mô hình bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam**

Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Chương trình Phối hợp phát huy vai trò các tôn giáo tham gia BVMT và UPVBĐKH của UBTWMTTQVN khẳng định: “Các tôn giáo có nhiều mô hình phối hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương và từng tôn giáo, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần tạo được sự chuyển biến mạnh về nhận thức và làm thay đổi thái độ, hành vi, thói quen của các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, đồng bào các tôn giáo và người dân ở cộng đồng trong BVMT và UPVBĐKH” [170, tr.17]. Về phía Phật giáo, Giáo hội không chỉ chủ động tổ chức thực hiện các mô hình điểm BVMT và UPVBĐKH, mà còn tham gia cùng các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng các mô hình mới phù hợp với đòi hỏi bức thiết của đời sống đương đại.

#### ***- Nhóm mô hình bảo vệ môi trường do Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thực hiện***

*Mô hình chùa Pháp Vân (quận Hoàng Mai, Hà Nội):* Ý thức được vai trò, trách nhiệm là một mô hình điểm tham gia BVMT và UPVBĐKH ở khu vực phía Bắc, trong năm 2016, chùa Pháp Vân đã tập trung nguồn nhân lực, thành lập được 03 câu lạc bộ chuyên hoạt động BVMT và tuyên truyền thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong quần chúng tín đồ (CLB An Lạc, CLB Môi trường xanh, CLB Pháp Vân xanh). Các câu lạc bộ được tổ chức, hoạt động chuyên nghiệp, chuyên biệt, nề nếp, thu hút được nhiều thành phần khác nhau trong xã hội tham gia. Theo Thượng tọa Thích Thanh Huân, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN: “Riêng năm 2016, chùa Pháp Vân đã tổ chức



12 buổi truyền thông, thuyết giảng cho hơn 3.000 Phật tử và người dân về BVMT và UPVBĐKH, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, chùa còn liên kết với các trường học, đoàn thanh niên thường xuyên truyền thông các chủ đề về môi trường, BVMT cho các đạo tràng Phật tử sinh hoạt tại chùa, tham gia vệ sinh những nơi công cộng như công viên, bệnh viện, bến xe, trường học”. Bên cạnh đó, chùa Pháp Vân phối hợp với chính quyền, UBMTTQVN và các đoàn thể phường Hoàng Liệt tổ chức 5 chiến dịch xanh - sạch - đẹp phát động phong trào thu gom, phân loại, xử lý rác thải, trồng cây xanh, truyền thông cho Phật tử và nhân dân trong vùng nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT, nói không với thực phẩm bẩn. Mỗi chiến dịch có từ 50 đến 100 Phật tử và nhân dân tham gia hưởng ứng là những con số biết nói cho hiệu quả mô hình ở chùa Pháp Vân đã làm được.

*Mô hình chùa Pháp Bảo (quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh):* Đây là mô hình điểm của Phật giáo tham gia BVMT và UPVBĐKH tại khu vực miền Nam. Chùa Pháp Bảo đã thực hiện các chương trình tập huấn nâng cao nhận thức về BVMT và UPVBĐKH cho các tình nguyện viên và Phật tử của chùa và Ban Điều hành khu phố trên địa bàn quận Gò Vấp tham gia hoạt động của mô hình. Xuất phát từ một nhóm nhỏ hoạt động được chùa Pháp Bảo hỗ trợ cho một phòng nơi Đại đức Thích Đồng Nguyên và các tình nguyện viên tư vấn những người đang có bệnh tật, HIV/AIDS trầm trọng, đau khổ cùng cực trong cuộc sống. Ngoài ra, Phòng Tham vấn và Hỗ trợ Cộng đồng Pháp Bảo chăm lo hỗ trợ trên các bệnh nhân nghèo khó khăn.

Để có kinh phí cho các hoạt động truyền thông chăm sóc của Trung tâm Pháp Bảo, Đại đức Thích Đồng Nguyên chia sẻ: “Chùa đã vận động kinh phí từ các nhà hảo tâm, Phật tử, tình nguyện viên để tổ chức các hoạt động tiêu biểu như chương trình thấp nển cầu nguyện diễn ra đồng loạt một số các tỉnh thành năm 2011, tặng quà cho người có HIV, v.v... Từ hoạt động phòng chống HIV/AIDS, Phòng Tham vấn Truyền thông hỗ trợ cộng đồng Pháp Bảo phát triển mở rộng thêm các hoạt động về ứng phó biến đổi khí hậu”.

Giai đoạn 2012- 2013, Trung tâm Pháp Bảo nhận tài trợ từ tổ chức Bắc Âu thông qua Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh về nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu cho các tổ chức tôn giáo trên địa bàn. Do địa bàn can thiệp là các quận ven của TP. Hồ Chí Minh (Gò Vấp, Củ Chi, Hóc Môn và Quận 12), nơi có đông dân nhập cư, mức sống thấp, điều kiện và môi trường sống chưa đảm bảo, tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình trạng xử lý nước thải tại khu giết mổ gia súc An Nhơn thuộc phường 15 quận Gò Vấp với mỗi ngày giết mổ hàng ngàn tấn thịt heo khiến tình trạng ô nhiễm môi trường trầm trọng, tình trạng viêm hô hấp do ô nhiễm môi trường khói bụi, sốt xuất huyết mỗi đợt mùa mưa về khiến Trung tâm Pháp Bảo trăn trở. Trong giai đoạn đầu, các hoạt động của Trung tâm hướng đến việc liên kết để lớn mạnh, bao gồm:

- Vận động phát triển nhân sự: Là tổ chức xuất phát từ Phật giáo, nên nguồn lực vận động đầu tiên Pháp Bảo hướng đến là vận động nhân sự tại các chùa trên địa bàn tham gia. Ngoài ra, Pháp Bảo còn tập hợp GDPT, tình nguyện viên các nhóm dựa vào cộng đồng. Kết quả đã có một số chùa đóng trên địa bàn quận Gò Vấp, huyện Hóc Môn và gia đình phật tử và tình nguyện viên tham gia.
- Liên kết với Mặt trận Tổ quốc, Hội Thanh niên, Hội Phụ nữ, UBND phường 16, quận Gò Vấp, Trung tâm Y tế Dự phòng quận Gò Vấp, Ủy ban Phòng chống AIDS Thành phố để củng cố lực lượng, thí điểm các can thiệp ứng phó biến đổi khí hậu.
- Nâng cao nhận thức cho cán bộ các đơn vị phối hợp như MTTQ, Hội Thanh niên, cán bộ UBND cấp xã phường về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu: 3 lớp tập huấn với 75 người tham dự.
- Tổ chức 2 hội thảo về biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho các cơ sở tôn giáo, các ban ngành đoàn thể, các GDPT, các CLB thiện nguyện với 100 người tham gia

- Tổ chức 6 hoạt động truyền thông cộng đồng về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu: “Thích ứng và sống chung với việc xâm lấn triều cường của các khu vực gần sông/ kênh/ rạch vào nguồn nước sạch”, “Truyền thông vận động người dân sử dụng nguồn nước thủy cục”, “Truyền thông vận động người dân sử dụng bao cát kê chặn ngăn triều cường xâm lấn”... với sự tham gia 2.000 người dân.

- Biên soạn tờ rơi truyền thông về tác hại của túi nilon, hướng dẫn người dân sử dụng túi thân thiện môi trường, được Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh cho phép xuất bản lưu hành rộng rãi.

Năm 2014, do có tư cách pháp nhân, các hoạt động của Trung tâm Pháp Bảo ngày càng được củng cố, phát triển và mở rộng dựa trên việc ký kết liên tịch với MTTQ quận Gò Vấp, Hội LHTN, các trường cao đẳng, đại học, khoa tham vấn hỗ trợ cộng đồng thuộc Trung tâm Y tế Dự phòng các quận giúp định hướng dài hơi và các can thiệp mang tính kế hoạch, đồng bộ. Trung tâm Pháp Bảo vinh dự tham gia mạng lưới UPVBDKH Việt Nam. Những thuận lợi trên giúp Trung tâm Pháp Bảo củng cố phát triển nhân lực mạnh mẽ hơn với các tổ chức xã hội/tôn giáo: Trung tâm Life, Ban Trị sự Phật giáo, các GDPT, các CLB nhân sinh, hoa linh thoại, tình nguyện viên để các hoạt động và các hoạt động can thiệp có quy mô lớn hơn:

Tổ chức 2 chiến dịch truyền thông, 2 hội thi tìm hiểu kiến thức về biến đổi khí hậu với sự tham gia của hàng ngàn người dân.

- Mô hình "Ve chai" trên nhóm thanh niên và Gia đình Phật tử thu hút sự tham gia của trên 500 thanh niên tham gia làm tình nguyện viên, được thực hiện định kỳ hằng quý từ năm 2014 đến nay.

- Mô hình "Truyền thông túi nilon" bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng túi nilon tại 6 chợ trên địa bàn quận Gò Vấp. Chiến dịch đổi rác thải công nghiệp (ve chai) lấy túi thân thiện môi trường được thực hiện định kỳ hằng 6 tháng.

- Tổ chức 2 hội thảo về biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho các cơ sở tôn giáo, các ban ngành đoàn thể, các Gia đình Phật tử, các câu lạc bộ thiện nguyện với sự tham gia của 150 đại biểu.
- Kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai với các tổ chức như Trung tâm Hải Đức, Change, Caritas Hải Phòng,...
- Tiếp tục tái bản tờ rơi truyền thông về bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng túi nilon.
- Biên soạn tờ rơi truyền thông về biến đổi khí hậu, được Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh cho phép lưu hành vào ngày 6/6/2014.

Năm 2015, Trung tâm Pháp Bảo tiếp tục mở rộng hoạt động vận động liên kết trên tinh thần phát triển cùng cộng đồng để cung cấp các dịch vụ can thiệp đa dạng: lồng ghép vận động UPVBĐKH với việc chăm lo cuộc sống người dân nghèo dựa trên lồng ghép, sử dụng nguồn lực hợp lý và huy động nguồn lực từ cộng đồng để can thiệp và chăm lo cho cộng đồng:

- Mô hình "nhóm cứu trợ" (thành lập năm 2015) nhằm gây quỹ và hỗ trợ các hoạt động với 5 người trong Ban Điều hành và hơn 20 thành viên, cộng tác viên là Phật tử tham gia
- Tập huấn 1 lớp nâng cao kiến thức về sử dụng nguồn năng lượng mặt trời để thay thế với sự tham gia của 100 thành viên cộng đồng là nòng cốt trong các nhóm tình nguyện, Gia đình Phật tử, từ các nhóm này sẽ lan tỏa thông tin đến cộng đồng.
- Tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ các mô hình sinh kế bền vững: trung bình mỗi tháng có 30 cuộc tư vấn. Phát triển ngân hàng xe nước mía lưu động, giúp được 10 người nghèo nhằm giảm gánh nặng bệnh tật từ đó truyền thông về bảo vệ môi trường sống dễ dàng hơn.
- Mô hình thu gom ve chai, trong năm 2014, Trung tâm kết hợp hỗ trợ với Quận đoàn Gò Vấp, Gia đình Phật tử thành lập 6 nhóm. Song song đó, Trung tâm đã hỗ trợ vật dụng để thu gom ve chai và nguồn thu từ

việc này quay lại hỗ trợ học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn. Qua sự thành công của 8 nhóm ban đầu, đến năm 2015, Trung tâm cùng với Hội Thanh niên Quận Gò Vấp thành lập thêm 9 nhóm, tính đến thời điểm hiện nay tổng cộng có 18 nhóm được thành lập và đã đi vào hoạt động

- Kế hoạch là sử dụng năng lượng tái tạo, ứng phó biến đổi khí hậu với chương trình tài trợ máy nước nóng năng lượng mặt trời cho các nhà mở, mái ấm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Qua khảo sát tại 20 mái ấm, nhà mở, Trung tâm chọn ra được 13 đơn vị đủ tiêu chuẩn nhận hỗ trợ máy nước nóng năng lượng mặt trời. Mái ấm Minh Tâm (Quận 12) hiện đang nuôi dạy 34 em, nhỏ nhất là 4 tháng tuổi, lớn nhất đang học đại học.
- Với Trường khuyết tật Hy Vọng (quận Bình Thạnh), hiện đang dạy văn hóa cho trẻ khiếm thính và phục hồi chức năng nghe, hướng nghiệp và dạy nghề cho 126 trẻ.

*Mô hình điểm của chùa Hải Đức (TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên-Huế):* Tiền thân của Trung tâm Hỗ trợ Cộng đồng Hải Đức của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế là Chương trình Đáp ứng của tôn giáo đối với đại dịch HIV/AIDS do chính phủ Việt Nam phát động và do tổ chức NCA tài trợ. Trước vấn nạn biến đổi khí hậu toàn cầu trở nên cấp bách, dưới sự chỉ đạo của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, sự hỗ trợ của UBMTTQ tỉnh và sự tài trợ của Cơ quan đại diện của Tổ chức Trợ giúp Nhà thờ Na Uy (Norwegian Church Aid/ NCA) - một tổ chức phi chính phủ (NGO) quốc tế, nhằm phát huy vai trò của các tôn giáo Việt Nam trong hoạt động BVMT. Trung tâm Hỗ trợ Cộng đồng Hải Đức đã được thành lập vào năm 2013 với sự cho phép của UBND tỉnh Thừa Thiên- Huế qua sự phê chuẩn của Sở Khoa học Công nghệ và Liên hiệp Các hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh. Khung hoạt động của Trung tâm Hải Đức gồm 3 mảng lớn: biến đổi khí hậu, y tế cộng đồng và an sinh xã hội.

Mặc dù phạm vi hoạt động của ba mảng này độc lập nhau nhưng có mối quan hệ hữu cơ với nhau: tất cả đều nhắm đến sứ mệnh vì an lạc và hạnh

phúc của cộng đồng. Đối với mảng hoạt động liên quan đến BVMT, giảm thiểu rủi ro thiên tai do biến đổi khí hậu, với chủ trương "cho cần câu chứ không cho con cá", và lấy cộng đồng làm trung tâm, Trung tâm Hải Đức đã và đang thực hiện chương trình "Xây dựng năng lực cộng đồng nhằm giảm tình trạng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu và các vấn đề sức khỏe liên quan đến biến đổi khí hậu". Ở chương trình này, Trung tâm Hải Đức có 3 mô hình thực tiễn gồm: mô hình truyền thông nâng cao kiến thức và kỹ năng BVMT, ứng phó với những rủi ro thiên tai và nhân tai; mô hình dạy bơi cho trẻ; mô hình các đội ứng cứu khẩn cấp. Trong đó, mô hình truyền thông nâng cao kiến thức và kỹ năng BVMT, ứng phó với những rủi ro do thiên tai và nhân tai đã truyền thông và tập huấn cho cộng đồng về biến đổi khí hậu, những tác nhân gây hại thiên nhiên và xã hội, phương cách tự cứu và giúp người khi rủi ro xảy ra. Đặc biệt, Trung tâm Hải Đức hướng tới xây dựng mô hình Vườn Rau Thiền nhằm giáo dục cộng đồng biết cách trồng rau sạch, trân trọng thiên nhiên và biết yêu thương đồng loại.

Với các mô hình hoạt động cụ thể này, Trung tâm Hải Đức được UBTWMTTQVN, BTNMT đánh giá rất cao và chọn làm mô hình điểm của Chương trình tôn giáo tham gia BVMT. Trung tâm cũng được UBMTTQ tỉnh cũng như Liên hiệp Các hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên-Huế tán thưởng và được tổ chức NCA hết lòng ủng hộ.

*Mô hình điểm của Liên tông Tịnh độ Non bồng (tỉnh Đồng Nai):* Trồng rừng BVMT là một trong những chương trình hành động của Phật giáo Việt Nam. Hưởng ứng và thực thi chương trình hoạt động này, Tăng ni, Phật tử nhiều tông môn, pháp phái tích cực trồng rừng BVMT. Liên tông Tịnh độ Non bồng là một ví dụ tiêu biểu. Ni trưởng Huệ Giác, Viện chủ Tu viện Quan Âm (một cơ sở tiêu biểu của Liên tông Tịnh độ Non bồng) cho biết, từ năm 1982, Tu viện tiếp nhận 150 ha đất trồng rừng theo giao ước tự trồng, tự hưởng. Tiếp đó, theo tinh thần Nghị quyết kỳ II GHPGVN về việc phát huy tự túc kinh tế nhà chùa và hưởng ứng lời kêu gọi của UBND tỉnh Đồng Nai, Hòa

thượng Thích Thiện Phước phát động toàn thể Tăng ni trong Liên tông Tịnh độ Non bông trồng cây gây rừng, mỗi người trồng ít nhất 100 cây (tràm, điều, sao...). Sau 2 năm, cây xanh đã mọc lên trên mặt rừng khô cằn. Nhận thấy hiệu quả phong trào này, Cục Kiểm lâm tỉnh Đồng Nai tiếp tục giao thêm đất rừng cho Tu viện Quan Âm quản lý.

Hiện nay, Tăng ni và Phật tử của Liên tông Tịnh độ Non bông đang mở rộng trồng rừng, phủ xanh đồi đất hoang vu hơn 1.000 ha ở các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Thuận. Khu rừng của tỉnh Đồng Nai mà Tăng ni, Phật tử tông môn này trồng được công nhận là khu rừng điểm của địa phương. Thành công từ phong trào này được sự ghi nhận bằng số lượng giấy khen, bằng khen của chính quyền các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu trao tặng. Công tác bảo vệ rừng của các tự viện thuộc Liên tông Tịnh độ Non bông đã phát huy được hiệu quả. Các ngôi rừng điểm của tông môn này đã trở thành điểm đến của nhiều đoàn khách quốc tế từ Thụy Điển, Úc, Nhật Bản để trao đổi kinh nghiệm và học hỏi về phương thức trồng trọt và bảo vệ rừng.

*Mô hình trung dụng cơ sở thờ tự thành nơi trú ẩn của người dân trong mùa mưa bão nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai:* Từ năm 2016 đến nay, các cấp Giáo hội, chức sắc, sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer được MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền về công tác BVMT và UPVBĐKH. Từ đó các vị sư sãi Khmer tích cực tuyên truyền Phật tử thông qua các lễ hội tôn giáo, dân tộc, trong các buổi thuyết pháp, ngày giới (mùng 8, 15, 23, 30 tháng). Trong thời gian qua, các sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer rất quan tâm trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu như bão, lũ lụt, thiên tai của địa phương. Cụ thể, trong các đợt mưa bão đổ bộ vào đất liền, ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh thành Nam Bộ, cơ sở thờ tự trở thành nơi trú ẩn bảo an toàn nhất cho người dân. Với số lượng hiện có khoảng trên 500 chùa Khmer lớn nhỏ ở khu vực này, tập trung ở hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng, là hai địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống, cũng là nơi có nhiều ngôi chùa Khmer nổi tiếng. Đây là mô hình tận dụng ưu điểm từ các chùa Phật giáo

Nam tông Khmer được xây dựng rất kiên cố gồm Sala, chánh điện, rộng hàng trăm m<sup>2</sup>, đủ cho hàng trăm gia đình trú ẩn. Như chúng ta đã biết, ngôi chùa Phật giáo Nam tông có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống của đồng bào Khmer. Ngôi chùa không chỉ là một công trình tôn giáo, thể hiện tất cả tư duy, sinh hoạt tôn giáo của người Khmer, mà còn chứa đựng một kho kinh sách của Phật giáo, là nơi tiếp khách xa gần. Và trong các mùa mưa bão, sư sãi và ban quản trị các chùa vận động từng gia đình không có nhà kiên cố, khu vực sát biển đến chùa để tránh bão. Nhà chùa chùa sắp xếp nơi ăn nghỉ như mùng, mền, chiếu, gối, com, nước..., miễn phí phần nào đáp ứng an sinh xã hội để người dân yên tâm trong mùa mưa bão.

*Mô hình xây dựng hồ chứa nước mưa góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước sạch sinh hoạt cho người dân:* Từ tháng 2 đến tháng 4 hằng năm là mùa khô hạn ở khu vực Tây Nam Bộ, các sông ngòi khô hạn và nhiễm mặn ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng nước sinh hoạt của người dân. Tình trạng thiếu nước ngọt sinh hoạt cục bộ diễn ra tại nhiều tỉnh như Kiên Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Sóc Trăng khi cao điểm nước mặn xâm nhập sâu vào sông rạch. Trong đó, nghiêm trọng nhất là tỉnh Bến Tre, từ vùng đô thị đến vùng nông thôn đều bị nước mặn xâm nhập gây thiếu nước ngọt sinh hoạt kéo dài nhiều tháng. Theo thống kê, tỉnh Bến Tre hiện có khoảng 57 nghìn hộ dân, với 205 nghìn người sống xa nội đồng, bãi ngang, vùng ven biển, khu vực cù lao thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh do hết nguồn dự trữ. Trong khi đó, nguồn nước sinh hoạt tại các nhà máy nước cấp cho các đô thị trên địa bàn tỉnh và hệ thống nhà máy của Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bến Tre đã nhiễm mặn hơn 2‰. Vì thế, thời gian qua, nhiều địa phương ở khu vực này chủ yếu khai thác nước ngầm phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất. Tuy nhiên, tình trạng khai thác nước ngầm quá mức tại một số địa phương gây nguy cơ ô nhiễm, cạn kiệt và gây sụt lún địa chất. Mặc dù BTNMT đã có nhiều cảnh báo, nhưng do thiếu nước ngọt sinh hoạt, người dân vẫn khoan giếng nước ngầm nhưng chỉ có nước phèn mặn, không có



nước ngọt. Tại *Hội thảo tìm giải pháp ứng phó và giảm thiệt hại do hạn hán gây ra* tổ chức vào tháng 2/2020 ở Cà Mau đã có nhiều kiến nghị giải quyết vấn đề cấp bách cho người dân ở khu vực này. Trong đó có ý kiến của PGS.TS. Trần Bá Hoàng, Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam cho rằng, để giải quyết tình trạng thiếu nước phục vụ sinh hoạt cho người dân là hỗ trợ người dân tích trữ nước sinh hoạt. Trên thực tế, một số chùa Phật giáo Nam tông Khmer ở tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng hồ chứa nước mưa để mùa hạn nhà chùa có nước sử dụng; đồng thời hỗ trợ cho Phật tử xung quanh thiếu nước sinh hoạt có nước sử dụng. Đây là một mô hình tái sử dụng nước mưa vốn được các chùa Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực này xây dựng từ nhiều đời nay. Mô hình này cần được các chùa Khmer nhân rộng, nhằm góp phần giúp Phật tử lúc khó khăn về nguồn nước, tiết kiệm điện, giảm bớt gánh nặng về kinh tế nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, sản xuất cho đồng bào Khmer.

***- Nhóm mô hình phối hợp tham gia BVMT và UPVBĐKH giữa GHPGVN với các tổ chức xã hội***

*Mô hình bảo vệ rừng ngập mặn của cộng đồng Phật giáo ở khu vực Tây Nam Bộ:* Ở khu vực Tây Nam Bộ, cộng đồng Phật giáo có những dự án thiết thực tiêu biểu cho công tác bảo vệ rừng ngập mặn. Với diện tích tự nhiên 39.734 km<sup>2</sup>, khu vực Tây Nam Bộ từ lâu đã hình thành và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên độc đáo. Đó là hệ sinh thái rừng tràm U Minh, hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển, hệ sinh thái nông nghiệp. Tại đây có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn chim tự nhiên hấp dẫn cho du lịch sinh thái. Đặc biệt, hệ sinh thái rừng ngập mặn ở các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre có vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội, giữ cân bằng môi trường sinh thái toàn khu vực. Những năm qua, rừng ngập mặn ven biển bị suy giảm mạnh mẽ do phá rừng làm ruộng rẫy, nuôi trồng thủy sản. Trong giai đoạn 1980-1995, các tỉnh ĐBSCL đã bị mất 72.825 ha rừng, bình quân hàng năm bị mất 4.855 ha với tốc độ 5% /năm. Những năm gần

đây, công tác bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển được các tỉnh trong khu vực quan tâm thực hiện, đặc biệt là dự án trồng 5 triệu ha rừng của quốc gia và các dự án hợp tác quốc tế như: Dự án Phát triển và bảo vệ các vùng đất ngập nước ven biển tại các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh; Dự án Khu dự trữ quốc gia U Minh Thượng, Chương trình sử dụng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học đất ngập nước khu vực sông Mê Kông, v.v... Tuy nhiên, những tác động tiềm ẩn vẫn tiếp tục đe dọa hệ sinh thái rừng ngập mặn khu vực Tây Nam Bộ. Tình hình đó đòi hỏi phải có các giải pháp hữu hiệu trong quy hoạch các khu bảo tồn đất ngập nước ven biển, trong tổ chức khai thác kinh tế tài nguyên gắn liền với phát triển hệ sinh thái đặc thù này để bảo vệ và phát triển bền vững khu vực ĐBSCL.

Rừng ngập mặn ven biển cù lao Lợi Quan chủ yếu phân bố tại xã Phú Đông và xã Phú Tân thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Những năm cuối thế kỷ XX, trào lưu nuôi tôm bùng phát ở khu vực Tây Nam Bộ, nhiều diện tích rừng ngập mặn bị phá dẫn đến xói mòn bờ biển và làm các diện tích rừng ngập mặn còn lại bị xâm thực và đe dọa nhiều hơn. Tuy nhiên, dưới áp lực của phát triển kinh tế, việc phá rừng ngập mặn vẫn tiếp diễn. Do vậy, nhận thức của người dân về tầm quan trọng của rừng ngập mặn ven biển để khôi phục, bảo tồn và phát triển rừng là việc làm cấp bách và lâu dài. Đáng lưu ý, đa phần người dân ở vùng đất mới này theo Phật giáo. Hưởng ứng lời kêu gọi trong Tuyên ngôn Phật giáo về Biến đổi khí hậu (2009) do Đạt Lai Đạt Ma chủ trì, bằng uy tín và việc làm thiết thực, Ban Trị sự Phật giáo huyện Tân Phú Đông, đầu mối là hai chùa Phú Thới và Phước Hưng đã tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức và bảo tồn, phát triển rừng ngập mặn với sự tham gia đông đảo người dân. Đây là mô hình để nhân rộng ra các cộng đồng Phật giáo ở khắp khu vực này.

Trong thời gian thực hiện, 13 cuộc thuyết pháp của các nhà sư chú trọng tuyên truyền về môi trường, nhất là về rừng ngập mặn ven biển. Mặc dù thời gian triển khai ngắn, nhưng số lượng người tham gia rất lớn. Theo nhà sư

Thích Thiện Danh, trụ trì chùa Phú Thới, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Tân Phú Đông và nhà sư Thích Thiện Nhân, Trưởng ban Trị sự Phật giáo huyện Tân Phú Đông: "Những nội dung hoạt động, đặc biệt là nội dung thuyết pháp tuyên truyền Phật giáo gắn liền với môi trường, với rừng ngập mặn ven biển của dự án cộng đồng Phật giáo tham gia bảo tồn, phát triển rừng ngập mặn ven biển cù lao Lợi Quan, tỉnh Tiền Giang (SGF-07) đến với cộng đồng Phật tử là điều rất mới mẻ và có ý nghĩa". Bên cạnh đó, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh còn phối hợp với Sở Giáo dục và Đạo tạo tỉnh Tiền Giang và Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh tổ chức cuộc thi vẽ tranh về rừng ngập mặn ven biển dành cho học sinh tiểu học trên địa bàn. Với hơn 600 tác phẩm dự thi và 20 tác phẩm xuất sắc nhất được trao giải đã khẳng định sức hút đối với chủ đề này. Cuộc thi đã tạo ra hiệu ứng tích cực trong việc nâng cao nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của rừng ngập mặn quê hương. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn, phát triển rừng ngập mặn ven biển bằng cách tuyên truyền trực tiếp, nhiều sự kiện ngoài trời và trồng rừng ngập mặn ven biển được tổ chức tại xã Phú Đông và bãi biển Cồn Cống (xã Phú Tân). Sự kiện này thu hút sự quan tâm của chính quyền địa phương, các đoàn thể, đại diện ngành tài nguyên và môi trường tỉnh, huyện, các học sinh, đặc biệt có sự tham gia của đại diện Chương trình rừng ngập mặn cho tương lai (MFF), đây là sáng kiến hoạt động trên cơ sở đối tác nhằm đẩy mạnh đầu tư vào các hệ sinh thái ven biển ([www.mangrovesforthefuture.org](http://www.mangrovesforthefuture.org)). Nhằm tuyên truyền sâu rộng về bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, hơn 500 cuốn sách mỏng và 5.000 tờ rơi được biên tập phát tận tay Phật tử và người dân tham dự sự kiện. Bên cạnh đó, dự án đã trang bị tủ sách và trên 200 đầu sách báo, tạp chí liên quan đến Phật giáo và môi trường, rừng biển. MFF Việt Nam trực tiếp tặng một số sách báo, tạp chí để làm phong phú thêm cho tủ sách được trang bị tại chùa.

Về phía nhà chùa, hai nhóm bảo vệ rừng ngập mặn được thành lập với 40 thành viên, trong đó là Phật tử và người dân hai xã Phú Đông và Phú Tân là thành viên chủ yếu. Quy chế hoạt động được xây dựng và thông qua bài bản tạo điều kiện cho các nhóm hoạt động. Để giúp hoạt động hiệu quả, Ban Quản lý dự án SGF-07 đã tổ chức cho các nhóm tập huấn, học hỏi kinh nghiệm công tác bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giò (TP. Hồ Chí Minh). Cần nói thêm, cơ hội này còn thu hút sự tham gia của lãnh đạo hai xã, các cơ quan chuyên môn và một số doanh nghiệp quan tâm đến công tác môi trường của địa phương. Các đại biểu được khảo sát thực tế và giao lưu với những nông dân tiêu biểu do Rừng Phòng hộ huyện Cần Giò giới thiệu. Rõ ràng, kết quả các hoạt động nêu trên góp phần cho mục tiêu nâng cao nhận thức của Phật tử và người dân hai xã Phú Đông và Phú Tân thuộc cù lao Lợi Quan, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang về vai trò của rừng ngập mặn ven biển để mỗi cá nhân có những hành động phù hợp.

*Mô hình vệ sinh cảnh quan tự viện, hạn chế đốt hương khi lễ Phật, tạo môi trường xanh sạch đẹp tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam (thành phố Cần Thơ):* Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam đã xây dựng lò đốt rác, bếp ăn không khói, lắp đặt hệ thống sản xuất nước sạch đóng chai, xây dựng khu vực vệ sinh sạch sẽ dành cho khách tham quan lễ Phật, trang bị các thùng chứa rác tại khuôn viên, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên, đặt biển hiệu “Mỗi người thành tâm lễ Phật chỉ một nén hương” ở các ban thờ nên hạn chế được khói hương, đặt biển hiệu nêu rõ quy định về xây dựng cơ sở tôn giáo văn hóa văn minh, v.v...

*Một số mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, BVMT ở tỉnh Bắc Ninh:* Ở tỉnh Bắc Ninh, một địa phương có khá đông người dân theo Phật giáo được ghi nhận kết quả trong hoạt động BVMT qua việc xây dựng một số mô hình BVMT nơi công cộng nổi bật. Đây là kết quả sự phối hợp giữa Hội Phụ nữ tỉnh Bắc Ninh với phụ nữ các tôn giáo chung tay BVMT góp phần xây

dựng nông thôn mới. Hội đã xây dựng các mô hình nổi bật thu hút sự tham gia của đông đảo phụ nữ Phật giáo. Các mô hình đều nhận được sự đồng thuận và hưởng ứng tích cực của các hội viên và cộng đồng, có khả năng nhân rộng cho các địa phương khác.

Mô hình “Đoạn đường phụ nữ tự quản” với 897 đoạn đường tự quản, trong đó có 275 đoạn đường gắn biển được triển khai tại 100% cơ sở Hội. Mô hình ngày càng duy trì hoạt động ổn định, vận động hội viên phụ nữ và gia đình thực hiện tốt nội dung cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động xây dựng “gia đình 5 không, 3 sạch”, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp, giảm thiểu ô nhiễm, góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe cho hội viên phụ nữ và người dân trên địa bàn.

Mô hình “Tổ phụ nữ thu gom rác thải” với 507 tổ phụ nữ thu gom rác thải rác thải trong các thôn xã; đưa ra mức phí gom rác thải đối với các hộ dân địa phương phù hợp theo từng thời điểm. Các tổ thu gom rác thải đều được trang bị xe chuyên chở, các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, khẩu trang, chổi xẻng. Mỗi thôn xây dựng 01 điểm tập kết, xe trung chuyển rác thải để các tổ thu gom, tập kết rác.

Mô hình “Tổ phụ nữ thu gom, phân loại rác thải tại hộ gia đình” được thực hiện từ đầu năm 2014 tại 4 cơ sở, đã vận động 530 hộ gia đình sử dụng 2 xô đựng rác do chính quyền hỗ trợ, phân loại rác thải hằng ngày ngay tại hộ gia đình.

Mô hình “Phụ nữ đi chợ bằng làn, chung tay bảo vệ môi trường” tại Hội Phụ nữ huyện Gia Bình, huyện Quế Võ và TP. Bắc Ninh. Mục tiêu của mô hình là vận động hội viên phụ nữ đi chợ bằng làn, hạn chế sử dụng túi nilon để đựng thực phẩm nhằm chung tay BVMT. Ở những đơn vị triển khai mô hình, hội viên phụ nữ có ý thức hạn chế sử dụng túi nilon, nên lượng túi nilon sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày giảm đáng kể.

Mô hình “Mái nhà xanh” triển khai năm 2014 tại hai phường Đình Bảng và Đông Ngàn, sau đó được nhân rộng ở 12/12 xã, phường trong thị xã

Từ Sơn. Mục tiêu của mô hình nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, cải thiện chất lượng và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe nhân dân; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, hội viên và phụ nữ Phật giáo trong việc cải thiện chất lượng môi trường sống ở các làng nghề. Mô hình còn giúp phòng ngừa và kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường, xây dựng môi trường xanh sạch đẹp.

Việc thực hiện mô hình BVMT tự nhiên, mô hình BVMT nơi công cộng góp phần phát huy vai trò, trách nhiệm của các tôn giáo trong tham gia BVMT và UPVBĐKH ở tỉnh Bắc Ninh. Các tổ chức tôn giáo, đa số nhân dân đã nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, vai trò và thể hiện trách nhiệm chung trong công tác BVMT và UPVBĐKH bằng những hành động thiết thực đem lại hiệu quả cao. Do vậy, các mô hình điểm nêu trên được nhân rộng đến cơ sở thờ tự của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn.

*Mô hình xử lý rơm rạ làm phân hữu cơ cung cấp chất dinh dưỡng cho đất đai tại cơ sở Phật giáo:* Ở nhiều huyện ngoại thành Hà Nội gần đây, tình trạng đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp ngoài cánh đồng rất phổ biến trong mùa thu hoạch. Việc làm này gây ra hiện tượng mù khói, ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân, hạn chế tầm nhìn khi tham gia giao thông, nhất là trong những ngày thời tiết diễn biến phức tạp. Việc khối lượng rơm rạ lớn trong cùng thời điểm bị đốt, cùng với việc số lượng cao ồ ạt hơn so với các địa phương khác, nên ở Hà Nội, sự lưu thông khí kém hơn, trong khi mức độ ô nhiễm không khí lại cao hơn do khí thải độc hại từ động cơ và khu công nghiệp không thoát lên cao mà tập trung dưới mặt đất, dễ gây ra hiện tượng mù quang hóa.

Trước tình hình đó, UBND Thành phố Hà Nội đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan phối hợp với các quận, huyện, thị xã định kỳ trước và trong thời gian thu hoạch lúa đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức trách nhiệm, hạn chế đốt rơm rạ. Mô hình xử lý rơm rạ bằng chế phẩm sinh học làm phân hữu cơ cung cấp chất dinh dưỡng cho đất tại các cơ sở thờ

tự trên địa bàn huyện Đông Anh và huyện Đan Phượng được triển khai. Cụ thể, Ban Trị sự Phật giáo huyện Đông Anh đã tổ chức các buổi tuyên truyền cho Phật tử và người dân về tác hại của việc đốt rơm rạ tại chùa Đào Thục. Cùng với sự tham gia tích cực của các nhà sư trên địa bàn, các hộ nông dân được hỗ trợ các chế phẩm sinh học, tập huấn để xử lý rơm rạ thành phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất. Điều này góp phần thay đổi nhận thức của các hộ nông dân trong việc nói không với đốt rơm rạ sau mùa thu hoạch.

*Mô hình hạn chế vứt bỏ vỏ hộp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi ra môi trường sau khi sử dụng:* Chùa Trung Hậu nằm trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Các tăng sĩ và Phật tử ngôi chùa này luôn xác định vai trò quan trọng của môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống của con người. Việc ngược đãi với thiên nhiên đồng nghĩa với hủy hoại môi trường sống của con người. Do vậy, những năm gần đây, chùa Trung Hậu có nhiều hoạt động góp phần BVMT như trồng cây xanh giúp tạo cảnh quan không gian xanh bao quanh chùa; xây dựng các điểm vệ sinh và lắp đặt hệ thống các thùng rác phục vụ Phật tử, nhân dân đến chiêm bái và tham dự các nghi lễ do chùa tổ chức.

Huyện Mê Linh đang chú trọng chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, từng có rất nhiều vỏ hộp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng bị quăng bỏ bừa bãi gây ảnh hưởng vệ sinh công cộng và môi trường sống. Trước thực tế đó, Thượng tọa Thích Chiếu Tạng, trụ trì chùa Trung Hậu, đã phối hợp với chính quyền địa phương lắp đặt 30 thùng đựng rác để Phật tử và nhân dân địa phương bỏ vỏ thuốc trừ sâu tập trung để xử lý theo quy trình. Sau khi Thượng tọa tuyên truyền với Phật tử và nhân dân bằng nhiều hình thức, đặc biệt qua nội dung các bài giảng pháp, khoảng 90% lượng vỏ bao bì thuốc trừ sâu sau khi sử dụng đã được Phật tử và người dân bỏ vào thùng rác, góp phần tạo môi trường trên địa bàn thêm sạch sẽ.

*Mô hình hạn chế sử dụng bếp than tổ ong làm giảm ô nhiễm không khí*

*ở đô thị:* Ô nhiễm không khí đang là vấn đề nan giải cho các đô thị lớn ở nước ta hiện nay. Tình trạng mật độ phương tiện giao thông tăng cao, chất thải ô nhiễm xả ra từ các khu công nghiệp cùng hàng ngàn công trình xây dựng đã biến nhiều đô thị thành những đại công trường như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Hà Nội hiện còn nhiều hộ gia đình đang dùng bếp than tổ ong, một trong những nguồn gây ô nhiễm không khí. Chi phí khá rẻ, đun nấu tiện lợi, nhưng than tổ ong có nhiều nguy hại đối với sức khỏe người sử dụng và môi trường không khí. Theo số liệu của Chi cục Bảo vệ Môi trường, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, mỗi ngày người dân thủ đô tiêu thụ hơn 528 tấn than tổ ong. Không khí Hà Nội vốn đã ô nhiễm bởi khí thải từ phương tiện giao thông, bụi bặm công trường, lại được bổ sung 1.870 tấn khí thải CO<sup>2</sup> từ 55.000 bếp than tổ ong [156; tr 1]. Đặc biệt, hơn 60% số bếp than tổ ong tập trung ở khu vực nội thành, nơi không gian ngày càng chật hẹp, nhất là các quận Ba Đình, Đống Đa. Sử dụng bếp than chủ yếu là các hộ kinh doanh ăn uống và những gia đình điều kiện kinh tế không dư giả. Mặc dù nhận thức được tác hại cho sức khỏe, nhưng do tiết kiệm được gần 70% chi phí so với sử dụng bếp điện hay bếp ga, cho nên bếp than tổ ong vẫn là sự ưu tiên trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày mà nhiều người dân thủ đô sử dụng.

Trước tình hình ô nhiễm kéo dài, Hà Nội đã đưa ra các chương trình để giải quyết và hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm và cải thiện chất lượng không khí. Trong đó, mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn bếp than tổ ong vào năm 2020 là nhiệm vụ quan trọng. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với MTTQ Thành phố Hà Nội và các cơ sở tôn giáo trên địa bàn thủ đô thực hiện cuộc vận động người dân thay đổi thói quen sử dụng bếp than tổ ong. Quận Ba Đình và quận Hoàn Kiếm được chính quyền thành phố Hà Nội lựa chọn làm thí điểm mô hình “sử dụng bếp cải tiến thay thế bếp than tổ ong” với sự tài trợ của tổ chức Phát triển Hà Lan. Trước khi triển khai mô hình thí điểm, trên địa bàn phường Trúc Bạch, quận Ba Đình có 150 gia đình sử dụng bếp than tổ



ong. Thượng tọa Thích Tâm Hoan, Trưởng ban Trị sự Phật giáo quận Ba Đình đã cùng với chính quyền tổ chức phổ biến kiến thức về tác hại của bếp than tổ ong cho Phật tử và người dân trên địa bàn tại chùa Hòe Nhai. Trong buổi phát động, mô hình bếp cải tiến thay thế bếp than tổ ong được giới thiệu cho người dân sống trên địa bàn. Bếp cải tiến được làm bằng inox nên sạch sẽ hơn, nhiên liệu được bán kèm là vật liệu cháy được ép. Các hộ dân được dùng thử các loại bếp cải tiến và được ưu đãi tối đa đến một nửa kinh phí khi mua bếp cải tiến. Sau một thời gian thí điểm, bếp cải tiến thể hiện rõ ưu điểm về giá thành so sử dụng bếp ga hoặc bếp điện. Khi đun nấu, vật liệu này thải ra môi trường ít khí độc hại hơn bếp than tổ ong. Tuy nhiên, bếp cải tiến vẫn có một số nhược điểm do chi phí vật liệu sử dụng cao, cũng như thói quen sử dụng của người dân. Để có thể thay thế bếp than tổ ong một cách bền vững, cùng với việc nâng cao nhận thức của người dân, thì việc chung tay của giới Phật giáo trong vận động tuyên truyền và sự hỗ trợ về kỹ thuật, kinh phí để người dân thấy được hiệu quả kinh tế của các loại bếp cải tiến là hết sức quan trọng.

*Mô hình tang ma văn minh, tiến bộ:* Ngày 12/1/1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 27-CT/TW về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tiếp đó là Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ và một loạt các quy chế, quy định, quy ước của các cấp, các ngành, các địa phương để tìm giải pháp cho cuộc chiến chống lại các hủ tục. Tuy nhiên, nhiều hủ tục vẫn tồn tại và len lỏi vào trong đời sống hằng ngày khó phá vỡ. Cuộc vận động tang ma văn minh là một trong những việc làm thiết thực mà các tu sĩ Phật giáo thực hiện góp phần BVMT thời gian qua. Trong năm 2017, Ban Trị sự Phật giáo huyện Đông Anh đã tổ chức hơn 200 buổi tọa đàm về thực hiện tang văn minh, trong đó hơn 100 cuộc tọa đàm do các tăng sĩ làm phát ngôn viên. Trên cơ sở giáo lý nhà Phật, các bài thuyết giảng cung cấp kiến thức về đạo và đời giúp Phật tử và người dân có cái nhìn tổng quát và khách quan về việc thực hiện “tang ma văn minh hỏa táng”.

Ni sư Thích Minh Thịnh, trụ trì chùa Diên Phúc, nguyên Trưởng ban Trị sự Phật giáo huyện Đông Anh, là một trong những tấm gương tiêu biểu thể hiện vai trò của các chức sắc Phật giáo trong quá trình vận động người dân thực hiện tang ma văn minh. Từ năm 2017, Ni sư đã thực hiện vai trò phát ngôn viên tại nhiều xã trên địa bàn huyện Đông Anh như Kim Chung, Hải Bối, Mai Lâm, Đông Hội, Dục Tú, Võng La, Cổ Loa. Các buổi tọa đàm thường diễn ra 2-3 tiếng, với sự tham dự của đại diện Đảng ủy, UBND và các ban ngành của xã, đại diện Hội Người cao tuổi, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, đại diện những hộ kinh doanh trên địa bàn. Vì hội trường có giới hạn, nên các buổi tọa đàm thường xuyên được truyền trực tiếp trên loa phát thanh đến các thôn để mọi người dù đang làm việc ngoài đồng hay đang buôn bán vẫn đón nhận được thông tin. Riêng xã Đại Mạch, đặc thù có cả Công giáo lẫn Phật giáo, nên trong quá trình tuyên truyền, Ni sư khá linh hoạt tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa các tôn giáo. Ngoài ra, chính quyền xã đã thu âm lại nội dung bài giảng của Ni sư để phát thanh hằng tuần. Kết quả là, tỷ lệ hỏa táng của người qua đời trên địa bàn các xã sau khi được tuyên truyền có sự tiến bộ rõ rệt, với khoảng 80-90%.

Tại các buổi tuyên truyền, Ni sư Thích Minh Thịnh thông tin về tình hình thực hiện tang ma văn minh trên địa bàn Hà Nội nói chung và các xã trên địa bàn huyện Đông Anh nói riêng nhằm cung cấp cái nhìn tổng quan cho Phật tử và người dân về một thói quen còn mới mẻ; cung cấp căn cứ khoa học của việc chuyển hình thức mai táng truyền thống (thổ táng, thủy táng,...) sang hình thức hỏa táng. Qua các bài thuyết giảng của mình, Ni sư giúp cho Phật tử và người dân nhận thức được hỏa táng là một hình thức mai táng mang tính khoa học cao. Việc thực hành phương thức hỏa táng này không những không ảnh hưởng gì đến sự linh thiêng của người qua đời mà còn mang lại cho những người đang sống nhiều lợi ích: tiết kiệm thời gian và chi phí, không tốn tiền bạc và công sức cải táng, giảm chi phí xây dựng, bảo quản và thăm viếng mồ mả cho người thân; tiết kiệm đất đai trong điều kiện tốc độ đô thị hóa như

vũ bão hiện nay; tiết kiệm được gỗ làm quan tài dùng cho địa táng, gián tiếp bảo vệ tài nguyên rừng đang bị suy giảm nghiêm trọng; đảm bảo vệ sinh nguồn nước cho người sinh sống vì dưới nhiệt độ cao vi khuẩn đã bị tiêu diệt hoàn toàn, từ đó không còn mầm bệnh lây lan ra môi trường hay ngấm sâu vào đất, phát sinh vào nguồn nước, v.v... Trong quá trình thuyết giảng, Ni sư còn giải đáp thỏa đáng những băn khoăn, thắc mắc không chỉ liên quan đến vấn đề hỏa táng, mà còn về nhiều vấn đề tâm linh khác.

Có thể khẳng định, việc tăng ni thuyết pháp có tác động không nhỏ đến sự quan tâm của Phật tử và người dân. Trong tâm thức người Việt, mái chùa che chở hồn dân tộc, còn tu sĩ Phật giáo gần gũi, xoa dịu cho Phật tử và người dân những bất an về tâm linh, những quan niệm lạc hậu và khiến họ thay đổi nhiều hủ tục. Đến nay, không ít gia đình Phật tử và người dân chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan niệm cũ khi xem việc hỏa táng người qua đời là trái với phong tục truyền thống. Tuy nhiên, phần lớn Phật tử và người dân am hiểu Phật pháp, nên khi được nghe thuyết giảng trong cuộc vận động tang ma văn minh, họ luôn thể hiện sự tôn trọng và nhất trí cao. Đây là kết quả của việc tu sĩ Phật giáo gần gũi với Phật tử và người dân, giải đáp cho họ những khúc mắc tâm linh, làm rõ tính khoa học giúp cho việc thực hiện tang ma văn minh dần trở nên gần gũi với đại chúng.

Ở khu vực Nam Bộ, việc hỏa táng gắn với phong tục tập quán của đồng bào Khmer. Tuy nhiên, trước kia do điều kiện kinh tế, khoa học chưa phát triển, một số chùa Khmer chưa có lò thiêu, nếu có cũng không đảm bảo vệ sinh môi trường. Cùng với khoa học phát triển, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần rất lớn trong công tác BVMT và mục tiêu ổn định quỹ đất, rất nhiều chùa Khmer được Nhà nước hỗ trợ xây dựng lò hỏa táng cải tiến [171]. Đây là mô hình công nghệ mới, góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong tương lai gần, tỉnh Sóc Trăng dự kiến xây dựng mô hình lò hỏa táng điện kiểu mẫu để phục vụ cho tất cả người dân có nhu cầu hỏa táng.

Như vậy, việc hỏa táng người chết của đồng bào Khmer ở Nam Bộ là một mô hình BVMT, tiết kiệm đất đai, tránh nguy cơ bệnh truyền nhiễm. Hỏa táng đang là xu hướng toàn cầu, văn minh, tiết kiệm và BVMT nói chung và BVMT xã hội nói riêng. Hơn nữa, dưới góc độ kinh tế, chi phí hỏa táng thường thấp hơn khá nhiều so với các hình thức an táng khác, tính linh hoạt, và tiện lợi trong việc thờ cúng, thăm viếng.

Nhìn chung, Chương trình phối hợp BVMT và UPVBĐKH là phù hợp với giáo lý, giáo luật, đạo đức của các tôn giáo, nên được chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo nhiệt tình hưởng ứng, đem lại nhiều kết quả thiết thực và có sự lan tỏa rộng khắp. Những kết quả tích cực đó góp phần làm tăng thêm hiệu quả của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; gắn kết được hoạt động từ thiện của các tôn giáo trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, tạo thuận lợi cho công tác vận động đoàn kết các tôn giáo. Gần nửa thập kỷ tổ chức thực hiện với sự tham gia tích cực, hiệu quả của các tôn giáo, sự phối hợp, hỗ trợ kịp thời và thiết thực của các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các cấp, ngành TNMT trong cả nước, các tôn giáo đã xây dựng được 1.014 mô hình về BVMT và UPVBĐKH, giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Bảng tổng hợp các mô hình BVMT và UPVBĐKH của MTTQ thành phố Hà Nội cho thấy, so với các tổ chức tôn giáo khác, Phật giáo có nhiều mô hình hơn cả, trong đó có những mô hình hay, hiệu quả và có thể nhân rộng trong cộng đồng.

**Bảng 4: Tổng hợp các mô hình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tôn giáo từ ngày 21/6/2016 đến tháng 10/2018**

*Đơn vị: mô hình*

Stt	Tôn giáo	Mô hình BVMT và UPVBĐKH
1	Phật giáo	60
2	Công giáo	45
3	Đạo Tin lành	

4	Đạo Cao Đài	3
5	Đạo Islam	1
6	Tôn giáo Baha'i	
7	Phật đường Nam tông Minh Sư đạo	1
8	Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giêsu Kitô Việt Nam	

*Nguồn: MTTQ TP. Hà Nội*

Một số mô hình BVMT mà Phật giáo thực hiện là sự kết hợp giữa chính sách của Nhà nước, giải pháp ứng dụng khoa học kỹ thuật với các nguyên tắc đạo đức Phật giáo. Muốn nâng cao hiệu quả cho các hoạt động BVMT trong thời gian tới thì việc phổ cập công thức này là hết sức cần thiết. Các mô hình BVMT nêu trên đang phát huy trong cộng đồng Phật tử, song chủ yếu vẫn thiên về các mô hình BVMT tự nhiên. Các mô hình BVMT xã hội vẫn còn hạn chế so với nội lực của tôn giáo này. Phật giáo nhiệt tình hưởng ứng tham gia các mô hình do các tổ chức xã hội thực hiện hơn là việc chủ động đề ra các mô hình BVMT của mình. Các mô hình BVMT mà Phật giáo chủ động thực hiện vốn gắn với Phật giáo qua nhiều giai đoạn lịch sử. Ngoài ra, các mô hình BVMT nổi bật của Phật giáo tập trung ở các thành phố, đô thị lớn. Điều này xuất phát từ thực tế GHPGVN chưa xây dựng được tiêu chí cụ thể để Phật giáo các địa phương căn cứ xây dựng thực hiện mô hình. Đồng thời, kinh phí xây dựng các mô hình BVMT của Phật giáo phụ thuộc vào khả năng của mỗi địa phương, nơi có điều kiện kinh tế thì triển khai thực hiện nhanh chóng, tập trung và hiệu quả, nơi không có điều kiện kinh tế thì ngược lại.

### **Tiểu kết Chương 3:**

Hơn hai ngàn năm hiện diện trên mảnh đất Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh, là thành tố không thể thiếu của nền văn hóa dân tộc ta. Trong suốt bề dày lịch sử hoạt động, Phật giáo có truyền thống gắn bó, chia sẻ nhiều mặt với dân tộc, tham gia cùng Nhà nước và các tổ chức xã hội trong công tác BVMT. Truyền thống

này tiếp tục được cụ thể hóa qua nhiều hoạt động, mà gần nhất là chương trình phối hợp giữa các tổ chức tôn giáo tham gia BVMT và ÚPVBDKH. Với chủ trương, đường lối, cách thức, lực lượng tham gia phù hợp đã giúp Phật giáo Việt Nam tạo dấu ấn mạnh mẽ khi bước đầu xây dựng nên một số mô hình BVMT tiêu biểu và hiệu quả.

Các mô hình BVMT mà GHPGVN các cấp thực hiện cho thấy sự phong phú về hình thức và sự đa dạng về nội dung. Hoạt động hiệu quả, thiết thực và sôi nổi của các mô hình BVMT đã tạo nên sức lan tỏa sâu rộng đến đông đảo Phật tử và người dân. Sự tham gia tích cực của Tăng ni, Phật tử và người dân góp phần giữ gìn môi trường tự nhiên và xã hội ở Việt Nam. BVMT là thể hiện tinh thần nhập thế, ý thức trách nhiệm của cộng đồng Phật giáo Việt Nam với xã hội hiện nay.

Thực tiễn tham gia BVMT của Phật giáo Việt Nam vẫn tồn tại một số hạn chế trong tổ chức thực hiện dẫn đến nảy sinh một số vấn đề đặt ra cho GHPGVN và Nhà nước cần giải quyết. Đó là nhận thức BVMT và ÚPVBDKH của tín đồ Phật giáo chưa đều; công tác ÚPVBDKH có nơi chưa quán triệt đầy đủ, nên thực hiện không đồng bộ; kinh phí xây dựng mô hình điểm tùy thuộc vào khả năng của mỗi địa phương, nơi có điều kiện kinh tế thì thực hiện nhanh chóng, tập trung và hiệu quả, nơi không có điều kiện kinh tế thì ngược lại; chưa xây dựng được nội dung tiêu chí cụ thể để Phật giáo căn cứ để xây dựng thực hiện mô hình.

## Chương 4

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

### 4.1. Một số vấn đề đặt ra đối với thực tiễn tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam

#### 4.1.1. Sự thiếu tương đồng giữa lý luận nền tảng của Đảng, Nhà nước với giáo lý, giới luật Phật giáo về bảo vệ môi trường

Sự bùng nổ của các ngành công nghiệp, sức ép về dân số, quá trình đô thị hóa nhanh chóng, vấn đề biến đổi khí hậu, mất cân bằng sinh thái, khai thác kiệt quệ các nguồn tài nguyên tự nhiên... đã làm thay đổi cuộc sống của chính con người. Do đó, việc giải quyết vấn đề môi trường cần phải bắt đầu từ chính con người. Vấn đề này được đề cập và khuyến khích tích cực thực hành từ khi Đức Phật còn tại thế. Đối với tín đồ Phật giáo, con đường giác ngộ phải trải qua nhiều thử thách và một trong những điều kiện tiên quyết là tâm từ bi đối với chúng sinh.

Tất cả mọi loài đều mang trong mình sự sống và vì vậy, đều cần được tôn trọng và bảo vệ. Đức Phật giáo hóa cho hàng đệ tử về ngũ giới, mà một trong số đó là cấm sát sinh. Ngoài giáo dục tư tưởng nhân đạo, tôn trọng sự sống muôn loài, thì giới cấm sát sinh cũng giúp việc giải quyết vấn đề môi trường, bởi vì việc sát sinh nhằm phục vụ các nhu cầu của con người sẽ dẫn đến mất cân bằng sinh thái, tác động trực tiếp đến sự sống của con người. Những người sống bằng việc khai thác tài nguyên rừng, tài nguyên biển, trồng trọt và sản xuất nông nghiệp nếu chỉ khai thác tự nhiên bằng cách tận thu và tận diệt mà không để những tài nguyên đó có thời gian tái tạo sẽ làm kiệt quệ tài nguyên, khoáng sản. Đó là chưa kể việc khai thác những tài nguyên khó tái tạo như than đá, dầu mỏ... sẽ làm cho môi trường thêm nghiêm trọng. Đức Phật đã chỉ ra chân lí của sự sống, rằng mọi loài đều quan hệ hữu cơ, gắn bó

khăng khít với nhau, có cái này sẽ có cái kia, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt. Chân lý đó của Đức Phật phù hợp với quy luật sinh tồn tự nhiên. Trong chuỗi tự nhiên đó, loài này là nguồn sống của loài kia và vì vậy, nếu một mắt xích trong chuỗi đó bị cắt đứt sẽ làm đảo lộn, thay đổi và dẫn đến tiêu vong. Đề ra giới cấm sát sinh, Đức Phật giáo hóa để hàng đệ tử thực thi giáo lý từ bi nhưng cũng trở về với quy luật tự nhiên, hạn chế can thiệp vào tự nhiên để thỏa mãn mục đích của mình, đó là cách hữu hiệu để BVMT, bảo vệ cuộc sống của con người.

Tuy nhiên, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, đời sống của nhân loại hàm chứa nhiều mặt hoạt động như kinh tế, chính trị, văn hóa, nghệ thuật, khoa học,... Xã hội càng phát triển, các hoạt động nói trên càng phong phú và phát triển ở trình độ cao hơn. Không thể có các hoạt động này nếu con người không tồn tại. Để tồn tại, con người phải ăn, mặc, ở và các thứ cần thiết khác. Do đó, con người phải tạo ra chúng, nghĩa là phải sản xuất và không ngừng sản xuất với quy mô ngày càng mở rộng. Xã hội sẽ không thể tồn tại nếu ngừng sản xuất. Bởi vậy, sản xuất ra của cải vật chất chính là cơ sở của đời sống xã hội loài người và là hoạt động cơ bản nhất trong số các hoạt động của con người. Sản xuất vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình. Sản xuất vật chất là cơ sở tồn tại, phát triển con người và xã hội loài người. Đây là một nguyên lý rất quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nguyên lý này giải thích nguyên nhân cơ bản của sự phát triển của xã hội loài người, đó là sự thay đổi của các phương thức sản xuất vật chất.

Trong quá trình tạo ra của cải cho xã hội, bộ phận của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào đối tượng lao động làm thay đổi hình thái của nó cho phù hợp với mục đích của con người. Đối tượng lao động là yếu tố vật chất cấu thành sản phẩm và tồn tại dưới hai dạng: thứ nhất là dạng có sẵn trong tự nhiên, con người tách nó ra khỏi mối liên hệ trực tiếp với tự nhiên và biến thành sản phẩm như gỗ trong rừng nguyên thủy; thứ hai là dạng



đã trải qua lao động chế biến như than trong nhà máy nhiệt điện... Trong đó, đối tượng lao động thuộc dạng thứ nhất sẽ bị cạn kiệt trong tương lai, trong khi nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, năng lượng không giảm đi. Mâu thuẫn này được con người giải quyết thông qua cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại. Nhiều nguyên vật liệu mới được thay thế nhờ con người đã đạt đến trình độ khoa học kỹ thuật cao, đồng thời cho phép con người lý giải nhiều hiện tượng tự nhiên mà trước đây chưa thể giải thích được. Điều đó khiến cho con người nghĩ rằng đã chế ngự được tự nhiên, bắt tự nhiên phải phục tùng và vì thế, con người làm nhiều việc trái với tự nhiên, khai thác, bóc lột tự nhiên một cách thái quá gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của chính mình. Đức Phật đã chỉ ra rằng, tất cả những việc làm này đều bắt nguồn từ Tam độc (tham, sân, si) trong mỗi con người. Thực tế cho thấy, nhiều cá nhân, tổ chức vì lòng tham vô bờ đã khiến họ hành động mù quáng và tàn ác. Họ sẵn sàng gây chiến tranh, làm cho nghèo đói, bệnh tật lan tràn, tiêu diệt mạng sống của con người, của các loài và môi sinh cũng từ đó ngày càng hư hoại thêm. Hoặc để thu được những nguồn lợi trước mắt, cùng với việc khai thác tài nguyên bừa bãi, họ còn xả chất độc hại vào lòng đất, vào sông ngòi, vào không khí, làm ô nhiễm môi sinh, gây hại đến sức khỏe và bệnh tật cho nhiều người và nhiều loài.

Để giải quyết vấn đề trong cuộc sống hiện tại, Đức Phật căn dặn đệ tử không tham lam, không tàn ác, không mù quáng qua cách sống thiếu dục, tránh ham muốn thái quá ảnh hưởng xấu đến muôn loài. Đó là cách sống hiểu biết và cao thượng, hạn chế tâm vị kỷ, không vì làm lợi cho mình mà gây tổn hại cho người, sống hài hòa với thiên nhiên, khai thác tự nhiên có kế hoạch để tự nhiên có thời gian tái tạo, để những thế hệ kế tiếp có thể tiếp tục khai thác và hưởng lợi từ tự nhiên. Hiểu như thế nghĩa là một số điểm thiếu tương đồng giữa lý luận nền tảng của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay với giáo lý, giới luật Phật giáo trên lĩnh vực BVMT được tháo gỡ.

#### **4.1.2. Sự thiếu hoàn thiện về quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước để Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường**

Những năm gần đây, các hoạt động BVMT ở nước ta có nhiều tín hiệu tích cực hơn, hiệu quả hơn, không dừng lại ở hình thức mà từng bước đi vào nội dung. Điều này là kết quả trong việc xây dựng ban hành chính sách và pháp luật đến việc tổ chức quản lý môi trường được tăng cường, các hoạt động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường ngày càng hiệu quả. Nhận thức được tầm quan trọng của BVMT trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã xác định dành tối thiểu 1% tổng ngân sách nhà nước để chi cho BVMT. Đặc biệt, tỷ lệ chi cho BVMT được xác định tăng dần cùng với tăng trưởng kinh tế. Việc huy động toàn dân tham gia BVMT thể hiện thay đổi nhận thức về ý nghĩa, vai trò tài nguyên và môi trường của người dân. Môi trường không chỉ là “thùng rác” chứa đựng và hấp thụ chất thải loại tạo ra bởi các hoạt động kinh tế - xã hội, mà được xem là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, đem lại sự ổn định lâu dài cho con người và xã hội. Đồng thời, điều này khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước ta phát triển kinh tế phải gắn với BVMT.

*Luật Bảo vệ môi trường* năm 2015 quy định cụ thể về trách nhiệm BVMT là của Nhà nước, các tổ chức và cá nhân, cũng như những hành vi bị nghiêm cấm. Bên cạnh đó, nước ta cũng thực hiện nghiêm túc các luật khác liên quan đến BVMT như *Luật Đa dạng sinh học* (2015), *Luật Tài nguyên nước* (2012), *Luật Biển và hải đảo* (2015), v.v... Điều này cho thấy, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến BVMT của nước ta khá nhiều về số lượng nhưng vẫn còn một số điều cần suy ngẫm về chất lượng. Điển hình, 7 tiêu chí về tài nguyên môi trường như: *tỉ lệ che phủ rừng; tỉ lệ đất được bảo vệ; diện tích đất bị thoái hóa; mức giảm lượng nước ngầm; tỷ lệ các chất độc hại trong không khí; tỷ lệ khu đô thị, khu công nghiệp; tỉ lệ thu gom xử lý rác thải, chất thải rắn...* trong *Chiến lược phát triển bền vững của nước ta đến năm 2020* thiếu vắng con số cụ thể cho mục tiêu giám sát và đánh giá, chưa

đại diện đầy đủ các lĩnh vực phát triển mà chỉ mới dừng lại ở tài nguyên và môi trường đất, nước, rừng, không khí và quản lý chất thải. Có thể thấy rõ, chính sách, pháp luật đối với môi trường của nước ta còn tồn tại một số yếu kém, bất cập. Ý thức BVMT của người dân chưa cao. Một số người chỉ quan tâm đến lợi ích còn việc giải quyết hậu quả là trách nhiệm của các cơ quan chức năng. Các văn bản pháp lý, cơ chế, chính sách quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường chưa rõ ràng. Công tác dự báo, điều tra, đánh giá về vật chất và nhân lực chưa được đầu tư thỏa đáng, v.v...

Bên cạnh đó, chính sách, pháp luật của nước ta liên quan đến BVMT của các tổ chức tôn giáo, trong đó có Phật giáo hiện còn một số bất cập cần tháo gỡ. *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* được thông qua ngày 18-11-2016, được công bố ngày 1-12-2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2018. Sau thời gian ngắn triển khai thực hiện, Luật đạt được nhiều kết quả bước đầu rất quan trọng, tuy nhiên cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế, vướng mắc. Cụ thể, theo Điều 21, *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (Công nhận tổ chức tôn giáo):

1. Hoạt động ổn định liên tục từ đủ 05 năm trở lên; 2. Có hiến chương, điều lệ; 3. Có người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; 4. Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; 5. Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; 6. Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Điều này có nghĩa, các tổ chức tôn giáo ở nước ta khi bắt đầu được thành lập hoặc cho phép thành lập, hoặc đăng ký hoạt động vẫn chưa được Nhà nước công nhận địa vị pháp nhân nếu tổ chức tôn giáo đó hoạt động ổn định liên tục dưới 5 năm.

Thực ra, từ năm 1994 đến năm 2004, Nhà nước đã nói rõ “tư cách pháp nhân” và “công nhận tư cách pháp nhân” của hơn 10 tổ chức tôn giáo. Tuy nhiên, nội dung *Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo* không nói pháp nhân mà chỉ nói công nhận tổ chức tôn giáo, bởi vì liên quan đến *Luật Dân sự* mới ra đời không nói rõ pháp nhân tôn giáo (Điều 84 và Điều 100, *Luật Dân sự*). Đến *Luật Dân sự* sửa đổi năm 2015 nói đến "tư cách pháp nhân phi thương mại" là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận (Khoản 2, Điều 76 của *Luật Dân sự* năm 2015). Điều này có nghĩa, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam tuy có pháp nhân (địa vị pháp lý), nhưng không được đại diện pháp nhân của mình để thực hiện các giao dịch dân sự mang tính thương mại, kinh doanh vì mục tiêu sinh lợi nhuận. Nếu có, chẳng qua chỉ là các doanh nghiệp xã hội (social enterprise), một thuật ngữ pháp lý phổ biến trên thế giới nhưng mới mẻ ở Việt Nam dùng để chỉ một doanh nghiệp hoạt động chỉ hướng tới các mục tiêu xã hội, cộng đồng mà thôi. Do đó, tổ chức tôn giáo không chỉ dừng lại việc có tư cách pháp nhân mà còn những văn bản hướng dẫn rõ ràng, cụ thể. Việc chính thức công nhận tư cách pháp nhân cùng các quy định đính kèm là sự hiện thực hóa sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ dân sự với các tổ chức xã hội khác. Thứ đến, điều này mở ra cơ hội hợp tác giữa pháp nhân tôn giáo với các pháp nhân khác trong thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, cũng là cách cạnh tranh lành mạnh giữa pháp nhân tôn giáo và các pháp nhân khác. Cuối cùng, pháp nhân tôn giáo sẽ có thêm cơ hội tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ và các tổ chức quốc tế góp phần khắc phục khó khăn kinh tế khi thực hiện các hoạt động BVMT. Chính quyền không nên quá băn khoăn khi tôn giáo có pháp nhân là tạo cơ chế quyền lực mới được hợp thức; cũng không quá lo ngại khi tôn giáo có pháp nhân sẽ liên quan đến các vấn đề như tài sản và quan hệ dân sự khác. Bởi vì, dưới góc độ pháp luật, tôn giáo là một thực thể như mọi tôn tại xã hội khác.

Ngoài ra, Điều 55, *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (quy định về nguyên tắc việc các tôn giáo hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã

hội, từ thiện, nhân đạo) cũng nảy sinh vấn đề bất cập. “Được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan”. Điều này quy định, các tôn giáo được xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật. Cũng như vậy, các tôn giáo được hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan. Đây là vấn đề được cả người có và không có tôn giáo quan tâm. Song, để các tôn giáo có thể đảm đương các hoạt động này nói chung, hoạt động BVMT nói riêng thì phải có thời gian để các chủ thể tích lũy thêm nữa các điều kiện cần và đủ. Mặt khác, chính sách, pháp luật tầm vĩ mô trên các lĩnh vực này cũng cần có những bổ sung sao cho giữa các luật có độ tương thích với nhau.

#### **4.1.3. Sự thiếu đồng bộ về nhận thức trong chức sắc, tín đồ Phật giáo về vai trò, trách nhiệm của Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường**

Trải bao thăng trầm, với những yếu tố đặc trưng về lịch sử hình thành, phát triển, Phật giáo luôn đồng hành, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước Việt Nam. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, phần lớn chức sắc, tín đồ Phật giáo đã tích cực tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, trong công cuộc Đổi mới, giới Phật giáo có những cơ hội tốt hơn tham gia tích cực, chủ động vào đời sống kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước, trong đó không thể không nhắc đến hoạt động BVMT, phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần nhập thế, truyền thống “hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam. Những kết quả tích cực của Phật giáo được ghi nhận nhưng có lẽ chưa ngang tầm khả năng của tôn giáo này.

Nếu những hoạt động góp phần BVMT chỉ dừng lại ở tầm mức nhỏ lẻ như dọn rác bờ biển, gom rác xóm làng, vệ sinh đường phố, không vứt rác bừa bãi..., chưa thực sự xứng tầm với nội lực của Phật giáo. Điều này có phần

nguyên nhân từ sự thiếu đồng bộ trong nhận thức và hành động của Tăng ni, Phật tử về vai trò, trách nhiệm của Phật giáo đối với hoạt động BVMT. Những hoạt động này chưa thể hiện rõ sự dân thân, chưa nỗ lực tìm kiếm cơ sở chung từ những khác biệt trong lý thuyết Phật giáo với chính trị và kinh tế để cùng nhau giải quyết bài toán môi trường. Phật giáo Việt Nam có thể chưa thể hiện quyết tâm biến một hoạt động trở thành một phong trào thực sự cho một vấn đề mà khi Đức Phật còn tại thế đã luôn căn dặn đệ tử. Nguyên nhân có thể lý giải, về trình độ nhận thức của chức sắc, tín đồ Phật giáo nhận thức chưa đồng đều về vấn đề môi trường tất yếu dẫn đến chưa thống nhất về hành động. Do đó, Phật giáo cần nâng cao chất lượng các hoạt động BVMT đúng với tư cách hoạt động Phật sự. Cần chủ động đề xuất quy mô các hoạt động khẳng định vị trí hạt nhân trong phong trào BVMT. Cần xem BVMT là một trong những nhiệm vụ cấp thiết như nhiệm vụ bảo vệ đất nước trước đây mà Phật giáo là một trong những nguồn lực quan trọng của dân tộc Việt Nam, từ đó xác định trách nhiệm của mỗi chức sắc, tín đồ, tổ chức giáo hội. Bằng những cách thức và phương pháp của mình, Phật giáo Việt Nam cần tăng cường tuyên truyền trong Tăng ni, Phật tử những vấn đề về môi trường đặt ra đối với cuộc sống hiện đại mà con người đang gặp phải thông qua việc xây dựng lối sống giản dị, tiết kiệm, cân bằng, “thiểu dục tri túc” của Phật tử góp phần làm giảm sức ép môi trường và hệ sinh thái tự nhiên; chú trọng giáo dục Phật tử nhận thức mối liên hệ mật thiết giữa con người với thế giới tự nhiên qua các thuyết Duyên khởi và Vô ngã. Từ đó gây dựng niềm tin về một đạo đức ứng xử “thiện” với môi trường tự nhiên, tiến tới một thế giới tốt đẹp; kiến tạo không gian xanh, thanh tịnh ở nơi thờ tự góp phần gắn kết con người với thiên nhiên, nâng cao ý thức BVMT. Có như vậy, truyền thống "hộ quốc an dân", "đồng hành cùng dân tộc" của Phật giáo Việt Nam trên lĩnh vực BVMT mới được thống nhất về nhận thức và hành động.

#### **4.1.4. Sự phối hợp thiếu chặt chẽ giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp với các tổ chức chính trị trong vận động, hướng dẫn chức sắc, tín đồ bảo vệ môi trường**

Thói quen tự giác giữ giới, tích nghiệp thiện của nhiều Phật tử là điều kiện thuận lợi để Phật giáo triển khai, tham gia các chương trình BVMT. Hơn nữa, các chương trình hành động BVMT không xa lạ với giáo lý nhà Phật. Do vậy, Phật giáo Việt Nam có nhiều lợi thế trở thành hạt nhân phong trào. Điều này không có nghĩa Phật giáo có thể tự làm mà cần có sự phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị. Tại Hội nghị toàn quốc về “*Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*” tổ chức trong các ngày 1-3/12/2015 tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế, lãnh đạo của 40 tổ chức tôn giáo thuộc 14 tôn giáo tại Việt Nam đã ký kết *Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tôn giáo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020*, với 5 nội dung, 7 mục tiêu và giải pháp. Sau 5 năm triển khai đã có 63/63 tỉnh thành trong cả nước ký kết chương trình hoặc kế hoạch phối hợp giữa MTTQ, ngành TNMT với các tổ chức tôn giáo ở địa phương. Đến cuối năm 2019, cả nước đã xây dựng 322 mô hình điểm các tôn giáo tham gia BVMT và UPVBĐKH. Các tôn giáo đã đưa nội dung BVMT và UPVBĐKH vào chương trình hoạt động hằng năm.

Về phía mình, GHPGVN đã chủ động đưa nội dung Chương trình phối hợp vào chương trình hoạt động Phật sự hằng năm của Hội đồng Trị sự GHPGVN và Ban Trị sự Phật giáo các địa phương; lồng ghép phổ biến về quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về BVMT và UPVBĐKH trong các trường hạ, khóa tu, buổi học của Tăng ni sinh tại các trường Phật học. Đồng thời, đẩy mạnh việc tuyên truyền, thuyết giảng trong Phật tử và nhân dân về BVMT, UPVBĐKH và thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tuy nhiên, sự phối hợp BVMT giữa GHPGVN với các tổ chức chính trị khá chặt chẽ ở cấp trung ương, còn ở cấp địa phương thì chưa đồng bộ.

Nhiều ngôi chùa ở cấp địa phương đến nay vẫn chưa biết về Chương trình phối hợp giữa UBTWMTTQVN, BTNMT với các tôn giáo, hoặc có biết cũng chỉ là nghe qua mà thôi. Đặc biệt hơn, đây là lần đầu tiên có một Chương trình phối hợp có quy mô lớn trên cả nước và tốn không ít giấy mực của truyền thông nhưng một số chức sắc, nhà tu hành Phật giáo vẫn chưa nhận thức rõ. Điều này dẫn đến trong triển khai chương trình BVMT của Phật giáo Việt Nam chưa phát huy tối đa hiệu quả.

Cần nói thêm, sự quan tâm mạnh mẽ của Nhà nước những năm gần đây làm cho một bộ phận không nhỏ chức sắc, nhà tu hành Phật giáo có tâm lý được chống lưng trong hầu hết các hoạt động Phật sự và hoạt động thế sự. Trên con đường nhập thế, Phật giáo Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề gay gắt do thực tiễn đặt ra. Ở nhiều địa phương, đặc biệt các đô thị lớn, sinh hoạt Phật giáo còn nặng về cầu tài, cầu lộc và xen vào đó không ít biểu hiện biến thái, mê tín, trục lợi. Nhiều Phật tử lên chùa dâng sao giải hạn và đốt hóa đồ mã. Những tục lệ này, như đã đề cập, không phải của Phật giáo. Hiện tượng đốt mã không chỉ gây tổn kém lãng phí, nguy cơ hỏa hoạn, mà nguy hiểm hơn còn ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến môi trường. Hành vi hối lộ Phật, thánh, thần ở nhiều ngôi chùa để cầu tài cầu lộc, vinh thân phì gia đang lan nhanh không chỉ trong Phật tử và người dân bình thường mà còn trong một bộ phận không nhỏ cán bộ công chức. Văn hóa truyền thống tốt đẹp, chính pháp của nhà Phật đang có biểu hiện xa rời một bộ phận Phật tử và người dân. Điều này có nguyên nhân sâu xa từ việc chưa hiểu đúng giáo lý cơ bản Phật giáo. Do đó, công tác tuyên truyền, giáo dục Tăng ni, Phật tử cần bám sát với chính pháp và gắn với những vấn đề thực tiễn cuộc sống hiện đại.

#### **4.2. Dự báo xu hướng tham gia bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam**

##### **4.2.1. Loại bỏ các hình thức và nghi lễ Phật giáo lãng phí về kinh tế, ảnh hưởng xấu đến môi trường**

Với Phật giáo, nghi lễ là sự biểu hiện lòng tôn kính và tin tưởng của Phật tử và người dân đối với Tam bảo một cách có hệ thống, bài bản, nhưng



tùy theo tập quán mỗi địa phương mà có sự khác nhau. Đây là một phương tiện không thể thiếu trong việc hoằng truyền chính pháp. Tuy nhiên, phương tiện bao giờ cũng giống như con dao hai lưỡi, sẽ phát huy tốt nếu sử dụng đúng mục đích và ngược lại. Cho nên, những nghi lễ đúng giáo lý nhà Phật sẽ mang lại cho con người an lạc. Ngược lại, sự thiếu hiểu biết hoặc không ý thức được nguyên lý Phật học thì những hình thức sinh hoạt này lập tức biến thành nguy hại. Cho nên, việc mỗi Phật tử nắm đúng tinh thần của Phật giáo giúp họ nhận diện những nghi lễ đột lốt Phật giáo. Tuy nhiên, để bày tỏ sự tôn sùng thần linh, một số người lạm dụng lễ nghi trong thực hành tôn giáo. Thực ra, nghi lễ thờ cúng ban đầu chưa được Phật giáo đặt ra, chỉ xuất hiện sau khi Đức Phật qua đời. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, nghi lễ thờ cúng là yếu tố quan trọng, thể hiện tính sống động của sinh hoạt Phật giáo nói chung, mỗi hệ phái Phật giáo nói riêng.

Trên thực tế, dù nhiều nhà khoa học và chức sắc GHPGVN đã cảnh báo và phê phán, nhưng vào mùa lễ hội đầu năm, nhiều Phật tử, người dân và một bộ phận cán bộ công chức vẫn tham gia lễ dâng sao giải hạn. Đây không chỉ là hành động mê tín dị đoan, thiếu hiểu biết, trái với giáo lý nhà Phật, mà còn vô tình tạo môi trường nảy sinh nhiều biến tướng tiêu cực. Đồng thời, những hoạt động này gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của đông đảo Phật tử và người dân.

Tục cúng sao giải hạn vốn không hề có trong giáo lý nhà Phật. Phật giáo ngăn cấm sự cuồng tín dẫn đến mê muội, cũng như không cổ súy việc đốt mã hay cúng sao giải hạn. Trần Lâm Biền khẳng định: "Có dâng đến ngàn lần, vạn lần, triệu lần đi chẳng nữa thì các ngôi sao vẫn vận động như thế, không thay đổi, vì thế không thể ảnh hưởng đến số phận của con người. Làm sao dâng sao mà giải hạn được. Vấn đề đầu tiên ảnh hưởng đến số phận con người do chính người đó tạo nên. Cuộc sống của con người, trước hết là vận hành theo nhân quả, sống như thế nào thì có kết cục tương ứng. Thứ hai, là do môi trường sống, cách quan hệ, ứng xử trong cuộc sống. Thay vì dâng sao

giải hạn thì không gì tốt hơn bằng việc hãy ứng xử tốt với mọi người, quan tâm tới thiện tâm, ứng xử tốt với mình, xây dựng cho mình nhận thức, đạo đức đúng truyền thống thì tự nhiên tinh thần thanh thản. Phải xây dựng lối sống lành mạnh, lành mạnh trong cả nền tảng vật chất cũng như tinh thần thì cuộc sống sẽ tốt hơn" [115; tr.3].

Có thể khẳng định, mong muốn của con người khi hướng đến cuộc sống an lành, hanh thông, mạnh khỏe, may mắn là chính đáng, kể cả khi mong muốn đó được gửi gắm vào thế lực thiêng liêng. Tuy nhiên, hiện nay việc thực hành một số nghi lễ để thỏa mãn mong muốn đó đã bị đẩy lên thái quá, trở thành mê tín dị đoan. Thực trạng đáng lo ngại này đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt hơn của các cơ quan chức năng cũng như toàn xã hội. Ngày 20/2/2019, Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 591/BVHTTDL-VHCS về việc tăng cường thực hiện nếp sống văn minh tại các lễ hội, cơ sở thờ tự Phật giáo. Công văn nêu rõ: "Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội tại một số cơ sở thờ tự Phật giáo, di tích vẫn còn những hạn chế, đặc biệt là hiện tượng tổ chức dâng sao giải hạn có thu tiền, lợi dụng nhu cầu chính đáng của người dân để trục lợi. Để khắc phục những hạn chế nêu trên, lãnh đạo Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch đề nghị Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) và Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục chỉ đạo các cơ sở tôn giáo thực hiện nghiêm Nghị định số 110/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về quản lý và tổ chức lễ hội; Công văn số 31/CV-HĐTS về việc tăng cường nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc tại các cơ sở thờ tự Phật giáo; tăng cường công tác tuyên truyền về các giá trị, ý nghĩa đích thực của tín ngưỡng và nghi lễ truyền thống; hướng dẫn các cơ sở thờ tự Phật giáo không để việc tổ chức dâng sao giải hạn biến tướng thành dịch vụ mang tính trục lợi, ảnh hưởng đến nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc".

Về phía GHPGVN, Hội đồng Trị sự ban hành Văn bản số 033/CV-HĐTS về việc tổ chức nghi lễ nguyện cầu bình an cho Phật tử và nhân dân tại các chùa nhân dịp đầu xuân năm mới gửi Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành.

Bên cạnh việc khẳng định các chùa tổ chức nghi lễ cầu quốc thái dân an, mong muốn bình an cho mọi người là việc làm ý nghĩa đem lại sự lạc quan trong cuộc sống, Hội đồng Trị sự thẳng thắn chỉ rõ: "Trong thời gian mấy năm trở lại đây đã tồn tại một thực tế là có sự sai lệch trong cách tổ chức nghi lễ cầu an ở một số chùa như các phương tiện thông tin đại chúng đã phản ánh. Nghi lễ dâng sao giải hạn không phải là nghi lễ của Phật giáo mà là tư tưởng triết học của Đạo giáo đã hòa nhập với Phật giáo trong truyền thống Tam giáo đồng nguyên. Phật giáo tôn trọng và đã dùng pháp phương tiện để tập hợp mọi người mà giảng về giáo lý nhân quả, hoàng dương chính pháp". Trên cơ sở đó, Hội đồng Trị sự yêu cầu Tăng ni, nhất là lãnh đạo Giáo hội cần gương mẫu trong việc tổ chức nghi thức cầu an đầu xuân tại ngôi chùa bằng các pháp hội Dược Sư cầu quốc thái dân an. Việc tổ chức pháp hội phải bảo đảm trang nghiêm, tiết kiệm, tránh mê tín, không để xuất hiện yếu tố dịch vụ trục lợi, mà phải đúng chính pháp để mọi người hiểu luật nhân quả của Phật giáo, làm việc tốt, sống chính mạng, chính nghiệp mới tránh được bất an. Hội đồng Trị sự đề nghị Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành hướng dẫn, chỉ đạo các chùa trong cả nước thực hiện đúng tinh thần của nội dung văn bản nêu trên.

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, đời sống tôn giáo ngày càng phong phú và đa dạng. Trong các nghi lễ văn hóa truyền thống, nghi lễ Phật giáo nào ảnh hưởng đến môi trường, tổn kém kinh tế, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cộng đồng, giết hại nhiều động vật để hiến tế sẽ bị loại bỏ. Ở những trung tâm Phật giáo lớn như Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh những năm gần đây tồn tại nhiều vấn đề, đặc biệt trong bối cảnh chùa chiền mọc lên nhiều, đội ngũ tăng ni trụ trì chưa đáp ứng được. "Nghi lễ và hoàng pháp tuy hai mà một, nó song hành một cách thiết thực, đi vào cuộc sống của Tăng ni và Phật tử... Nghi lễ chính thống để trang nghiêm tư thân khi giao tiếp, ứng xử đúng theo lẽ đạo, xóa tan tánh tự thị của một bộ phận Tăng ni trẻ đang có chiều hướng chạy theo lợi dưỡng mà quên đi bản chất của người tu. Lại nữa, thực hiện nghi lễ chính thống mới có cơ duyên nhiếp hóa lòng người và bài

trừ những tập tục lạc hậu. Như vậy, nghi lễ không chỉ là lễ nghi đơn thuần mà còn góp phần bảo vệ nền văn hóa phi vật thể Phật giáo và thuần phong mỹ tục của dân tộc” [6; tr.25].

Trong bối cảnh môi trường đang là mối quan tâm hàng đầu của nhân loại, việc có cái nhìn thực tế hơn, hợp lý hơn, nhân văn hơn đang được nhắc đến nhiều hơn. Loại bỏ các hình thức và nghi lễ của Phật giáo ảnh hưởng xấu đến môi trường là xu hướng nhận được sự tán đồng của số đông trong xã hội nước ta hiện nay.

#### **4.2.2. Nhân rộng mô hình phối hợp bảo vệ môi trường giúp loại bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu.**

Tập quán mai táng gắn liền với đời sống tâm linh của người dân Việt Nam. Mỗi vùng miền, tộc người có những lễ thức mai táng khác nhau. Đây là việc hệ trọng không chỉ đối với từng gia đình, dòng họ mà còn trở thành vấn đề lớn đối với xã hội. Ngày nay, khi có người qua đời, các gia đình phải lo hậu sự cho người quá cố. Tập tục mai táng truyền thống đang gây ảnh hưởng không nhỏ về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường ở đô thị lẫn nông thôn. Đối với vùng đồng bằng, đa số người Kinh có tập quán địa táng, người chết được chôn xuống đất, sau vài năm được cải táng. Quy trình này có nhiều lễ thức phức tạp, tốn kém thời gian và chi phí, đồng thời làm cho môi trường ở xung quanh nghĩa địa bị ô nhiễm, tác động xấu đến sức khỏe của người dân sinh sống trong khu vực. Tình trạng người sống ở gần người chết, hoặc người sống ở cùng người chết đang tồn tại ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, v.v... Kinh phí mai táng người chết trở thành vấn đề lớn không chỉ của cá nhân, gia đình mà còn cả xã hội. Khi gia đình có người chết, việc lựa chọn hình thức địa táng hay hỏa táng, nơi chôn cất hay lưu giữ tro cốt là việc đại sự. Vấn đề hộ khẩu, tiêu chuẩn, chế độ đối với người qua đời cũng không hề đơn giản. Quả thật, tập tục quán mai táng là câu chuyện lớn về kinh tế, môi trường, đất đai, đô thị. Từ đó đặt ra yêu cầu phải có những chính sách liên quan đến tập tục mai táng để bảo đảm phong tục của dân tộc

nhưng cũng đáp ứng nhu cầu phát triển mới trên tinh thần văn minh, tiết kiệm. Mặc dù Nghị quyết 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về *bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* chỉ rõ “hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh chung, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen, nếp sống không văn minh, không hợp vệ sinh, các hủ tục trong mai táng” [58; tr.5], nhưng việc thay đổi một thói quen cũ không đơn giản.

Những việc làm bày tỏ lòng tiếc thương và biết ơn, thể hiện đạo hiếu dành cho người đã khuất ở Việt Nam được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vấn đề ô nhiễm môi trường do cải táng (bốc mộ), cúng lễ quá nhiều và đặt các khu vực chôn cất người qua đời không theo quy hoạch, không đảm bảo vệ sinh môi trường ảnh hưởng lớn đến nhiều khu đô thị và nông thôn. Vì vậy, chính quyền đang dần hoàn thiện các quy định, chính sách khuyến khích người dân thực hiện các hình thức mai táng mới. Tuy nhiên, những quy định, chính sách này phải dựa trên, phải đồng hành với việc vận động người dân, trong đó cần phát huy vai trò tích cực của nhà tu hành các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng để định hướng, tạo đồng thuận trong nhân dân. Mặt khác, cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền những vấn đề liên quan đến tập tục mai táng người qua đời đến người dân và xã hội.

Tại diễn đàn khoa học “*Tập quán mai táng của người Việt Nam: Xu hướng biến đổi và những vấn đề đặt ra*” do Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức vào tháng 8/2019, Phó thủ tướng Vũ Đức Đam nhấn mạnh: “Tập quán ma chay, mai táng là một vấn đề xã hội liên quan đến tập tục, truyền thống, nên không chỉ đơn thuần bằng các quy định pháp luật, chính sách kinh tế có thể giải quyết được vấn đề mà còn phải đi đôi với việc nghiên cứu rất sâu các khía cạnh văn hoá, xã hội, phối hợp tất cả các giải pháp mới có định hướng nhằm tạo chuyển biến tích cực. Việt Nam có trên 50 dân tộc với những phong tục, tập quán, tín ngưỡng khác nhau nên không thể máy móc áp dụng một chính sách, quy định chung cho tất cả” [3; tr.5]. Trong *Di chúc*,

một trong những nội dung quan trọng được Bác Hồ căn dặn lại toàn Đảng, toàn quân, toàn dân là vấn đề môi trường sinh thái, Người viết: “Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chử là hỏa táng. Tôi mong rằng cách hỏa táng dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh lại không tốn đất” (*Di chúc* năm 1968). Bao giờ ta có nhiều điện, thì điện táng càng tốt hơn”. “Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp” (*Di chúc* năm 1965).

Trong việc thực tiễn hóa các cam kết của chương trình Phối hợp giữa UBTWMTTQVN, BTNMT và 40 tổ chức tôn giáo về BVMT và UPVBĐKH, Phật giáo được ghi nhận có nhiều mô hình phù hợp. Bên cạnh các hoạt động BVMT truyền thống, GHPGVN với sự hỗ trợ của UBTWMTTQVN và NCA Việt Nam đã phát triển ba mô hình điểm ở Hà Nội, Huế và TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nhiều mô hình BVMT của Phật giáo Việt Nam các cấp được phát động xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đặc biệt là các mô hình phối hợp BVMT ở khu đô thị, khu dân cư. Những mô hình đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, mai táng, hỏa táng,... đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần làm thay đổi thái độ, hành vi, thói quen của chức sắc, nhà tu hành, Phật tử và người dân ở cộng đồng trong BVMT và UPVBĐKH. Trong đó, cuộc vận động tang ma văn minh, tiến bộ của các tôn giáo nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng tham gia BVMT được chính quyền phát động đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong nhận thức của tín đồ và người dân về một thói quen không dễ thay đổi. Hiện nay, với sự hỗ trợ của khoa học công nghệ tiên tiến, nhiều đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh..., áp dụng hỏa táng. Tỷ lệ gia đình lựa chọn hình thức này khi có người thân qua đời ngày càng tăng lên. Điều này ý nghĩa hơn đối với Việt Nam, một trong những nước đứng đầu châu Á về tốc độ phát triển không gian đô thị, với 2,8%, cao hơn mức bình quân 2,4% của khu vực Đông Á (World Bank, giai đoạn 2000 - 2010); góp phần không nhỏ trong việc giải

quyết bài toán ở các khu đô thị, nơi hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, dân số nhập cư đã và đang tạo ra những áp lực rất lớn đối với chính quyền trong công tác BVMT. Vì vậy, việc tiếp tục nhân rộng các mô hình phối hợp này trong cả nước không chỉ góp phần BVMT tự nhiên mà còn góp phần BVMT xã hội.

#### **4.2.3. Sự gia tăng hợp tác giữa Phật giáo Việt Nam với các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm sạch**

Đời sống kinh tế xã hội phát triển, thói quen ăn uống của người tiêu dùng đang tạo ra một cuộc cách mạng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thực phẩm và đồ uống khắp nơi trên thế giới. Đó là xu hướng xanh thể hiện ở việc người tiêu dùng tăng cường sử dụng sản phẩm nguồn gốc từ thực vật, quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và những sản phẩm không chứa lactose (có nhiều trong sữa động vật). Trong bối cảnh vấn nạn vệ sinh an toàn thực phẩm ngày càng đáng báo động và sự gia tăng nhận thức cũng như trong thu nhập thực tế của người tiêu dùng Việt Nam là nguyên nhân chính đòi hỏi xu hướng sạch. Điều này dẫn đến xu hướng các loại thực phẩm từ rau, củ, quả đến thịt, cá, tôm và đồ gia vị được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ lên ngôi.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, những năm qua, Hội Phụ nữ ở nhiều địa phương trong cả nước đã chỉ đạo xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả các mô hình an toàn thực phẩm. Cụ thể, tỉnh Nam Định, một địa phương nơi có đông đồng bào tôn giáo đã tích cực tham gia cuộc vận động của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Nhằm thúc đẩy hội viên khởi nghiệp và tham gia sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, nhiều nơi trong huyện Hải Hậu đã thành lập các “Tổ phụ nữ nuôi giun quế” theo mô hình nông nghiệp khép kín, không rác thải (lấy phân gia súc, gia cầm trồng rau củ và nuôi giun quế và ngược lại, lấy giun quế và rau củ nuôi gia súc, gia cầm) với tên gọi “Phụ nữ với công tác an toàn thực phẩm”. Đây là mô hình sản xuất không sử dụng

hóa chất trừ sâu và các chất kích thích tăng trưởng cho vật nuôi và cây trồng, đã tạo ra các sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe và góp phần thúc đẩy việc tái sử dụng các phế thải nông nghiệp. Xuất phát điểm của mô hình là từ hình thức nuôi giun quế triển khai tại Chi hội Phụ nữ xã Hải Sơn năm 2016. Đến nay, huyện Hải Hậu đã nhân rộng ra 7 cơ sở hội trong huyện với nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn được cung cấp cho người dân. Mô hình đang được nhân rộng tại các chi hội Phụ nữ xã Hải Sơn (huyện Hải Hậu), xã Xuân Ninh (huyện Xuân Trường), xã Mỹ Tân (huyện Mỹ Lộc), các xã Nam Điền, Nghĩa Minh, Hoàng Nam (huyện Nghĩa Hưng) [149; tr.2].

Mô hình câu lạc bộ “Sản xuất và tiêu dùng sạch” của Hội Phụ nữ phường Cửa Nam (thành phố Nam Định) có 24 thành viên. Phường có làng nghề làm bún Phong Lộc, trung bình mỗi hộ làm khoảng 3-4 tạ bún/ngày. 24 thành viên câu lạc bộ đồng thời là hội viên phụ nữ và là chủ nhân của 24 hộ gia đình sản xuất bún của làng nghề. Với mục tiêu tuyên truyền, vận động hội viên sản xuất sản phẩm bún đảm bảo an toàn thực phẩm, câu lạc bộ sinh hoạt định kỳ với các nội dung: trao đổi kinh nghiệm giữa các thành viên trong câu lạc bộ về sản xuất thực phẩm an toàn, đặc biệt là sản xuất bún sạch; vận động hỗ trợ kinh phí để các hộ khó khăn đầu tư máy móc, phương tiện sản xuất bún hiện đại; hỗ trợ nhau tiêu thụ sản phẩm... Từ hoạt động của câu lạc bộ, đến nay cả 24 hộ gia đình sản xuất bún Phong Lộc đều đầu tư máy làm bún hiện đại, sản phẩm bún của làng nghề đảm bảo an toàn thực phẩm. Xuất phát từ truyền thống ăn chay của Phật giáo, nhiều mô hình sản xuất thực phẩm sạch của các nhà sư và nữ Phật tử ở nhiều địa phương trong cả nước đã hưởng ứng phong trào và cùng nhân rộng mô hình của chính quyền góp phần bảo đảm an ninh thực phẩm cho người tiêu dùng. Lao động, sản xuất trong nhà chùa không chỉ để tự túc lương thực, mà còn giúp các nhà sư rèn luyện thân thể. Khi nhà sư đặt hết tâm chăm sóc cây trồng như chăm sóc tâm mình, chắc chắn chất lượng của nó sẽ được nâng cao từng ngày, không lạm dụng các hóa chất



gây hại vì sản lượng. Mô hình trồng rau sạch ở Chùa Ôn (thành phố Nam Định) được thành lập hơn 10 năm nay [149; tr.6]. Trên diện tích 1ha, mỗi ngày các nhà sư và nữ Phật tử cung cấp khoảng 30-40kg rau quả cho các nhà sư trong chùa, một số chùa và người dân quanh vùng. Mô hình với quy trình chăm sóc rau đảm bảo tuyệt đối an toàn; trước khi trồng, đất được bón phân vi sinh và bổ sung thêm đất màu, sau khi rau trồng được tưới nước thường xuyên để phát triển xanh non. Nếu có sâu, rau được phun nước tỏi, ớt chứ không dùng thuốc trừ sâu. Ni giới ở tỉnh Thừa Thiên - Huế đã sản xuất nhiều sản phẩm chay, thức uống (bột ngũ cốc, bột gạo lứt, bột sắn dây) sản phẩm thuốc chữa bệnh (tinh bột nghệ) từ nguồn nguyên liệu sạch, an toàn đóng hộp đảm bảo chất lượng phục vụ người dân.

Tuy nhiên, những mô hình sản xuất sạch nêu trên chỉ đáp ứng thực phẩm cho các chùa và khu vực lân cận trong khi nhu cầu thực phẩm sạch ở nước ta hiện nay là rất lớn. Thực tế thời gian qua cho thấy, sự kết hợp của các chùa với Phật tử mở ra nhiều chuỗi cửa hàng chay nhằm khuyến khích người dân ăn chay xen vào thói quen ăn mặn hằng ngày. Ở một số ngôi chùa còn kinh doanh và khuyến khích Phật tử kinh doanh các sản phẩm được làm từ đồ chay như ruốc nấm chay, các thức ăn chay mang giá trị thực dưỡng cao được chế biến từ các loại hạt, loại đậu sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất và tiêu dùng như túi giấy, hạn chế sử dụng túi nilon, hộp nhựa. Đây là một trong những xu hướng nổi bật trong thời gian tới của Phật giáo Việt Nam với hoạt động BVMT và đúng với tinh thần thứ tư trong *Tuyên bố Hà Nam 2019* nhân dịp Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc lần thứ XVI. Đó là, hợp tác với các nhà doanh nghiệp để phát triển nguồn thực phẩm thay thế an toàn mà không lệ thuộc vào chất đạm động vật. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ về công nghệ và chính sách từ phía Nhà nước và vốn để mở rộng của các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm là hết sức quan trọng.

#### **4.2.4. Mặt trái của cách mạng công nghiệp 4.0 đi ngược lại với vấn đề bảo vệ môi trường trong giáo lý, giới luật Phật giáo**

Cơ hội và thách thức mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nói tắt là công nghiệp 4.0, mang lại là một thực tế không phải bàn cãi. Đó là cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội thông qua nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu tiên tiến cho các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế. Tuy nhiên, công nghiệp 4.0 cũng tiềm ẩn thách thức trên mọi mặt của đời sống - xã hội. Đặc biệt, khi sức lao động của con người bị thay thế bởi máy móc, nạn thất nghiệp gia tăng sẽ dẫn đến bất ổn về đời sống, chính trị. Những bất ổn về đời sống, chính trị kéo theo những bất ổn về tinh thần dẫn đến con người dễ xa rời lý tưởng sống. Con người đề cao lợi ích cá nhân nhiều hơn việc quan tâm đến lợi ích của tập thể, tập trung vào lợi ích trước mắt hơn lâu dài gây ra những hành vi trái với đạo đức và quy định của pháp luật. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã thẳng thắn thừa nhận: “Xu hướng chạy theo lợi nhuận và lợi ích trước mắt trong khai thác tài nguyên chậm được khắc phục” [67, tr.86] là hoàn toàn có cơ sở. Câu chuyện từ Công ty Gang thép Hưng nghiệp Fomosa Hà Tĩnh gây ra đã làm hàng ngàn tấn cá và hải sản chết, phá hủy hàng trăm cây số vuông san hô và đảo biển, khiến cho cuộc sống của hàng triệu người dân miền Trung bị đảo lộn trong một thời gian dài có thể xem như một bài học cụ thể cho một số thảm họa môi trường gần đây. Thảm họa môi trường có nguyên nhân từ tự nhiên hoặc có thể do con người. Theo GS. Lê Huy Bá, phần lớn các thảm họa môi trường đều do con người gây ra, một số thì do thiên tai nhưng cũng có khi do cả hai yếu tố trên tác động [20]. Nhưng nguyên nhân được gây ra bởi con người thường nguy hại và nghiêm trọng. Lợi dụng những yếu tố mặt trái của công nghiệp 4.0, các hành vi hủy hoại môi trường sẽ ngày càng nguy hiểm và tinh vi, khó lường.

Trong khuôn khổ chương trình Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2019, ngày 13/5, tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Tam Chúc (huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam,) Hội thảo quốc tế về chủ đề “*Phật giáo và cách mạng công nghiệp 4.0*” đã được tổ chức. Theo Thượng tọa Thích Đức Thiện - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Phật giáo quốc tế GHPGVN: “Hội thảo được tổ chức nhằm làm rõ khái niệm cách mạng công nghiệp 4.0 và những thuận lợi cũng như những điểm cần lưu ý khi ứng dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trong hoằng dương chánh pháp”. Những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ góp phần hỗ trợ Phật giáo trong hoạt động tổ chức, quản lý và hoằng pháp, đưa Phật giáo tới gần hơn nữa sinh hoạt đời sống người dân được khẳng định tại Hội thảo. Về phía Phật giáo đã đóng góp không nhỏ cho công nghiệp 4.0, đặc biệt là việc tuyên truyền, phổ biến giáo lý nhà Phật về môi trường giúp loại bỏ những luận điểm xuyên tạc trên không gian mạng. Cần nói thêm, thành tựu của công nghiệp 4.0 đã tạo điều kiện để nâng cao hiệu suất bao nhiêu thì càng có nhiều hành vi hủy hoại môi trường đi ngược lại với lý tưởng sống hài hòa với thiên nhiên trong giáo lý, giới luật Phật giáo. Tuy nhiên, không vì vậy mà nhân loại từ bỏ tất cả những thành tựu mà công nghiệp 4.0 mang lại, bởi vì từ bỏ đồng nghĩa là kéo lùi bánh xe lịch sử.

Việc nắm bắt xu hướng mặt trái của công nghiệp 4.0 vừa giải quyết được bài toán môi trường vừa không tự đẩy cuộc sống con người vào cánh cửa hẹp. Muốn vậy, cần có chủ trương, chính sách, chương trình tiếp cận cuộc cách mạng này với tầm nhìn dài hạn, có tính đến tác động, rủi ro trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, pháp luật và môi trường. Đồng thời, tăng cường lan tỏa giá trị đạo đức Phật giáo từ bỏ các tâm lý tiêu cực tham, sân, si để góp phần hạn chế các nguy cơ mất an toàn về thông tin nói chung và thông tin về môi trường nói riêng, một trong những thách thức đáng lo ngại nhất của công nghiệp 4.0 [146; tr.125].

### **4.3. Một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của Phật giáo Việt Nam trong hoạt động bảo vệ môi trường**

#### **4.3.1. Về quan điểm, chính sách bảo vệ môi trường**

##### **4.3.1.1. Về phía hệ thống chính trị các cấp**

*Thứ nhất, tiếp tục đổi mới quan điểm về lĩnh vực tôn giáo, trong đó chú ý phát huy nguồn lực xã hội của các tổ chức tôn giáo vào bảo vệ môi trường.*

Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới là bước ngoặt, khởi đầu cho quan điểm đổi mới của Đảng ta về lĩnh vực tôn giáo. Điều này thể hiện rõ tiến trình phát triển tư duy lý luận của Đảng về tôn giáo và công tác tôn giáo. Quan điểm của Đảng đã thực sự đi vào cuộc sống. Tình hình tôn giáo ở nước ta dần ổn định, nền nếp, hoạt động tôn giáo tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, quan điểm về lĩnh vực tôn giáo vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Các văn bản của Đảng chỉ xoay quanh ba luận điểm nhận thức về tôn giáo và ba quan điểm chỉ đạo công tác tôn giáo theo tinh thần Nghị quyết số 24. Phải chờ đến gần ba thập kỷ, Đảng ta mới có những quan điểm có tính đột phá về nhận thức trong Chỉ thị số 18 – CT/TW (ngày 10/1//2018) và Văn kiện Đại hội XIII khi khẳng định nguồn lực tôn giáo đối với sự phát triển đất nước. Tuy nhiên, dường như vẫn thiếu những văn bản quy phạm pháp luật chi tiết hóa, cụ thể hóa cho bước đột phá về tư duy đối với vấn đề này.

Vì vậy, trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới quan điểm về lĩnh vực tôn giáo, trong đó chú ý phát huy nguồn lực xã hội to lớn của các tổ chức tôn giáo bằng những văn bản hướng dẫn cụ thể. Phật giáo với một lực lượng tín đồ hùng hậu đã và đang có những đóng góp to lớn cho sự phát triển xã hội Việt Nam. Ngày nay, các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng đang hướng về xã hội thế tục, tích cực tham gia vào nhiều mặt của đời sống xã hội. Nguồn lực xã hội của tôn giáo sẽ phát huy được thế mạnh trong lĩnh vực BVMT, vốn là ưu thế của Phật giáo.

*Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện chính sách về tôn giáo, trong đó tạo điều kiện cho tôn giáo tham gia nhiều hơn vào hoạt động bảo vệ môi trường.*

Quan điểm về lĩnh vực tôn giáo của Đảng có những thay đổi mang tính bước ngoặt với Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị. Lộ trình xây dựng và hoàn thiện luật pháp về tôn giáo được đặt ra, các tôn giáo ở Việt Nam từng bước được thụ hưởng quá trình đổi mới chính sách về tôn giáo. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, chính sách về tôn giáo có nhiều thành tựu được ghi nhận nhưng cũng không ít vướng mắc cần tháo gỡ. Để Phật giáo tham gia nhiều hơn vào hoạt động xã hội, đặc biệt là hoạt động BVMT, cần trao cho tổ chức tôn giáo này các quyền và nghĩa vụ dân sự như các pháp nhân khác. Trên thế giới, các tổ chức tôn giáo có pháp nhân được tham gia vào tất cả hoạt động xã hội miễn là tổ chức tôn giáo chứng minh được năng lực của mình và đáp ứng các điều kiện quy định của luật pháp. Giữa các pháp nhân như pháp nhân tôn giáo, pháp nhân dân sự hay pháp nhân thương mại không có rào cản.

Mỗi nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đều quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công phục vụ cho người dân. Hạ tầng đi trước làm nền tảng cho các dịch vụ phát triển đi kèm. Tuy nhiên, nguồn vốn để đầu tư cho cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công nếu thuộc về Nhà nước thì ảnh hưởng đến quỹ công dành cho các lĩnh vực khác. Vì vậy, ở các nước phát triển, Nhà nước thường kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các dự án này, trong đó các tổ chức tôn giáo có đóng góp không nhỏ.

Ở nhiều thành phố thuộc các tiểu bang của Hoa Kỳ như Chicago (Illinois), Baltimore (Maryland), nhiều dự án phát triển kinh tế và cung cấp các dịch vụ xã hội của các tổ chức tôn giáo được đánh giá cao về tính hiệu quả. Nhiều bộ ngành ở Hoa Kỳ đồng tham gia như một đối tác và cam kết thực hiện các sáng kiến của Hiệp hội Phát triển Cộng đồng Kitô giáo. Ở Việt Nam, việc Phật giáo tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội, giáo dục là xu thế khách quan, phù hợp với thông lệ luật pháp quốc tế. Do đó, chính quyền cần có cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện, khuyến khích cho Phật

giáo tham gia nhiều hơn vào hoạt động BVMT. Có như vậy, Phật giáo mới có cơ hội tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ hay tổ chức quốc tế triển khai các hoạt động BVMT; chứng minh năng lực, tính chuyên nghiệp của mình so với các pháp nhân thương mại khác, thậm chí với các cơ quan của chính phủ.

#### ***4.3.1.2. Về phía Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp***

*Thứ nhất, quan điểm, chính sách của GHPGVN về BVMT cần được cụ thể hóa qua các văn bản hướng dẫn để Phật tử và người dân nhận diện.*

Lần đầu tiên một văn bản mang tính pháp lý bàn về BVMT được thông qua tại Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của GHPGVN. Điều này đánh dấu bước chuyển trong tư duy của GHPGVN về BVMT. Tuy nhiên, trước khi có sự thay đổi này trong quan điểm của GHPGVN về BVMT ở nước ta chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu, thông điệp mang tính cổ vũ động viên hơn việc ràng buộc về mặt pháp lý. Cần nói thêm, những khẩu hiệu, thông điệp của GHPGVN được truyền tải thông qua ngôn ngữ Phật giáo gây không ít khó khăn cho Phật tử và người dân trong nhận diện hết tinh thần của nhà Phật. Vì vậy, việc cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn là hết sức cần thiết, đặc biệt gắn với Việt hóa ngôn ngữ thì hiệu quả đối với hoạt động BVMT cao hơn.

*Thứ hai, cần coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động Phật sự liên quan đến BVMT.*

Hàng năm, trong chương trình hoạt động Phật sự của GHPGVN các cấp đưa những nội dung của Chương trình phối hợp giữa UBTWMTTQVN, BTNMT với các tôn giáo về BVMT và UPVBĐKH. Thực ra, trước khi tham gia ký kết Chương trình này, GHPGVN các cấp đã có khá nhiều hoạt động liên quan đến BVMT. Tuy nhiên, GHPGVN các cấp dường như vẫn thiếu vắng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động liên quan đến BVMT. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng các hoạt động BVMT của Phật giáo Việt Nam.

### **4.3.2. Về phương pháp tham gia bảo vệ môi trường**

#### **4.3.2.1. Về phía hệ thống chính trị các cấp**

*Thứ nhất, chính quyền chủ động phối hợp với GHPGVN tiếp tục xây dựng những chương trình hành động BVMT cụ thể và hiệu quả.*

Căn cứ vào tình hình thực tế, chính quyền các cấp cần chủ động phối hợp với GHPGVN các cấp tìm kiếm giải pháp BVMT. Những mô hình của Phật giáo tham gia BVMT thời gian qua là minh chứng tiêu biểu cho sự phối hợp giữa chính quyền địa phương với cộng đồng Phật giáo trong hoạt động BVMT. Những bức xúc từ thực tế cuộc sống và định hướng phát triển, hầu hết các dự án đã dựa vào cộng đồng Phật giáo để thực hiện những mục tiêu của dự án, ngược lại mục tiêu của dự án phục vụ thiết thực và bền vững cho cộng đồng. Phật giáo chung tay cùng cộng đồng vì môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, thủ tục hành chính rườm rà là một trở ngại không nhỏ đến tiến độ và chất lượng của các hoạt động.

*Thứ hai, nâng cao công tác truyền thông môi trường đến chức sắc, nhà tu hành và tín đồ Phật giáo.*

Mặc dù khác nhau về cách thức tu tập, thực hành nghi lễ, đối tượng thờ cúng, nhưng đặc điểm chung của các hệ phái, tông phái, pháp tu Phật giáo là tập trung vào sự trải nghiệm sâu lắng. Vì lẽ đó, khác với các cộng đồng tôn giáo khác, tính cách chung của cộng đồng Phật giáo là không bị thu hút bởi bề nổi hào nhoáng của các cuộc vận động theo kiểu chiến dịch. Cho nên, nếu coi môi trường là một phần thực tại đáng quan tâm của Đời và Đạo, thì những phương pháp truyền thông theo kiểu nói nhiều, luận nhiều, ồn ào náo nhiệt chắc sẽ không mấy tác dụng trong cộng đồng Phật giáo. Các nhà truyền thông cần lưu tâm đến đặc thù này và sử dụng phương pháp tu tập của Phật giáo để tiến hành truyền thông sẽ mang lại hiệu quả cao cho chức sắc, nhà tu hành, Phật tử và người dân quy ngưỡng Phật giáo.

*Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác và hỗ trợ GHPGVN các giải pháp khoa học công nghệ trong BVMT.*

Những tiến bộ vĩ đại của khoa học kỹ thuật chỉ có thể ngăn cản sự gia tăng dồn dập của biến đổi khí hậu nếu có thêm sự quyết tâm, chung sức, đồng lòng của mọi người. Việc thực hiện một chương trình phối hợp giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng thời gian vừa qua là cách làm đúng đắn cần tiếp tục phát huy. BVMT không chỉ là công việc riêng của chính quyền hay tổ chức tôn giáo. Việc Phật giáo có nhiều thuận lợi khi tham gia chương trình BVMT vì trong lối sống giữ giới, tích nghiệp thiện của nhà tu hành và Phật tử đã hình thành thói quen tự giác đối với môi trường. Xuất phát từ niềm tin "làm thiện hưởng quả thiện", Phật giáo có thể tham gia tích cực vào công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân cùng nhau BVMT. Hơn nữa, giáo lý nhà Phật rất gần với các chương trình BVMT hiện nay. Tuy nhiên, ngoài sự hỗ trợ từ chính sách, chính quyền các cấp cần đưa các giải pháp khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động BVMT của Phật giáo. Trong tương lai, chính quyền và GHPGVN các cấp không chỉ là hỗ trợ mà còn hợp tác, không chỉ là nơi áp dụng mà còn là nơi ươm mầm những sáng kiến khoa học về BVMT.

#### ***4.3.2.2. Về phía Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp***

*Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện chương trình giảng dạy về môi trường và BVMT trong hệ thống cơ sở đào tạo Phật học các cấp.*

Từ khi GHPGVN được thành lập vào tháng 11/1981, vấn đề giáo dục, đào tạo Tăng tài được đặt ra như một nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. 40 mười năm phát triển và trưởng thành, GHPGVN có những bước tiến không ngừng về mọi mặt, trong đó công tác giáo dục đạt được những thành tựu đáng kể, trường lớp Phật học phát triển thành một hệ thống hoàn thiện, đào tạo nhiều thế hệ Tăng ni có trình độ Phật học cao, góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và phát triển Giáo hội, xây dựng đất nước Việt Nam vững mạnh. Bên cạnh đó, các khóa học chuyên môn, các lớp bồi dưỡng, các chuyên đề bổ trợ được tổ chức thường xuyên theo các cấp độ và quy mô khác nhau, làm phong phú và đa dạng các loại hình đào tạo của GHPGVN.



Các trường lớp Phật học của GHPGVN hiện nay tổ chức khá bài bản, quy định cụ thể đến từng cấp học, từng nội dung. Hệ thống đào tạo Phật học của GHPGVN có 3 cấp: Sơ cấp Phật học, Trung cấp Phật học và Học viện Phật giáo (đại học và sau đại học). Giáo lý nhà Phật có nhiều nội dung liên quan đến vấn đề môi trường. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc đưa nội dung môi trường vào chương trình học tập cho các Tăng ni sinh. Hiện tại chưa có giáo trình cụ thể về môi trường cho các Tăng ni sinh ở các hệ đào tạo. Vì vậy, nội dung môi trường rất cần thiết và nhanh chóng đưa vào các buổi thuyết pháp, sinh hoạt tôn giáo và chương trình đào tạo Phật học các cấp. Qua đó, Tăng ni sinh mở rộng tri thức về môi trường và BVMT để sau khi tốt nghiệp, họ sẽ gánh vác thêm trách nhiệm là hiện thực hóa vấn đề BVMT theo chương trình và đường hướng do GHPGVN đề ra. Trong chương trình đào tạo Phật học các cấp, “Phật giáo với bảo vệ môi trường” cần phải là một môn học bắt buộc. Giáo hội cần tập trung nhân lực xây dựng và hoàn thiện môn học này. Đồng thời, Giáo hội cần đẩy mạnh việc Việt hóa hệ thống kinh sách Phật giáo để tạo điều kiện thuận lợi hơn và hiệu quả hơn trong việc phổ cập kiến thức về môi trường cho Phật tử và người dân.

*Thứ hai, tăng cường nội dung liên quan đến môi trường và BVMT trong các buổi giảng pháp cho tín đồ và người dân.*

Giáo hội Phật giáo Việt Nam gần đây có nhiều hoạt động thiết thực góp phần giáo dục thanh niên, thiếu niên. Các tự viện tổ chức nhiều khóa tu, các trại hè dành cho thanh niên, thiếu niên. Thông qua đó giáo dục các em hiểu được lễ nghi, hiếu thuận, nhân quả, tội phúc, phải trái, biết ơn, đền ơn, báo hiếu và có trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Trong các buổi giảng pháp cho Phật tử và người dân, vấn đề môi trường cần phải là một nội dung quan trọng. Điều này rất có tác dụng, bởi vì với Phật tử và người dân, lời của các Tăng ni được coi như lời của Đức Phật. Các tự viện mở rộng hơn nữa các khóa tu cho Phật tử, nhất là giới trẻ, với nội dung phong phú và đa dạng, kết hợp giữa lý thuyết và điền dã, tham quan giới thiệu các mô hình sản xuất xanh.

*Thứ ba, tích cực tham gia các chương trình BVMT do chính quyền các cấp phát động.*

Việc tích cực tham gia các chương trình BVMT do chính quyền các cấp phát động là cơ hội xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền và Giáo hội, xa hơn là đối tác cho các dự án liên quan đến dịch vụ công. Thực tế, các chương trình BVMT của chính quyền phát động không phải lúc nào cũng nhận được sự tham gia của Giáo hội Phật giáo các cấp. Nguyên nhân có thể do Phật giáo không thích các chiến dịch ồn ào náo nhiệt, ảnh hưởng bởi đặc tính của tôn giáo này, có thể do một bộ phận ni giới còn e ngại tham gia các hoạt động xã hội bởi quy định chặt chẽ từ giới luật. Đồng thời, các chùa cần khuyến khích và vận động Phật tử và người dân xây dựng phong trào “trồng cây phúc đức”, “trồng cây trí đức” hằng năm vào các dịp lễ hội Phật giáo, lễ tiết dân tộc, thay cho tục lệ “hái lộc”, “bẻ lộc”; kêu gọi chuyển đổi hình thức đóng góp tiền cho việc xây dựng “chùa lâm viên” thay cho hình thức bố thí tiền gạo hoặc phóng sinh chim cá; kêu gọi lối sống thân thiện với môi trường ngay trong cộng đồng dân cư, khu vực sinh sống.

#### **4.3.3. Về lực lượng tham gia bảo vệ môi trường**

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Phật giáo động viên Phật tử phát triển sản xuất kinh doanh. Giới tăng sĩ cũng tổ chức các buổi khuyến thiện để các doanh nhân giúp đỡ người nghèo, xây dựng đạo đức, lối sống từ bi, hỉ xả, cân bằng tâm lý vì đồng tiền, cạnh tranh khốc liệt. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tác động không nhỏ đến môi trường. Sự vô trách nhiệm trong BVMT, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng dẫn đến hàng triệu, thậm chí hàng chục triệu người dân và một vùng rộng lớn phải chịu hậu quả lớn trong thời gian dài. Do đó, trong hoạt động bảo BVMT ở nước ta hiện nay, một mặt Đảng và Nhà nước cần có những biện pháp mạnh kiểm soát hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp không ảnh hưởng đến môi trường. Mặt khác, các tăng sĩ là người hỗ trợ tinh thần cho các nhà kinh doanh, xây dựng lối làm giàu chính đáng.

*Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để doanh nghiệp nhận thức được trách nhiệm BVMT thông qua việc làm cụ thể, thiết thực.*

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến BVMT cần được tuyên truyền cho chủ doanh nghiệp nắm rõ bản chất, mối quan hệ giữa con người với môi trường sinh thái. Hình thức tuyên truyền về BVMT đối với doanh nghiệp cần đa dạng hóa như hội thảo, hội thi, truyền thông, internet, tờ rơi,...

Ngoài việc sử dụng các biện pháp tuyên truyền, tùy từng nhóm đối tượng phù hợp, các doanh nghiệp cần được tham gia các lớp tập huấn góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội của họ đối với môi trường. Cụ thể, đối với lãnh đạo cao cấp doanh nghiệp, cần tập trung nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, lợi ích tổng thể của việc đầu tư cho BVMT. Đối với nhóm cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ phụ trách tài chính - kế hoạch doanh nghiệp thì cần nâng cao nhận thức về xây dựng hệ thống quản lý môi trường nội bộ, xây dựng dự án sản xuất sạch, chi phí, lợi ích của việc áp dụng sản xuất sạch.

*Thứ hai, doanh nghiệp cần có ý thức giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng, lợi nhuận phải trên cơ sở không tổn hại môi trường, đảm bảo bảo sức khỏe người dân.*

Một doanh nghiệp phát triển bền vững phải tuân thủ hai nguyên tắc: sản phẩm sạch và sản phẩm thân thiện với môi trường. Hai nguyên tắc này sẽ thuyết phục được người tiêu dùng quyết định lựa chọn sản phẩm. Mặc dù giải pháp này buộc doanh nghiệp phải gánh thêm chi phí BVMT nhưng bù lại, một khối lượng lớn sản phẩm có cơ hội được bán ra. Trong xã hội hiện đại, một sản phẩm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng không chỉ mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, hỗ trợ tốt mà còn phải gồm các tiêu chí về môi trường. Ngược lại, những doanh nghiệp đi trái với xu thế của xã hội hiện đại, sản phẩm của họ có nguy cơ bị tẩy chay. Do đó, cần phát triển mạnh các công ty tư vấn về công nghệ sạch để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh.

*Ba là, cần có những hình thức tuyên dương và khen thưởng, động viên kịp thời các doanh nghiệp làm tốt công tác BVMT, đồng thời xử lý nghiêm những doanh nghiệp gây tổn hại môi trường.*

Những doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định về BVMT cần được chính quyền các cấp khuyến khích, tôn vinh, tạo động lực cho các doanh nghiệp khác noi theo. Đồng thời, chính quyền các cấp phải công khai xử phạt nghiêm khắc những doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và không tuân thủ pháp luật về BVMT.

*Thứ tư, doanh nghiệp cần phối hợp với GHPGVN các cấp để phát triển nguồn thực phẩm thay thế an toàn không lệ thuộc vào chất đạm động vật.*

Thực phẩm hiện nay trong nhân dân phần lớn có nguồn gốc từ động vật. Khoa học chứng minh một tỷ lệ quá lớn chất đạm động vật trong khẩu phần ăn hằng ngày có nguy cơ dẫn đến nhiều căn bệnh nan y. Phật giáo Đại thừa chủ trương ăn chay, một trong những phương pháp hữu hiệu bảo vệ sức khỏe cho bản thân người ăn chay đồng thời là một trong những cách thức khả thi góp phần BVMT. Kinh nghiệm chế biến đồ chay là gợi ý cho sự hợp tác giữa Phật giáo và các doanh nghiệp giúp cho Phật tử và người dân thay đổi thói quen ăn uống hằng ngày.

#### **4.3.4. Về các mô hình bảo vệ môi trường**

*Một là, chú trọng phát triển mô hình cơ sở tự viện sinh thái với rừng thiên, vườn thiên*

Phật giáo có truyền thống quan tâm BVMT, nhất là kiến tạo không gian xanh, không gian thanh tịnh ở tự viện. Chính cảnh quan thanh tịnh, non nước hữu tình của các tự viện đang trở thành khu văn hóa tâm linh góp phần tích cực gắn kết con người với môi trường tự nhiên, nâng cao ý thức BVMT.

Việc xây dựng cơ sở thờ tự của Phật giáo trong thời gian vừa qua giúp khai hoang những vùng đất ít người đặt chân đến, mở đường cho cơ sở hạ tầng phát triển, đồng thời tạo ra thế lực vô hình bảo vệ tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Chùa chiền, tự viện có thể nhận và bảo vệ rừng quanh nơi thờ tự

theo quy định của Nhà nước. Nếu điều kiện thuận lợi, Phật giáo Việt Nam có thể lập “tĩnh tâm viên”, “rừng thiền” theo mô hình của Phật giáo Thái Lan hay Phật giáo Myanmar.

Hiện nay, nước ta có gần 500 ngôi chùa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Những ngôi chùa với cây cối xanh tươi, ao hồ sạch đẹp, không khí trong lành và nếp sống an bình là cảnh quan có thể kết hợp du lịch xanh với du lịch tâm linh, tạo môi trường cho Phật tử và du khách thập phương tìm đến tham quan, chiêm bái, nghe pháp và sống thiền. Đồng thời, các điểm hành hương tâm linh này còn tạo ra công ăn việc làm cho hàng ngàn người ổn định cuộc sống, góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp cho xã hội.

*Hai là, xây dựng các mô hình trọng điểm BVMT của Phật giáo trên cơ sở khai thác tối đa cách thức BVMT xã hội độc đáo.*

Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng được nhiều mô hình BVMT, bao gồm không chỉ các mô hình do Giáo hội thực hiện mà còn các mô hình phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động này còn thiếu vắng những mô hình trọng điểm, tạo nên dấu ấn thực sự làm nên sự khác biệt giữa Phật giáo với một số tổ chức tôn giáo khác. Các khóa tu mùa hè do GHPGVN tổ chức, ăn chay, phóng sinh là những cách thức BVMT xã hội hết sức độc đáo cần được chú trọng khai thác trong thời gian tới.

Mô hình BVMT của Phật giáo Đài Loan như đã nêu gợi ý cho phương thức tham gia vào đời sống xã hội hiện đại của Phật giáo Việt Nam. Các chức sắc, nhà tu hành Phật giáo không chỉ BVMT sinh hoạt, BVMT thân thể, BVMT lễ nghi mà còn BVMT xã hội. Gắn với từng phương diện của cuộc sống vật chất, mỗi Tăng ni và Phật tử tự ý thức vấn đề BVMT.

Vì vậy, việc GHPGVN các cấp xây dựng các mô hình trọng điểm là hết sức cần thiết trong thời gian tới trên cơ sở khai thác tối đa những cách thức BVMT phù hợp đặc biệt là cách thức BVMT xã hội để tạo thêm nhiều thay đổi đặc biệt thay đổi trong tư duy của cộng đồng Phật tử và nhân dân với vấn đề môi trường.

#### **Tiểu kết Chương 4:**

Mối quan hệ bình đẳng giữa tự nhiên và xã hội cũng như sự tác động qua lại lẫn nhau giữa con người và môi trường sống theo quan niệm của Đức Phật được cụ thể hóa trong thực tiễn tham gia BVMT thời gian qua của Phật giáo nước ta. Với chủ trương, chính sách và phương pháp phù hợp, GHPGVN các cấp đã có những hoạt động BVMT nổi bật thời gian qua. Tuy nhiên, thực tiễn BVMT của Phật giáo Việt Nam cũng nảy sinh một số vấn đề cần giải quyết. Đó là cần hóa giải những điểm thiếu tương đồng giữa quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước với giáo lý, giới luật của Phật giáo trên lĩnh vực BVMT; sự thiếu hoàn thiện về quan điểm, chính sách để Phật giáo tham gia BVMT; sự thiếu đồng bộ về nhận thức trong chức sắc, tín đồ về vai trò, trách nhiệm của Phật giáo tham gia BVMT; sự phối hợp chặt chẽ giữa GHPGVN các cấp với các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc vận động, hướng dẫn chức sắc, nhà tu hành, tín đồ Phật giáo tham gia BVMT. Bên cạnh đó, công tác quản lý cần dự báo xu hướng BVMT trên cả hai phương diện tiêu cực và tích cực để có hướng giải quyết kịp thời.

Việc tiếp tục hoàn thiện quan điểm, chính sách từ phía Đảng, Nhà nước và bản thân GHPGVN là đòi hỏi bức thiết nhằm tháo gỡ những vấn đề nảy sinh thực tiễn tham gia BVMT của Phật giáo Việt Nam. Đó là những khuyến nghị đối với quan điểm, chính sách; cách thức tham gia BVMT; lực lượng tham gia BVMT và các mô hình BVMT với tinh thần kết hợp các giải pháp chế tài về mặt nhà nước, khoa học kỹ thuật và nguyên tắc đạo đức Phật giáo nhằm đưa hoạt động BVMT đi vào chiều sâu, có hiệu quả thực sự.

## KẾT LUẬN

1. Bảo vệ môi trường là một nội dung cốt lõi của mục tiêu phát triển bền vững đất nước ta hiện nay. Trong bối cảnh đó, việc phát huy vai trò của tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng đối với BVMT mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đề ra nhiều chủ trương, biện pháp về BVMT, với thông điệp "không đánh đổi môi trường để tăng trưởng kinh tế". Mặc dù đạt được kết quả bước đầu đáng ghi nhận về BVMT, nhưng thách thức mà nước ta đang phải đối mặt là rất lớn. Đó là tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường ở một số khu vực đô thị, nông thôn, khu công nghiệp và làng nghề; tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức, thiếu bền vững, việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, quá trình đô thị hóa, các thảm họa do thiên tai và diễn biến xấu về khí hậu toàn cầu tăng cao, gây áp lực lớn lên tài nguyên và môi trường. Theo cảnh báo của các chuyên gia môi trường quốc tế, trong một thập kỷ tới, GDP của Việt Nam có thể tăng gấp đôi, nhưng tính trung bình GDP cứ tăng 1% thì thiệt hại do ô nhiễm môi trường sẽ làm mất đi khoảng 3% GDP nếu công tác BVMT không được quan tâm đúng mức.

2. Thực trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ở nước ta nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu do con người gây ra. Nếu không có hành động và giải pháp tận gốc, liên quan đến nhận thức và hành động của con người thì tác động nặng nề do ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ở nước ta thời gian tới sẽ tiếp tục gia tăng về tần suất và cường độ. Đó không chỉ là hành động gắn với pháp luật mà còn cần tới các giải pháp gắn với đạo đức để tấn công trực diện vào ý thức mỗi người. Những tiến bộ vĩ đại mà cách mạng khoa học công nghệ mang lại không thể ngăn chặn được sự gia tăng dồn dập của biến đổi khí hậu, nếu không có sự quyết tâm, chung sức, đồng lòng của tất cả thành phần trong xã hội. Với ý nghĩa đó, các thông điệp BVMT trong giáo lý, giới luật của Phật giáo là một trong những giải pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng này.

3. Nghiên cứu ban đầu của luận án cho thấy, Phật giáo Việt Nam có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để tham gia BVMT ở nước ta hiện nay. Giáo lý Phật giáo đề cao việc con người đối xử tốt với thiên nhiên, hài hòa với thiên nhiên có đóng góp tích cực trong việc hình thành và xây dựng đạo đức sinh thái hiện nay. Thuyết Duyên khởi giúp Tăng ni, Phật tử và nhân dân hiểu được việc hủy hoại môi trường thiên nhiên đồng nghĩa với hủy hoại môi trường sống của con người. Nhận thức được điều này, Tăng ni, Phật tử và nhân dân sẽ cẩn trọng hơn trong mỗi hành động trước khi tác động đến thiên nhiên.

4. Thời gian qua, Phật giáo Việt Nam đã xây dựng được nhiều mô hình BVMT hiệu quả, nhiều cách làm sáng tạo. Các mô hình BVMT hiệu quả, cách làm hay được Phật giáo triển khai thực hiện. Gắn việc xây dựng mô hình và tham gia BVMT là một trong những tiêu chí để đánh giá, bình xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đặc biệt, những mô hình này phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần tạo được sự chuyển biến mạnh về nhận thức và làm thay đổi thái độ, hành vi, thói quen của các chức sắc, nhà tu hành, Phật tử và người dân trong BVMT và UPBĐKH. Tuy nhiên, các mô hình BVMT của Phật giáo Việt Nam thời gian qua còn mang tính chất tự phát mà chưa có một chiến lược dài hạn như Phật giáo một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

5. Việc GHPGVN tham gia BVMT là chủ trương đúng đắn và phù hợp xu thế quốc tế hiện nay. Một phần trách nhiệm trong hoạt động BVMT cần được chia sẻ bởi Phật giáo thông qua sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách của Nhà nước Việt Nam. Sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách là cơ sở để xác định trách nhiệm, thước đo hiệu quả đóng góp của Phật giáo trong hoạt động BVMT. Qua đó khẳng định đường hướng sống “tốt đời, đẹp đạo” của Phật giáo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân là đúng đắn, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội; tăng cường sự hiểu biết gắn bó, đoàn kết giữa các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc./.



## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bùi Hồng Thanh (2018), “*Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường ở một số nước trên thế giới hiện nay và ý nghĩa đối với Việt Nam*”, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 10.
2. Bùi Hồng Thanh (2019), “*Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường – Trường hợp một số ngôi chùa ở Hà Nội*”, Tạp chí Thông tin Khoa học Lý luận Chính trị, số 10.
3. Bùi Hồng Thanh (2019), “*Một số vấn đề đặt ra trong hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam*”, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số 12.
4. Bùi Hồng Thanh (2020), “*Phát huy nguồn lực Phật giáo trong xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường ở nước ta*”, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 11.
5. Bùi Hồng Thanh (2021), “*Một số xu hướng bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam trong đời sống đương đại*”, Tạp chí Công tác tôn giáo, số 9.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý An (1992), “Những quan điểm chủ yếu về môi trường và phát triển tại Hội nghị Ri – ô 92”, *Tạp chí Thông tin môi trường*, (3), tr.3-7.
2. Anand Singh (2014), “Buddhist Response to Global Warming & Environmental Protection: Ideology, Methodology and Dissemination”, trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.1-20.
3. Mỹ Anh, *Tập quán mai táng của người Việt Nam - Xu hướng biến đổi và những vấn đề đặt ra*, tại trang <http://dcsvn.vn>, [truy cập ngày 30/9/2019].
4. Lê Huy Bá (chủ biên), Vũ Chí Hiếu, Võ Đình Long (2002), “*Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững*”, Nxb Khoa học và kỹ thuật, TP Hồ Chí Minh.
5. Ban Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2011), *Báo cáo nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm huy động sự tham gia của hệ thống tôn giáo vào quá trình xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
6. Ban Nghi lễ Trung ương (2007), *Những giải pháp góp phần phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong tương lai*, Tham luận tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần VI, Hà Nội.
7. Ban thường trực UBTW MTTQ - Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Hướng dẫn Xây dựng chương trình/ kế hoạch phối hợp giữa Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố với tổ chức tôn giáo thực hiện bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Hà Nội.
8. Phạm Văn Boong (2002), *Ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Bộ chính trị (1998), *Chỉ thị số 36/CT-TW ngày 25/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Hà Nội.
10. Bộ chính trị (2004), *Nghị quyết 41/NQ-TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Hà Nội.
11. Bộ chính trị (2009), *Chỉ thị số 29/CT-TW về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41/NQ-TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Hà Nội.
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2010), *Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010*, Hà Nội.
13. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2004), *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), *Chương trình nghị sự 21 của Việt nam về Tài nguyên – môi trường*, Hà Nội.
15. Bộ Tài nguyên và môi trường (2014), *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030* (Ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21/1/2014 của Thủ tướng chính phủ), Hà Nội.
16. Bikiran Prasad Barua (2014), “Buddha’s way to Protect Environment and to the Minimization”, trong Thích Nhật Từ và Thích Nhuận Đạt, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.269-290.
17. C. Mác - Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập (tập 1)*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. C. Mác - Ph. Ăng ghen (1994), *Toàn tập (tập 20)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Lê Thạc Cán, Trương Quang Học, Phan Quang Thắng (2003), *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. Minh Châu (2016), *Xung đột trong phát triển kinh tế và thảm họa môi trường*, <http://vnuhcm.edu.vn>, [truy cập ngày 25/9/2019].
21. Thích Minh Châu (2013), “*Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người*”, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
22. Thích Minh Châu, Minh Chi (1991), *Từ điển Phật học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Trần Linh Chi, Nguyễn Song Tùng (2014), “Truyền thông môi trường trong tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (1), tr. 117-129.
24. Doãn Chính (1997), *Tư tưởng giải thoát trong triết học Ấn Độ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đoàn Trung Còn (2015), *Lịch sử nhà Phật*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
26. Nguyễn Trọng Chuẩn (1980), "Những tư tưởng của Ph.Ăngghen về quan hệ giữa con người và tự nhiên trong "Biện chứng của tự nhiên"", *Tạp chí Triết học*, (4), tr. 119-137.
27. Nguyễn Trọng Chuẩn (1992), “*Tăng trưởng kinh tế và những bảo đảm cần có nhằm duy trì môi trường cho sự phát triển lâu bền*”, *Tạp chí Triết học*, (4), tr. 12-16.
28. Nguyễn Trọng Chuẩn (2016), “*Trách nhiệm và vai trò của Phật giáo bảo vệ môi trường*”, *Tạp chí Khuông Việt*, (5), tr.69-74.
29. Trương Văn Chung, Thích Nhật Từ, Nguyễn Công Lý và Thích Bửu Chánh (biên tập) (2015), *Phật giáo vùng Mê - kông: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, TP HCM.
30. Nguyễn Bá Cường (2016), “*Tư tưởng triết học của Nguyễn Bình Khiêm về tự nhiên và cách ứng xử của con người với tự nhiên*”, *Tạp chí Triết học*, (3), tr.49-58.
31. Devin Bowles (2014), “*The Concept of Dependent Arising in Reducing the Likelihood and Effects of Climate - Related Conflict*”, trong Thích

- Nhật Từ và Thích Đức Thiện, chủ biên, Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.65-82.
32. Dhammacarini Amoghamati Traud - Dubois (2014), “Eating animals: Implications from Environmental and Buddhist point of view”, trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.203-218.
  33. Thành Dũng (2010), *Mặc sức phóng sinh rùa tai đỏ*, tại trang <http://cand.com.vn>, [truy cập ngày 28/8/2019].
  34. Trần Văn Dẫn (2010), “Giới luật Phật giáo – một giải pháp hữu hiệu cho vấn nạn môi trường”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (8), tr.27-33.
  35. Đào Thị Mỹ Dung (2015), “Phật giáo vùng Mê kong với sự hâm nóng toàn cầu về bảo vệ môi trường”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê Kong: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr. 123-139.
  36. Vũ Trọng Dung (2009), *Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái (Sách chuyên khảo)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  37. Lê Anh Dũng (2005), “Đạo đức học môi trường từ góc nhìn văn hoá tôn giáo”, *Tạp chí Công giáo và dân tộc*, (190), tr.80-89.
  38. Lê Anh Dũng (2003), “Tôn giáo và đạo đức học môi trường”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (4), tr. 17-21.
  39. Đại tạng kinh Việt Nam 3 (1992), Kinh Trung Bộ , tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP HCM.
  40. Đại tạng kinh Việt Nam 4 (1992), Kinh Trung Bộ, tập 2, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP HCM.
  41. Đại tạng kinh Việt Nam 5 (1992), Kinh Trung Bộ, tập 3, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP HCM.
  42. Đại tạng kinh Việt Nam 6 (1993), Kinh Tương Ưng bộ, Tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  43. Đại tạng kinh Việt Nam 7 (1993), Kinh Tương Ưng bộ, Tập 2, Viện

- Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
44. Đại tạng kinh Việt Nam 8 (1993), Kinh Tương Ưng bộ, Tập 3, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  45. Đại tạng kinh Việt Nam 9 (1993), Kinh Tương Ưng bộ, Tập 4, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  46. Đại tạng kinh Việt Nam 10 (1993), Kinh Tương Ưng bộ, Tập 5, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  47. Đại tạng kinh Việt Nam 11 (1996), Kinh Tăng Chi bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  48. Đại tạng kinh Việt Nam 12 (1996), Kinh Tăng Chi bộ, tập 2, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  49. Đại tạng kinh Việt Nam 13 (1996), Kinh Tăng Chi bộ, tập 3, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  50. Đại tạng kinh Việt Nam (1999), Kinh Tiểu bộ, tập 1, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, TP Hồ Chí Minh.
  51. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
  52. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
  53. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  54. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Chỉ thị 36-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa IX), Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
  55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban*

- chấp hành Trung ương khóa X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.*
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 41-NQ/TW bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
  59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Chỉ thị số 29-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
  60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013, Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
  62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Chỉ thị 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Bộ Chính trị, Về ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường*, Hà Nội.
  63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận số 02-KL/TW ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
  65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  66. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Tập 1, Hà Nội.
  67. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Tập 2, Hà Nội
  68. Nguyễn Tất Đạt (2011), *Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật*

- giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Thích Nhuận Đạt (dịch) (2010), *Đạo Phật và môi trường*, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
  70. Thích Phước Đạt (2011), *Quan điểm của Phật giáo về thái độ sống bảo vệ môi sinh*, <http://www.phattuvietnam.net>, [truy cập ngày 25/8/2016].
  71. Lê Tâm Đắc, Nguyễn Đức Sự (2011), *Vài nét về các đoàn thể Phật giáo ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, (11), tr.19.
  72. Nguyễn Khắc Đức (2008), *Vai trò của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, (7), tr.44-48.
  73. Ngô Quốc Đông (2014), “Tác động tôn giáo tới nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường của tín đồ các tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (10), tr. 55-69.
  74. Nguyễn Đức Đông (2010), “Quan điểm của Phật giáo về môi trường sinh thái”, trong Thích Nhuận Đạt, dịch, *Đạo Phật và môi trường*, Nxb TP.HCM,TPHCM.
  75. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân Ban Ni giới Trung ương (2014), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2014*, TP Hồ Chí Minh.
  76. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2017), *Nghị quyết số 340/NQ.HĐTS Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc GHPGVN lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2017-2022*, Hà Nội
  77. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2019), *Công văn số 248/CV- HĐTS về việc hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và phong trào của Bộ TN&MT về chống rác thải nhựa*, Hà Nội.
  78. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2019), *Nghị quyết hội nghị kỳ IV - khóa VIII Hội đồng Trị sự giáo hội Phật giáo Việt Nam*, số 522, TP Hồ Chí Minh.
  79. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam (1999), *Kinh Pháp Cú*, Thích Minh Châu (dịch), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
  80. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2002), *Kinh Nhật Tụng*, Thiệu Chửu



- (biên dịch), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
81. Bích Hà (2018), *Giáo Hội Phật giáo Việt Nam đề nghị bỏ tục đốt vàng mã, mê tín dị đoan*, tại trang <http://laodong.vn>, [truy cập 22/2/2018].
  82. Lê Thị Thanh Hà (2012), *Vai trò của Nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
  83. Lê Thị Thanh Hà (2013), *Nhà nước Việt Nam đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội.
  84. Nguyễn Thị Thu Hà, Phan Thị Hồng Xuân (2015), “Thuyết Duyên khởi - Giá trị ứng dụng bảo vệ môi trường ở một số quốc gia Phật giáo Theravada thuộc tiểu vùng sông Mê kong”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê kong: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr.50-76.
  85. Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Minh (2005), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
  86. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2015), “Vận dụng lời Phật dạy để giữ gìn dòng sông Mê Kong”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê Kong: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr.91-107.
  87. Thích Nhất Hạnh (2017), *Hướng đi của đạo Bụt cho hòa bình và môi sinh*, Nxb Lao động, Hà Nội.
  88. Trần Hoàng Hảo, Phan Thị Hồng Xuân (2015), “Phật giáo với vấn đề môi trường và quản lý môi trường (Qua phân tích trường hợp hạ lưu sông Mê Kong - Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam)”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê kong: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr.35-49.

89. Phạm Thanh Hằng, Đỗ Lan Hiền (2019), *Sinh thái học tôn giáo lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
90. Nguyễn Hùng Hậu (2015), *Phật giáo với việc bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay*, Sách Văn hoá tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
91. Thích Hân Hiền (1998), *Giáo lý cơ bản*, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
92. Thích Thiện Hoa (2015), *Phật học phổ thông*, (quyển 1,2,3), Nxb Phương Đông, Hà Nội.
93. Nguyễn Đình Hòe (2012), *Bảo vệ môi trường và đạo Phật ở Việt Nam: Bài 1 - Môi trường trong kinh sách và trong thuyết giảng của các vị tăng ni và cư sĩ*, tại trang <http://vacne.org.vn>, [truy cập ngày 25/6/2016].
94. Nguyễn Đình Hòe, Lê Đức Chung, Đặng Đình Long (biên soạn) (2012), *Truyền thông môi trường cho cộng đồng Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
95. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
96. Đỗ Trọng Hưng (2015), *Kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
97. Nguyễn Quang Hưng, *Vai trò của tôn giáo trong việc bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, tại <http://btgcp.gov.vn>, [truy cập ngày 25/8/2018].
98. Nguyễn Thi Lan Hương (2009), “Trách nhiệm môi trường – một phương diện của trách nhiệm xã hội”, *Tạp chí Triết học*, (8), tr. 32-36.
99. Indu Girish (2014), “Compatibility of Buddhism and Ecology”, trong Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.145-164.
100. Kawada Yoichi (2010), “Quan niệm của Phật giáo Đại thừa về nhân loại, trái đất và vũ trụ”, trong Thích Nhuận Đạt, dịch, *Đạo Phật và môi*

- trường*, Nxb TPHCM, tr.43-81.
101. Phạm Kim Khánh (dịch) (1995), *Phật giáo một nguồn hạnh phúc*, NXB TP Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
  102. Nguyễn Đức Khiển (2002), *Kinh tế môi trường*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
  103. Lương Quý Khương, Nguyễn Thiện Chân (2021), “*Phật giáo và vấn đề bảo vệ môi trường: Nghiên cứu trường hợp tại Thành phố Đà Nẵng*”, Tạp chí Khoa học và công nghệ, (2), tr. 46-51.
  104. Nguyễn Thị Khương (2014), *Vai trò của Nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
  105. Thích Thọ Lạc (2016), “*Phật giáo trước vấn nạn môi trường*”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, (6), tr.10-12.
  106. Đặng Thị Lan (2006), *Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
  107. Đỗ Thị Ngọc Lan (1992), “*Về mối quan hệ giữa thích nghi và việc cải tạo môi trường tự nhiên trong quá trình hoạt động sống của con người*”, *Tạp chí Triết học*, (1), tr. 18-20.
  108. Đỗ Thị Ngọc Lan (1996), *Môi trường tự nhiên trong hoạt động sống của con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
  109. Đỗ Thị Ngọc Lan (2011), “*Từ cảnh báo của Ph.Ăng ghen về thảm họa thiên nhiên nghĩ về vai trò của nhà nước đối với bảo vệ môi trường sinh thái*”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7), tr. 25-28.
  110. Hoàng Thị Lan (2011), *Ảnh hưởng của đạo đức tôn giáo đối với đạo đức xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
  111. Nguyễn Công Lý và Thích Minh Ân (2015), “*Phật giáo với việc ứng xử và bảo vệ môi trường*”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê Kông: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb

- Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr.77-90.
112. Đức Khước Trác Mã (2009), “Mạn đàm về tập tục phóng sinh của dân tộc Tạng”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (3), tr. 58-61.
  113. Thích Thiện Minh (2015), “Phật giáo vùng Mêkong: Vấn đề môi trường và ứng xử với môi trường”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê Kong: Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr.21-34.
  114. Nguyễn Thị Mỹ (2015), “Phật giáo ứng dụng cho giải đáp các vấn đề môi trường của thế giới và xây dựng sự phát triển tiến bộ, công bằng xã hội – bền vững, ít cacbon”, trong Trương Văn Chung và các cộng sự, biên tập, *Phật giáo vùng Mê kong - Ý thức môi trường và toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM, tr.108-122.
  115. Thành Nam (2019), *Đừng mê muội trong thực hiện niềm tin tâm linh*, tại trang <http://nhandan.vn>, [truy cập ngày 28/8/2019].
  116. Khổng Thanh Ngân (2009), *Đạo đức sinh thái với việc bảo vệ môi trường tự nhiên ở nông thôn Hà Nội hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
  117. Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách (chủ biên) (1999), *Từ điển Phật học*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
  118. Phúc Nguyên (2018), Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường, <http://btgcp.gov.vn>, [truy cập ngày 30/8/2018].
  119. Thích Đàm Ngoãn (2016), “Vai trò của phụ nữ Phật giáo trong công tác bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng nông thôn mới”, Kỷ yếu Hội thảo Phụ nữ các tôn giáo vùng đồng bằng sông Hồng chung tay bảo vệ môi trường, Ninh Bình.
  120. Nhiều tác giả (2005), *Phật giáo trong thời đại của chúng ta*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
  121. Phạm Thị Oanh (2006), “Trở về tự nhiên - một sự phản ứng của nền

- văn minh”, *Tạp chí Triết học*, (4), tr.39-44.
122. Phạm Thị Oanh (2012), *Mối quan hệ con người –tự nhiên và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện khoa học xã hội.
  123. Peter Daniels (2014), “Buddhism, Climate Change and New Approaches to Energy for Sustainable Societies”, trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.21- 44.
  124. Hoàng Phê (chủ biên) (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
  125. Nguyễn Thế Phúc, Ngô Văn Trân (chủ biên) (2016), *Triết học Tôn giáo với những vấn đề nhân sinh quan: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
  126. Thích Chân Quang (2004), *Nghiệp và kết quả*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
  127. Thích Nữ Tịnh Quang (2011), “Đạo Phật và môi trường”, <http://www.chinhtin.vn>, [truy cập ngày 30/5/2016].
  128. Thích Trí Quảng (2016), “Quan điểm của Phật giáo về quyền sống của loài vật”, *Nguyệt san Giác ngộ*, (2), tr. 2-5.
  129. Thích Trí Quảng (2011), “Phật giáo và môi trường sinh thái”, <http://www.sangdaotrongdoi.vn>, [truy cập ngày 20/6/2016].
  130. Thích Trí Quảng (2010), Phật giáo và việc bảo vệ môi trường, <http://www.giacngo.vn>, [truy cập ngày 15/6/2016].
  131. Tế Quàn (2010), “ Tư tưởng bảo vệ môi trường của Phật giáo”, trong Thích Nhuận Đạt, dịch, *Đạo Phật và môi trường*, Nxb Tổng hợp TP HCM, TP HCM.
  132. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
  133. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo 2016*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

134. Samatha Ilangakoon (2014), “Buddhist Religious Ecological Concepts”, trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 105-114.
135. Lê Văn Tâm (1995), “Đạo Phật đối với vấn đề phát triển lâu bền và bảo vệ môi trường”, <http://daitangkinhvietnam.org>, [truy cập ngày 15/5/2016].
136. Thích Đức Thanh (2016), “Giáo dục Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Khuông Việt*, (35), tr. 24-31.
137. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế
138. Lê Mạnh Thát (2000), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 2, 3, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
139. Lê Mạnh Thát (2005), *Phật giáo thời đại mới – Cơ hội và thách thức*, Nxb tổng hợp TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
140. Hà Huy Thành - Nguyễn Ngọc Khánh (đồng chủ biên) (2009), *Phát triển bền vững từ quan niệm đến hành động*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
141. Thích Đàm Thành (2016), “Phụ nữ Phật giáo với bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, (7), tr. 46-49.
142. Ngô Quang Thái - Ngô Thắng Lợi (2007), *Phát triển bền vững của Việt Nam: thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
143. Nguyễn Xuân Thắng (chỉ đạo biên soạn) (2016), *Chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam: 25 năm nhìn lại*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
144. Đỗ Kim Thêm (2013), *Quan điểm của Phật giáo trước các vấn đề hiện đại*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
145. Thích Chơn Thiện (1993), *Phật học Khái luận*, XN In Gia Định, TP Hồ Chí Minh.

146. Thích Đức Thiện, Thích Nhật Từ (đồng chủ biên) (2019), *Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc 2019: Phật giáo và giáo dục đạo đức toàn cầu*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
147. Thích Huệ Thông (2014), “Phật giáo với mục tiêu phát triển bền vững về bảo vệ môi trường”, trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện, chủ biên, *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 305-317.
148. Hoàng Thị Thơ (2017), “Phật giáo với đạo đức lối sống xanh”, *Tạp chí Triết học*, (1), tr.54-60.
149. Minh Thuận (2019), Nhân rộng các mô hình sản xuất chế biến thực phẩm an toàn, tại trang <http://baonamdinh.com.vn>, [truy cập ngày 20/8/2019].
150. Lê Thị Lệ Thủy (2018), “Suy nghĩ về đóng góp của các tổ chức tôn giáo trong bảo vệ giá trị đạo đức thời hiện đại và khát vọng hướng thiện của người trẻ”, *Kỷ yếu Hội thảo “Tôn giáo và đạo đức trong xã hội hiện đại”*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
151. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
152. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định 158/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu ngày 2/12/2008*, Hà Nội.
153. Lê Bá Trình, Trần Thị Kim Oanh, Trần Văn Anh (Thích Tất Đạt) (2017), *Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
154. Tổng cục Môi trường (2011), *Báo cáo hiện trạng truyền thông môi trường trong Phật giáo và Thiên chúa giáo*, Hà Nội.
155. Quảng Tuệ (2015), *Phật giáo với đạo đức môi trường*, *Tạp chí Khuông Việt*, (29), Hà Nội, tr. 35-42.
156. Tùng Tuấn (2020), *Xóa bết than tổ ong, việc cần thiết*, tại trang

<http://www.nhandan.con.vn>, [truy cập 20/1/2020].

157. Nguyễn Hoàng Tuấn (2016), “Ăn chay đối với đời sống xã hội”, *Tạp chí Khuông Việt*, (35), tháng 8, tr.65.
158. Thái Công Tụng (2001), “Đạo Phật có thể ích lợi trong việc giải quyết các tình thế nan giải về đạo đức do cuộc khủng hoảng môi trường gây ra”, Kỷ yếu Hội nghị về Hòa bình do Hội đồng Hòa bình Thế giới và Ủy ban về Hòa bình Việt Nam, Hà Nội.
159. Vũ Minh Tuyên (2010), *Cơ duyên tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
160. Phan Anh Tú (2014), “Ứng xử với môi trường tự nhiên của người Khmer ở Nam Bộ, nhìn từ sinh thái học Phật giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (5), tr. 61-69.
161. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (chủ biên) (2014), "*Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*", Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
162. Thích Nhật Từ (chủ biên) (2014), "*Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc*", Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, TP HCM.
163. Thích Thanh Từ (2007), *Bước đầu học Phật*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
164. Từ điển Bách khoa toàn thư (2002), Nxb Từ điển Bách khoa, Tập 1, Hà Nội.
165. Nguyễn Thị Trang (2015), “Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Phật học Từ Quang*, (11), tr.89 - 95.
166. Ngô Văn Trân (2013), “Phật giáo với bảo vệ môi trường ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (9), tr.12-19.
167. Phạm Thị Ngọc Trâm (2009), “Xây dựng đạo đức sinh thái - một trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên”, *Tạp chí Triết học*, (6), tr, 10-16.
168. Phạm Thị Ngọc Trâm (chủ biên) (2006), *Quản lý nhà nước đối với tài nguyên và môi trường vì sự phát triển bền vững dưới góc nhìn xã hội - nhân văn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



169. Nguyễn Văn Tuyên (1997), *Sinh thái và môi trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
170. Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2019), *Báo cáo tóm tắt sơ kết 04 năm thực hiện Chương trình phối hợp phát huy vai trò phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Hà Nội.
171. Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường & NCA Việt Nam (2019), *Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc: Biểu dương, phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Huế.
172. Nguyễn Thanh Vân (dịch), Hoàng Hưng (hiệu đính) (2013), *Đạo đức học Phật giáo*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
173. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam & Trường Đại học KHXH&NV (2015), *Phật giáo vùng Mê Kông: Ý thức môi trường và Toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
174. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2005), *Một số vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Lưu hành nội bộ, tr. 153-154.
175. Hà Thị Xuyên (2016), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Tạp chí Khuông Việt, (35), tr. 81-84.
176. Yamamoto Shuichi (2010), “Đạo đức môi trường trong Phật giáo Đại thừa”, trong Thích Nhuận Đạt, dịch, *Đạo Phật và môi trường*, Nxb Tổng hợp TP HCM. TP HCM, tr.83-111.
177. Yamamoto Shuichi (2010), “Hướng đến văn minh địa cầu luận về nạn phá rừng và văn minh Phật giáo”, trong Thích Nhuận Đạt, dịch, *Đạo Phật và môi trường*, Nxb Tổng hợp TP HCM. TP HCM, tr.83-111.
178. Vũ Thị Yến (2016), “*Bảo vệ môi trường - từ ý thức đến hành động*”, Kỷ yếu Hội thảo Phụ nữ các tôn giáo vùng đồng bằng sông Hồng chung tay bảo vệ môi trường, Ninh Bình.

**Tài liệu Tiếng Anh:**

179. Christopher S. Queen & Salle B. King (ed.) (1996) *Engaged Buddhism: Buddhist Liberation Movement in Asia*, pp. 1-2, New York: State University of New York. (TR67)
180. David E. Cooper, Simon P. James (2017), *Buddhism, Virtue and Environment*, Routledge Taylor and Francis group, New York, USA.
181. Daniel Corort, James Mark Shields (2018), *The Oxford Handbook of Buddhist Ethics*, Oxford University Press, New York.
182. Dominique Borne và Jean Paul Willaim (2009), *Enseigner les Faits Religieux*, Armand Colin, Pari, France.
183. Harvey Peter Harvey. (1995), *An Introduction to Buddhism, Teaching, History and Practices*, Cambridge U.Press, U.K.
184. Harvey P. (2000), *An Introduction to Buddhist Ethics*, Cambridge U.Press, U.K.
185. Kawda Y. (1994), *Chihyu Kankya to Bukkyo Shiso (The global environment and Buddhist thoughts)*, Daisan Bunmei-sha, Tokyo.
186. Keown D. ed. (2000), *Contemporary Buddhist Ethics*, Curzon, Great Britain.
187. Lục Trung Vĩ (Lu Zhongwei) (2003), *Luận bàn an ninh phi truyền thống*, NXB Thời sự, Bắc Kinh, Trung Quốc.
188. Nich Wallis (2011), *Buddhism and the Environment*, <http://fwbo.org/articles/buddhism&environment.html>.
189. P.P.Sharma (1992), “*Ecology and Environment*”, Rastogi Publications, 6<sup>th</sup>. Ed., 1992, p.2.
190. Padmasiri de Silva (1998), “*Environment Philosophy and Ethics in Buddhism*”, ST. Martin’s Press, New York.
191. Pragati Sahni (2008), *Environmental Ethics in Buddhism*, Routledge Taylor and Francis Group, New York, USA.
192. Ranjan Malvika (2014), *Environmental Protection in Jainism and*

*Buddhism (Bảo vệ môi trường trong đạo Jaina và đạo Phật)*, Vol 4, Indian Journals, Ấn Độ.

193. Schmithausen L. (1991a), “*Buddhism anh Nature*,” the lecture delivered on the occasion of the Expo 1990, an enlarged version with notes, Tokyo: The International Institute for Buddhist Studies.
194. Schmithausen L. (1991b), “*The Problem of the Sentience of Plants in Earliest Buddhism*,” Tokyo: The International Institute for Buddhist Studies.
195. Vincent A. Smith (1990), *Asoka the Buddhist Emperor of India*, Lowprice Publication, Delhi, India.
196. Williams, D.R. (1997), “Animak Liberation Death, and the State: Rites to Release Animals in Medieval Japan”, *Buddhism and Ecology: The Interconnection of Dhama and Deeds*, edited by M. Tucker and D.R.Williams, Cambridge, MA: Harvard University Press.
197. <http://mangrovesforthefuture.org/assets/Repository/Documents/Sach-SGV-07-250813-FINAL.pdf>
198. <http://www.buzzle.com/articles/how-do-humans-affect-the-environment.html>



**3/ Chủ trương, chính sách, giải pháp để phát huy vai trò của Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường**

- Chủ trương
- + Chương trình Phối hợp
- Chính sách, pháp luật
- + Hệ thống pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường
- + Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
- Giải pháp để các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng tham gia bảo vệ môi trường?
- + Nhận thức
- + Chính sách
- + Pháp luật
- + Quản lý Nhà nước
- + Tài chính

**Người phỏng vấn**



- Chính sách của Nhà nước với bảo vệ môi trường của Phật giáo Việt Nam, về:

+ Nhân lực

+ Kinh phí

+ Công nghệ

+ Chính sách

+ Lĩnh vực khác (ghi rõ)

**4/ Xu hướng của Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời gian tới?**

- Hoạt động cũ

- Hoạt động mới

**5/ Theo anh/chị để Phật giáo Việt Nam đóng góp nhiều hơn nữa cho hoạt động bảo vệ môi trường cần có những giải pháp gì?**

- Biện pháp về kinh tế

- Biện pháp về truyền thông

- Biện pháp khác (ghi rõ)

**Người phỏng vấn**





- Về phía chính quyền: chính sách, pháp luật
- Về phía Giáo hội:

**4/ Những khuyến nghị để Phật giáo Việt Nam đóng góp nhiều hơn cho hoạt động bảo vệ môi trường**

- Khuyến nghị:
  - + Với cơ quan Đảng và Nhà nước, chính quyền
  - + Với Giáo hội Phật giáo Việt Nam
  - + Với tín đồ

**Người phỏng vấn**

**Khung phỏng vấn sâu:****Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay  
(dành cho chức sắc, nhà tu hành Phật giáo)**

- Người được phỏng vấn:
- Chức vụ công tác:
- Tuổi:                                 ; Giới:
- Ngày phỏng vấn:
- Địa điểm phỏng vấn:
- Người tiến hành phỏng vấn:
- Nội dung phỏng vấn:

**1/ Ông (bà) cho biết Kinh sách Phật giáo bàn về bảo vệ môi trường như thế nào?**

- Kinh
- Luật
- Luận

**2/ Trong thực hành tu tập của Phật giáo, có những nội dung gì liên quan đến bảo vệ môi trường?**

- Phóng sinh
- Ăn chay
- Khác (nêu rõ)

**3/ Phật giáo trên thế giới có những hoạt động gì trong việc bảo vệ môi trường?**

- Mô hình (mức độ, biểu hiện)
- Hoạt động (mức độ, biểu hiện)
- Phương diện cụ thể (mức độ, biểu hiện)
- Quốc gia (mức độ, biểu hiện)
- Khác (ghi rõ)

**4/ Chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

- Văn kiện đại hội (ghi rõ)
- Văn bản pháp luật
- Thông điệp
- Sự nỗ lực của giáo hội hay nhóm các nhà sư

**5/ Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Phật giáo địa phương có những hoạt động gì liên quan tới bảo vệ môi trường?**

- Mô hình từ phía Giáo hội
- Mô hình từ phía tín đồ

**6/ Nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường có được giảng dạy trong các loại hình đào tạo của Phật giáo không?**

- Nội dung
- Phương pháp giảng dạy (thực tiễn và lý thuyết)
- Tần suất

**7/ Khuyến nghị:**

- Tác động khách quan của kinh tế thị trường, mở cửa
- Khác (ghi rõ)

**Người phỏng vấn**

**Thảo luận nhóm:****Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay**

- Người điều khiển thảo luận
- Thành phần tham gia thảo luận
- + Họ tên
- + Giới tính
- + Cơ quan công tác/nơi ở
- Thời gian thảo luận
- Địa điểm thảo luận
- Nội dung thảo luận

**1/ Đánh giá về hoạt động bảo vệ môi trường của Phật giáo**

- Thấp hơn/mức độ thấp/biểu hiện
- Như nhau/biểu hiện
- Cao hơn/biểu hiện
- Kết quả

**2/ Đánh giá về Chương trình phối hợp giữa Ban thường trực TWMTTQ, BTNMT với các tôn giáo về BMMT và ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Chính sách
- + Phù hợp
- + Phù hợp một phần
- + Chưa phù hợp
- Kết quả
- + Những mặt đạt được
- + Những mặt hạn chế

**3/ Đánh giá về những yếu tố tác động/nguyên nhân**

- Chủ quan
- Khách quan

**4/ Đánh giá rõ kết quả của Chương trình phối hợp**

- Kết quả
- Hạn chế
- Nguyên nhân

**5/ Giải pháp/khuyến nghị**

- Giải pháp: truyền thông, tổ chức, kinh phí, hoàn thiện chính sách pháp luật...
- Khuyến nghị: Đảng/chính quyền; chức sắc nhà tu hành; đoàn thể xã hội và cộng đồng

## BIỂU KẾT QUẢ

Việc tham gia thực hiện Kế hoạch phối hợp “*Phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*”

(Tính từ ngày 21/6/2016 đến nay)

STT	Tôn giáo	Mô hình về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	Các lớp tập huấn tại địa phương về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu		Số hoạt động/chương trình được tổ chức để bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu		Hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu		Kinh phí dành cho các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (Triệu đồng)		
			Số lớp	Số người tham gia	Số hoạt động	Số lượng người tham gia	Số buổi	Số lượng người tham gia	Ngân sách từ ngành TNMT	Từ kinh phí hoạt động thường xuyên của MT	Từ nguồn vận động xã hội
1	Phật giáo	60	120	45 896	321	227 538	2 580	101 205	30	275	3 770
2	Công giáo	45	60	10 578	294	9 518	1 504	55 786	5	130	750
3	Đạo Tin Lành		8	753						82	
4	Đạo Cao Đài	3	3	389						68	

5	Đạo Islam	1	1	152						15	
6	Tôn giáo Baha'i		2	176						17	
7	Phật đường Nam tông Minh Sư đạo	1	1	78						7	
8	Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giêsu Kytô Việt Nam		4	481						48	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110</b>	<b>199</b>	<b>58 503</b>	<b>615</b>	<b>237 056</b>	<b>4 084</b>	<b>156 991</b>	<b>35</b>	<b>642</b>	<b>4 520</b>

9	Ủy ban MTTQ Việt Nam TP Hà Nội	3	98	14 798	1	213	42	8 534		250	
---	-----------------------------------	---	----	--------	---	-----	----	-------	--	-----	--

(Nguồn: UBTWMTTQ TP Hà Nội)